LSĐ
X043

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ PHƯỜNG MŨI NÉ

MŨI NÉ
TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG
(1930 - 1975)

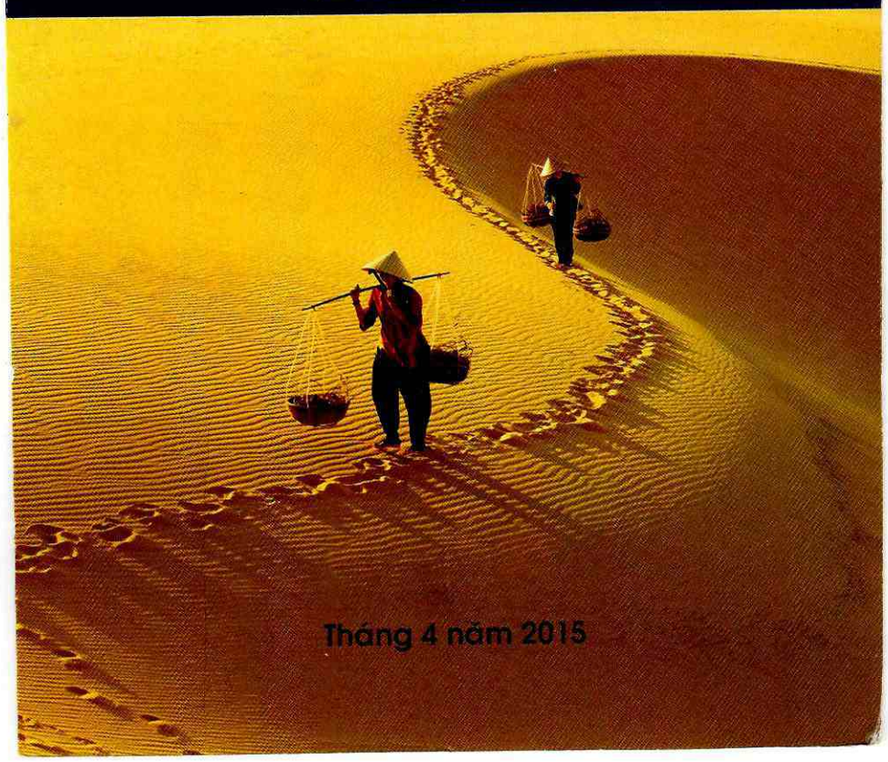

Tháng 4 năm 2015

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ PHƯỜNG MŨI NÉ

MŨI NÉ
TRUYỀN THỐNG
ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG
(1930 - 1975)

Tháng 4 năm 2015

LỜI NÓI ĐẦU

Qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược, quân và dân phường Mũi Né đã một lòng một dạ đi theo Đảng, đoàn kết đấu tranh, kiên cường vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, hy sinh, lập nên nhiều chiến công vẻ vang, góp phần xứng đáng vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc, giải phóng quê hương đất nước.

Nhằm ghi lại những sự kiện lịch sử, những chiến công hiển hách, sự hy sinh anh dũng của cán bộ và nhân dân Mũi Né trong giai đoạn lịch sử chống ngoại xâm 1930 – 1975. Đảng uỷ phường Mũi Né xuất bản tập "Mũi Né truyền thống đấu tranh cách mạng giai đoạn 1930 – 1975" để tuyên truyền giáo dục truyền thống Cách mạng cho thế hệ trẻ, quân và dân phường Mũi Né. Đây là một di sản vô cùng quý giá mà các thế hệ chúng ta hôm nay và mãi mãi mai sau có quyền tự hào, cùng có trách nhiệm trân trọng giữ gìn kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp đó.

Qua một thời gian dài nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, hình ảnh, gặp gỡ các nhân chứng và nhiều lần góp ý, hội thảo, biên soạn, đến nay tập lịch sử Đảng bộ phường Mũi Né giai đoạn 1930-1975 hoàn thành.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc bổ sung, sửa chữa, song do nhiều nguyên nhân khách quan nên tập sách cũng còn một số mặt thiếu sót, hạn chế nhất định vì nhiều tư liệu thất lạc trong chiến tranh, các nhân chứng lịch sử đã qua đời.... Đảng ủy phường Mũi Né rất mong các đồng chí lão thành Cách mạng, các đồng chí lãnh đạo qua các thời kỳ và các bạn đọc gần xa tham gia đóng góp ý kiến để tập sách hoàn chỉnh hơn trong lần tái bản sau.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

PHƯỜNG MŨI NÉ (KHÓA XIII)

CHƯƠNG I

TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC TỪ 1930 ĐẾN THÁNG TÁM NĂM 1945

I - MỘT SỐ NÉT VỀ VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI XƯA VÀ NAY

Ngày nay, với diện tích tự nhiên 32,05 km^2 , dân số 5.062 hộ, có 34.230 người, trong đó có khoảng 23.874 người Kinh. Ngoài ra còn có một số ít người dân tộc khác như Hoa, Chăm, Khơme...Mũi Né là một phường lớn của Thành phố Phan Thiết, cách trung tâm thành phố 22 km về phía Đông Bắc. Phía Bắc và Đông Bắc giáp xã Hồng Phong, xã Hòa Thắng (Huyện Bắc Bình), phía Tây giáp xã Thiện Nghiệp và phường Hàm Tiến, phía Đông và phía Nam giáp biển Đông với chiều dài 18km. Từ Cầu Ké, phường Phú Hài theo đường 706 chạy dọc theo ven biển qua khỏi Lầu Ông Hoàng, Núi Cố, Mũi đá Ông Địa, rừng dừa Rạng, dốc Bà La là đến Mũi Né.

Về hình thể, Mũi Né là cụm bán đảo Mũi Né – Hòn Rơm - Suối Nước. Có tọa độ chung từ $10^0$55' - $10^0$58' Vĩ tuyến Bắc và $108^0$17' – $108^0$20' Kinh đông. Cao độ bán đảo Mũi Né khoảng 31m, chia Mũi Né thành Bãi trước, Bãi Sau và Bãi Hòn Rơm - Suối Nước. Mùa gió Bấc, do có sự che chắn của bán đảo nên ghe thuyền neo đậu 7 – 8 tháng

một năm ở Bãi trước. Bãi sau và Bãi Hòn rơm là bãi cát trắng đẹp hoang sơ, lý tưởng cho việc phát triển du lịch nghỉ dưỡng.

Bán đảo Hòn Rơm cao tới 122m chạy dài theo hướng Bắc Nam vươn ra biển. Xa xa về hướng Tây Nam là gành đá và Hòn Lao, che chắn Bãi sau, làm cho phong cảnh vừa hùng vĩ vừa hoang sơ.

Mũi Né rất giàu thắng cảnh như: Suối Hồng, Đồi Hồng, Hòn Rơm, Gành Trước, Gành Sau, Bãi Đá Trứng, Đá Ông Táo, Miếu Bà Vàng, Suối Nước, Lăng ông Nam Hải...Đặc biệt Mũi Né có những động cát vàng mênh mông với đủ hình dạng do gió xoáy tạo thành, là nơi vui chơi giải trí lý tưởng.

Về đơn vị hành chính qua các thời kỳ, Mũi Né có nhiều tên gọi khác nhau. Trước năm 1945, trên địa bàn Mũi Né là 3 làng Long Sơn, Khánh Thiện, Thạch Long thuộc tổng Thắng An, phủ Hàm Thuận. Sau cách mạng tháng Tám, huyện Hàm Thuận hợp nhất ba làng nói trên thành xã Khánh Long. Tháng 4/1946, để phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới vừa kháng chiến vừa kiến quốc, huyện Hàm Thuận phân bổ 20 xã đồng bằng thành 6 khu hành chính. Cùng với xã Quang Cảnh (Hàm Tiến), xã Khánh Long nằm trong 6 khu hành chính do đồng chí Nguyễn Gia Tú vừa phụ trách chung toàn huyện vừa làm khu trưởng. Năm 1950, huyện Hàm Thuận điều chỉnh địa giới các

xã trong huyện thành 8 xã lớn với tên gọi mỗi xã chữ đầu là Hàm, chữ thứ hai là Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Nhơn, Đức, Trí, Dũng. Xã Hàm Dũng gồm các Xã Quang Cảnh và Khánh Long[1]. Năm 1952 Tỉnh ủy Bình Thuận lập khu Miền Đông có chức năng như một huyện độc lập do Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo, xã Hàm Dũng cùng với các xã Hàm Thắng, Hàm Nhơn, Hàm Đức tách khỏi huyện Hàm Thuận trực thuộc miền Đông.

Thời kháng chiến chống Mỹ, ngày 17/5/1958, Ngụy quyền Sài Gòn lập quận Hải Long gồm 7 xã ven biển Đông bắc thị xã Phan Thiết. Hai xã cũ có tên gọi trước năm 1945 thuộc địa bàn phường Mũi Né ngày nay là Khánh Thiện, Thạch Long thuộc quận Hải Long, quận lỵ đóng ở Mũi Né.

Về phía ta: Đầu năm 1966, huyện căn cứ Lê Hồng Phong và ban cán sự Bắc Sơn giải thể. Các xã ở phía Nam huyện căn cứ Lê Hồng Phong và phía Đông huyện Hàm Thuận được cắt ra lập huyện Thuận Phong. Xã Hàm Dũng trực thuộc huyện Thuận Phong.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, huyện Thuận Phong giải thể, xã Hàm Dũng trở về trực thuộc huyện Hàm Thuận. Đến ngày 13/3/1979 theo Quyết định số 104-CP của Hội đồng Chính phủ, xã Hàm

---

(1) Theo Nghị định số 1160PC/NĐ của UBKCHC Miền Nam Trung bộ

Dũng trở thành Thị trấn Mũi Né. Đến ngày 30/12/1982 theo Quyết định số 204/HĐBT của Hội đồng bộ trưởng, nhằm mở rộng thị xã Phan Thiết về hướng Đông bắc, Thị trấn Mũi Né tách khỏi huyện Hàm Thuận giao về cho thị xã Phan Thiết và gọi là phường Mũi Né mang tính đô thị hóa cho đến ngày nay.

Đặc biệt, Mũi Né vừa là địa danh hành chính, vừa là địa danh dân gian. Hai từ Mũi Né xuất xứ từ tiếng Chăm Bia Aneh, nghĩa là mũi biển nhỏ, lâu ngày Việt hóa thành Mũi Né, trong sắc phong triều Nguyễn còn lưu giữ ở các ngôi đình dùng từ Hán Nôm Vị Nê theo sắc phong của vua Tự Đức năm 1883. Trên bản đồ thời Pháp thuộc, người Pháp ghi CapDeNé.

Về lịch sử dân cư: Đời nhà Lê, vua Chiêu Thống (khoảng 1786) và thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh, người dân các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên di cư vào sống tại Mũi Né. Phần lớn chuyên về đánh cá, sống dựa ven biển, đặt thành 2 làng đầu tiên là Khánh Thiện và Phụng Ứng (sau đó sát nhập và có tên xã Khánh Thiện). Dân cư ngày càng đông, nên sau đó lập thêm 2 làng Thạch Long và Long sơn.

Hiện nay, ngôi chùa Khánh An ở khu phố 6 xây dựng năm Qúi Dậu – 1813. Nhà Tiền hiền Thạch Long ở khu phố 12 do hai cụ cố Lê Văn Kham, Trần

Văn Năng quy dân lập ấp bằng tranh tre nứa lá năm Giáp Thân – 1826 thời kỳ vua Minh Mạng. Nhà Tiền hiền Khánh Thiện ở khu phố 04 do ông Huỳnh Công Thạch, trưởng nam cụ cố Huỳnh Công Mao đóng góp xây dựng năm 1886. Ngôi chùa Khánh Nghĩa ở khu phố 06 sáng lập năm Canh Thân – Duy Tân nguyên niên và mộ phần bà Nguyễn Thị Liễu sinh năm Nhâm Tuất – 1862. Đây là những chứng tích nói về nguồn gốc dân cư Mũi Né có cách đây trên 200 năm.

Đường giao thông duy nhất lúc bấy giờ là đường thủy, việc giao thương và đi lại của dân cư rất khó khăn. Đến năm 1922 khởi công xây dựng đường xe Phan Thiết – Mũi Né[1]. Đến những năm 1939 – 1940 mới hoàn thành. Từ đó việc giao lưu với các nơi thuận lợi hơn nhiều, giúp nghề cá Mũi Né phát triển thịnh vượng.

Phương tiện vận chuyển chủ yếu từ ghe thuyền nhỏ sang loại ghe bầu lớn hơn, trọng tải nặng hơn từ 5 đến 20 tấn, sử dụng buồm lớn, buồm nhỏ bọc gió trợ lực cho những tay chèo lực lưỡng. Mùa động gió, ít hàng hóa thì đi bằng ghe nhỏ, thường gọi là "nốt đò" và đi bộ gánh gồng theo đường mòn từ Mũi Né đến các xóm dân cư lân cận.

---

(1) Bà Lục Thi Đậu (người Mũi Né) bỏ tiền ra và chính quyền lúc bấy giờ tổ chức thi công. Bến xe Mũi Né là khu vực nhà bà Tổng Đài hiện nay.

Ở Mũi Né, ngày trước trong khai thác hải sản, ghe bầu nan rất thông dụng đậu kín Gành Trước, Gành Sau. Ghe bầu nan gồm 2 phần: phần trên là lườn ván, hai lộng dọc ngang với những cây dầm chèo làm bằng gỗ sao có sức chịu đựng bền bĩ ở vùng nước mặn. Phần dưới là cái đáy mê dài đan bằng nan cọc tre xảm trét một lớp dầu chai đặc biệt. với ghe bầu nan, ngư dân có thể kéo nguyên chiếc lên bờ, cất giữ an toàn ngư lưới cụ. Khi sửa chữa thì lật úp chiếc ghe xuống, quan sát đều khắp để hư đâu sửa đó rất tiện lợi. sức trọng tải của mỗi chiếc ghe bầu nan từ 10 đến 14 tấn cá thường để dưới đáy mê đan, ngư dân có thể đi khơi hành nghề và giữ cho hải sản còn tươi lúc trở về bến bãi.

Trước khi nghề nước mắm phát triển, ngư dân muối mắm con cho vào ghè ống để chuyển đi bán các nơi. Đến cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, nghề nước mắm mới hình thành và phát triển. Giai đoạn cực thịnh nghề chế biến nước mắm là từ những năm 1920 – 1960. Nước mắm Mũi Né có tiếng khắp nước và cả khu vực Đông Dương.

Đến năm 1933, chính thức có trường học kiên cố (trước đình làng Khánh Thiện – do bà Lục Thị Đậu phụng cúng). Đến năm 1965, một lớp 6 được đưa vào giảng dạy mở đầu cho việc phát triển giáo dục Mũi Né sau này.

Ngày nay, về quản lý hành chính, phường Mũi Né thuộc Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, phân thành 17 khu phố và 105 tổ nhân dân tự quản. Ngành kinh tế chính là đánh bắt và chế biến thủy sản, hàng năm đạt khoảng 12.000 tấn. Du lịch đã trở thành thế mạnh và phát triển không ngừng kể từ khi xẩy ra nhật thực toàn phần năm 1995.

Ngư dân Mũi Né còn giữ lễ hội truyền thống thờ cúng Thần Nam Hải ở cả 3 vạn: Khánh Thiện, Thạch Long và Long Sơn. Mùa lễ hội hàng năm đều tổ chức đua thuyền, hát bội, hò Bá Trạo.

Từ vùng đất hoang vu, đầm lầy nước đọng. Các thế hệ cư dân Mũi Né đã chung tay phát triển Mũi Né ngày càng thịnh vượng. Nước mắm Mũi Né một thời nổi tiếng. Nay du lịch Mũi Né cũng trở thành điểm đến của du khách mọi miền đất nước và quốc tế.

II - PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TỪ 1930 ĐẾN THÁNG 8 NĂM 1945

Cũng như cả nước, từ thập kỷ 19, dưới ách thống trị của thực dân Pháp, người dân Mũi Né sống cuộc đời nô lệ. Luồng ánh sáng độc lập, tự do, hạnh phúc còn xa. Chỉ có một số ít lý hương quan lại làm tay sai cho thực dân Pháp ăn trên ngồi trước, chuyên sống bóc lột mồ hôi, xương máu của dân nghèo. Phương

tiện đi lại của chúng là võng có lọng che, kiệu có phu khiêng đi. Mỗi lần có những tên chánh, phó sứ người Tây hoặc những tên tuần vũ, tri huyện đi kinh lý, người dân bị bắt buộc lập hương án cầm cờ đuôi nheo cùng chức sắc trong làng áo dài khăn đóng xếp hàng dài hai bên đường đón rước. Những ai chống đối thì bị cùm cổ, kẹp tay, gông chân, đóng trăn, xiềng xích.

Để kèm dân, chúng lập đồn Thương Chánh ở Thạch Long[1] và 01 đồn tại Khánh Thiện[2], đi đôi với việc hình thành đầy đủ các chức sắc địa phương để giúp chúng cai trị. Sau này địch xây thêm 11 lô cốt bao quanh Mũi né. Hệ thống tổ chức cai trị của địch rất chặt chẽ cả về quân sự lẫn kinh tế, tất cả các sản phẩm đều bị đánh thuế.

Dưới sự kiểm soát chặt chẽ đó cùng với giao thông, liên lạc khó khăn của thập niên 1930 – 1940, nhưng người dân Mũi Né không cam chịu và mong chờ sự thay đổi.

Thời ấy, tiếng vang của cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, những cuộc đấu tranh của công nhân các nhà máy, đề pô xe lửa Dĩ An, Tháp Chàm, những hoạt động yêu nước ở Phan Thiết cũng đã lọt vào tai người dân Mũi Né náo nức truyền miệng xôn xao. Những

---

(1) Đồn biên phòng 440 cũ (khu phố 9)
(2) Trường tiểu học Mũi Né 2 ngày nay (khu phố 3)

Một trong những lô cốt Pháp xây dựng tại Mũi Né.

tia sáng đó là do ghe thuyền miền Trung vào Mũi Né ăn hàng, là những ghe bầu đưa nước mắm Mũi Né vào Nam bộ, đi Campuchia, là Liên Thành thương quán ở Phan Thiết ra mở phân cuộc ở Mũi Né.

Người trực tiếp đến Mũi Né gieo mầm mống cách mạng là đồng chí Hồ Quang Cảnh và đồng chí Nghệ (từ nhà số 7, đường Nhà Chung, phường Lạc Đạo). Năm 1931 ra Thạch Long Mũi Né ở tại nhà ông Ba Tuấn, tuyên truyền gây cơ sở đầu tiên nhằm vào những người trung kiên, kín đáo làm ăn trong Hội nước mắm Liên Thành, Quảng Đông Long và Hội Tùng thư mộ địa.

Hội nước mắm Liên Thành có anh Trần Văn Sớ sau đổi tên là Tư Lập là người làm công rút nước mắm, súc tỉn cho các hàm hộ được đưa vào thư ký cho Hội. Hội Tùng thư mộ địa là một hội ái hữu đưa người từ trần từ gia đình đến mộ địa, không nhận tiền thù lao đối với những người quá nghèo. Sau này, ở Hội này được một số người ở Hội Kín yêu nước đến gây cơ sở qua những lần chuẩn bị phục vụ cho đám ma. Ở Mũi Né, từ Hội Liên Thành, Hội Quảng Đông Long, Hội Tùng thư mộ địa có cơ sở giác ngộ cách mạng từng bước đi lên. Hàng ngày do bị chèn ép, áp bức, bất công, những cơ sở yêu nước đã tổ chức đấu tranh đạt được một vài thắng lợi nhỏ bước đầu. Có lần một số thanh niên được tập hợp ra Rẫy Sắn, Gành

Sau đường đi lên Hòn Rơm chặn đánh một số lính gian ác của đồn Thương Chánh đi thu những món thuế bất hợp lý như thuốc lá, rượu cồn...

Đêm 31/7/1931 một sự kiện lịch sử đến với Mũi Né, trong đêm mưa giông tầm tã, cùng một lúc với Phan Thiết, Rạng, cờ đỏ búa liềm rực rỡ tung bay theo làn gió biển từ Động Bà Lựa ra mãi đến Thạch Long, trước đình làng, trước công sở, trước chợ cùng với truyền đơn bươm bướm bay ở các ngã đường, nội dung truyền đơn là đả đảo bọn thực dân Pháp xâm lược và bè lũ tay sai, đòi giảm thuế, chống bắt phu, bắt lính. Để đối phó, từ rạng sáng bọn hương lý cường hào ác bá cho nổi trống, nổi mõ báo động đi thu nhặt truyền đơn, một bộ phận trèo lên cây để gỡ cờ, mãi đến trưa đứng bóng mới thu được hết. Nhà cầm quyền lệnh cho bọn tay sai đi lùng sục, khám xét tất cả mọi nhà, không tìm ra được tang chứng cụ thể, bọn chúng hậm hực kéo nhau ra về. Những âm vang của lần treo cờ, rải truyền đơn đầu tiên này ở Mũi Né đã làm tăng thêm lòng tin của nhân dân đối với cách mạng ở địa phương với tình cảm tốt đẹp. Những cơ sở yêu nước tìm cách liên lạc với các nơi như Rạng, Phan Thiết, nhất là những chuyến đi ghe bầu vào Sài Gòn bán nước mắm, tìm mua những tờ báo tiến bộ trong các phong trào đấu tranh chính trị ở các nơi trong nước, như phong trào đòi ân xá cụ Phan Bội Châu, phong

trào để tang nhà chí sĩ Phan Châu Trinh qua đời ngày 24/3/1926. Trong dịp làm lễ tang nhà chí sĩ Phan Bội Châu ở Sài Gòn những cơ sở yêu nước ở Mũi Né đã bí mật kêu gọi các hàm hộ, các hiệu buôn người Hoa, các hội ái hữu góp tiền và cử đại biểu đi theo ghe bầu vào Sài Gòn tham dự lễ truy điệu.

Những năm 1936 – 1939, nạn khủng hoảng kinh tế trầm trọng diễn ra trong cả nước đã tác động mạnh đến việc làm ăn sinh sống của người dân Mũi Né. Kinh doanh sản xuất nước mắm bị chèn ép - Ngư dân làm biển đánh được cá bán 5 xu một rổ không ai mua, giá nước mắm trụt dài từ 40 đồng 125 tỉn xuống còn 30 đồng. Các hàm hộ nhỏ chạy vay vốn rất khó khăn, một số bị phá sản. Các hiệu buôn, nhất là người Hoa buôn bán ế ẩm đi đến sạt nghiệp. Giá gạo từ 11 đồng 5 hào 8 xu 1,6 tạ hạ xuống còn 3 đồng 2 hào mà người dân lao động Mũi Né cũng không đủ tiền để mua. Cuộc sống rất cơ cực lầm than.

Nhiều tờ báo tiến bộ như Dân Chúng, Tiến Dân, Đuốc Nhà Nam, Công luận, Dân Quyền... từ các ghe bầu đi buôn nước mắm mang về, từ cơ sở Đảng trong Phan Thiết đưa ra Mũi Né bí mật truyền tay nhau đọc, mở mang thêm tầm hiểu biết về cách mạng và các đợt đấu tranh trong cả nước; Trong làn sóng ấy, ở Mũi Né xuất hiện cờ đỏ búa liềm, truyền đơn trên cả nẻo đường, ngoài chợ, đình làng, trong cả ngăn kéo làm

việc của quan Tây, Ban hội tề và ngay trong mỏ canh đánh báo động, điểm giờ canh gác.

Lúc bấy giờ tên tri phủ Hồ Đắc Bích từ Phan Thiết ra võ ca đình làng Khánh Thiện, Mũi Né bắt những người không chịu nộp thuế cùm chân, xích tay, đánh đập thậm tệ, buộc phải bán nhà, bán cửa, bán vợ, đợ con để nộp thuế. Chúng còn cho bắt hai ông Xã Thu và Bộ Truyền là hai chức sắc cao niên có nhiều uy tín trong làng quát tháo, nạt nộ, cật vấn, đổ lỗi cho hai ông là người chủ xướng nhân dân chống lại lệnh quan thầy, không nộp thuế. Hai ông đành phải nuốt căm hờn, hạ mình van nài chúng. Lúc đó nhân dân trong làng nghe hai ông bị quan thầy làm nhục lấy làm tức giận kéo nhau tụ tập trước đình làng hò la đòi thả hai ông. Run sợ trước đám đông thách thức có giỏi thì bắt hết dân làng, bọn chúng gượng gạo làm oai, tuyên bố giảm bớt một số nợ thuế cho dân nghèo. Lần đấu tranh này của nhân dân Mũi Né đã thu được thắng lợi bước đầu, đồng bào hân hoan phấn khởi.

Từ đây, đồng chí Tư Lập ở Hội Liên Thành Mũi Né chăm lo phát triển cơ sở, tuyên truyền giáo dục cách mạng theo sự hướng dẫn của đồng chí Nghệ trước khi trở về Phan Thiết.

Từ năm 1936 trở đi, các tổ chức có tính chất xã hội hoặc nghiệp đoàn lần lượt được thành lập như: Nghiệp đoàn đánh bắt cá, Hội hàm hộ, Hội hớt tóc,

thợ may... Đặc biệt hội truyền bá quốc ngữ vào ban đêm thu hút được nhiều lứa tuổi tham gia đông đảo.

Đầu năm 1937, bọn cai thầu nâng thuế tiền chỗ lên gấp đôi. Giới tiểu thương bất bình. Trước tình hình quần chúng phản ứng, cán bộ ta đã bí mật hướng dẫn cho bà con đấu tranh bãi thị như là bước tập dợt ban đầu của phong trào quần chúng đấu tranh.

Kết quả như ý muốn, Mùng 2 Tết Đinh Sửu (1937), chợ Mũi Né không họp[1], không ai dọn hàng, các hiệu buôn đóng cửa. Bọn chức sắc bất lực, phải vào Phan Thiết cầu cứu mãi đến 4,5 ngày sau mới yết thị hạ thuế. Phong trào đấu tranh của quần chúng đã thu được kết quả khả quan.

Tháng 7/1937 hưởng ứng cuộc đấu tranh của giới hàm hộ Phan Thiết, Phú Hài, Phan Rí, giới hàm hộ Mũi Né đã phản đối sắc lệnh của nhà cầm quyền buộc nước mắm phải đựng trong chai thay vì đựng trong tỉn như trước. Sắc luật này sau đó được hủy bỏ.

Các cuộc đấu tranh trên đây, tự phát có, được cán bộ hướng dẫn có đều đạt được thành công nhất định. Nguyên nhân quan trọng là đấu tranh chính đáng, đoàn kết, dựa vào sức mạnh tập thể.

---

(1) Chợ được lập tại khu vực đầu dốc kéo dài đến cuối dốc bờ đê (khu 7) hiện nay. Năm 1949 bị đốt. Sau đó chợ dời về địa điểm hiện nay.

Qua những lần đấu tranh này, thực dân Pháp không thể lơ là nữa. Việc bố ráp được thực hiện thường xuyên. Người đi lại bị kiểm soát chặt chẽ. Lệnh thiết quân lực từ 10 giờ đêm trở đi được giữ suốt mấy năm trời.

Một thời gian sau khi đến Thạch Long xây dựng cơ sở. Ông Hồ Quang Cảnh về Rạng. Ông Nghệ chuyển đi nơi khác, chỉ còn mình ông Tư Lập chủ động tiếp tục xây dựng cơ sở và hướng dẫn quần chúng đấu tranh. Khi những cuộc đấu tranh nổ ra ngày càng nhiều, chứng tỏ có sự lãnh đạo của Việt Minh chứ không đơn thuần là quần chúng bộc phát thì bọn Pháp đã cố truy tìm và bắt 1 số người bị tình nghi. Lúc này, ông Tư Lập có khả năng bị lộ, nên phải chuyển vùng hoạt động. Trước khi về lại Quảng Bình, ông đã giao cho ông Phạm Viết Mẹo giữ liên lạc với tổ chức ở Ma lâm và một số cơ sở đã xây dựng được Mũi Né. Ông Lập thể hiện trách nhiệm cao trước khi lánh địch để hoạt đông nơi khác. Ông là một trong những người đầu tiên xây dựng cơ sở cách mạng cho Mũi Né.

Khi cả 3 người đều chuyển vùng hoạt động, tại Mũi Né có một người lãnh đạo mới tên là thầy Mười Rô được cử về tạm trú tại nhà ông Võ Bích, mở lớp dạy học để che mắt địch.

Tận dụng cơ hội dạy học tại nhà ông Võ Bích, đồng chí Mười Rô tuyên truyền tôn chỉ mục đích của Mặt trận Việt Minh cho số học trò của mình, trong đó có đồng chí Võ Trưng và đồng chí Chín Dần. Sau đó dưới sự dìu dắt của ông, Ông Võ Trưng và Nguyễn Dần (Chín Dần) đã đảm đương vai trò lãnh đạo quần chúng. Ngoài ra nhóm Hội trường học ở Mũi Né do ông Nguyễn Đình Huề đốc học trường làng Mũi Né cũng tuyên truyền giáo dục được một số thầy cô giáo như thầy Liêm, thầy Jin, cô giáo Huế, tổ chức thành tổ trí thức yêu nước dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Nguyễn Gia Tú. Mỗi lần vào Phan Thiết họp đồng chí Huề tìm cách liên lạc nhận chỉ thị của đồng chí Nguyễn Gia Tú về phương hướng hoạt động.

Cùng thời gian, nhóm đồng chí Võ Trưng, Chín Dần thì nhận sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Nguyễn Tương, xây dựng nhiều hội, nhiều nhóm, nhiều tổ hoạt động đều khắp trong cả vùng. Ở Mũi Né có vấn đề ăn chia giữa chủ ghe bầu và bạn ghe không được công bằng, hợp lý, vấn đề chủ hàm hộ chế biến nước mắm bắt chẹt trả lương không phù hợp với công bỏ ra của người lao động, các đồng chí Võ Trưng, Chín Dần gặp các cụ phụ lão có uy tín đứng ra dàn xếp có tình, có lý, không để cho người lao động quá bị thiệt thòi. Nhân cơ hội này, các cụ phụ lão có uy tín lập một hội lấy tên là: "Nhật tự thân" gồm một số Ban Hội tề, một số hàm hộ và một số người Hoa

làm ăn khá giả, có máu mặt sẵn lòng giúp đỡ cho người nghèo khi đau ốm, có đám ma, từ đó càng nâng cao thêm uy tín cho tổ chức.

Thời gian này lại một vụ đấu tranh mới diễn ra ở Mũi Né. Bọn cầm quyền ở Phan Thiết tiếp tục làm đoạn đường Phan Thiết – Mũi Né còn dở dang do trước đây đến Mũi Đá Ông Địa gặp nhiều đồi đá, dốc cao, phải ngưng trệ nhiều năm. Bọn phủ huyện xuất trác về Rạng, Mũi Né đưa thêm đến mỗi làng 20 người lao động làm đường theo kiểu bắt dân làm xâu. Các cụ trong Hội "Nhật tự thân" sau khi xin ý kiến các đồng chí ta bèn quyết định đấu tranh bắt buộc nhà cầm quyền phải trả tiền công cho người lao động làm đường, không trả thì hò reo kéo nhau đi về hết. Bọn cai thầu tuyên bố làm xâu thì người làng nào làng đó lo. Thế là tất cả đoàn người lao động la ó phản đối, quăng cuốc xẻng, xà beng, tháo gỡ đường ray, lật đổ mấy xe rùa đựng đá rồi kéo nhau ra về.

Như vậy, những năm của thập niên 1940, tại Mũi Né có 2 nhóm cách mạng cùng hoạt động cùng hoạt động và chịu sự chỉ đạo của 2 người khác nhau do giữ bí mật nên không biết để cùng nhau phối hợp. Chính vì vậy, về sau này đã xảy ra hiểu lầm đáng tiếc.

Nhóm của ông Nguyễn Đình Huề chủ yếu chỉ hoạt động trong khuôn khổ nhà trường và học sinh.

Nhóm của ông Mười Rô – Võ Trưng – Chín Dần hoạt động rộng khắp Mũi Né được nhiều tầng lớp ủng hộ và hướng dẫn quần chung đấu tranh có kết quả là do biết dựa vào các cụ lớn tuổi, có uy tín. Đồng thời, luôn đứng về phía người nghèo nên nhận được nhiều sự ủng hộ của quần chúng.

Dần dần, 2 ông Võ Trưng và Chín Dần đã xúc tiến tổ chức thành lập các Hội phụ nữ, Thanh niên (Hội đá banh), Hội ngư nghiệp, tổ chức nghề nghiệp có giới tiểu thương, Hội hàm hộ. Các chùa chiền cũng có người phụ trách. Phong trào quần chúng khí thế ngày càng cao.

Về sau, khi sân banh Mũi Né được xây dựng và khánh thành vào năm 1943[1] thì phong trào thanh niên chơi thể thao rất phổ biến. Và đây cũng là tiền đề để xây dựng cốt cán trung kiên trong giới thanh niên, càng làm cho phong trào mạnh mẽ hơn.

Khí thế phong trào quần chúng đang lên cao, tiến triển thuận lợi, uy tín của nhóm Võ Trưng càng được quần chúng ủng hộ kể cả các vị trong Ban Hội tề thì tổ chức bắt đầu gặp khó khăn khi những năm 1941 – 1942 nhóm này mất liên lạc với đ/c Nguyễn Tương. Tuy vậy, nhóm vẫn tranh thủ được sự ủng hộ của Ban Hội tề, kêu gọi quần chúng không nộp thuế với lý do

---

(1) Địa điểm: Khu vực Chợ Mũi Né ngày nay.

làm ăn thất bát. Đích thân Tri phủ Phạm Phú Tiết ra hò hét nhưng vẫn không kết quả. Hai năm 1943, 1944, chúng không thu được thuế.

Tình thế Mũi Né rất thuận lợi cho cách mạng, nhưng do không có sự chỉ đạo của cấp trên, nhóm Võ Trưng, Chín Dần nhiều lần vào Phan Thiết tìm cách nối lại liên lạc để nhận chủ trương nhưng không thành. Đến gần cuối năm 1943 nhóm gặp được đ/c Nguyễn Kim Bồng đang tuyên truyền về mục đích tôn chỉ của Mặt trận Việt Minh. Được hướng dẫn chủ trương, đồng chí Trưng và đồng chí Dần về triển khai cho các cơ sở học tập.

Việc học tập, xây dựng các tổ chức đoàn thể hầu như công khai vì lúc bấy giờ, các vị trưởng Ban Hội tề đều có cảm tình với nhóm nên không gây khó dễ. Khí thế cách mạng càng bộc lộ rõ hơn vào cuối năm 1944 đầu năm 1945, không còn úp mở bí mật như trước đây nữa.

Đầu năm 1945, khi Mỹ tập kích các tàu Nhật ven biển Phan Thiết thì một trận không, thuỷ chiến đã diễn ra trên vùng biển Mũi Né. Một tàu Nhật trúng bom tại khu vực Thạch Long với một tiếng nổ lớn làm rung chuyển cả mặt biển. Một chiếc khác cháy trước biển Mũi Né. Hàng trăm bành cao su non bắt lửa cháy cả một vùng biển, nhiều thùng dầu lửa nổ tung lan tràn cả biển, khói lửa ngút trời.

Nhóm của ông Mười Rô – Võ Trưng – Chín Dần hoạt động rộng khắp Mũi Né được nhiều tầng lớp ủng hộ và hướng dẫn quần chung đấu tranh có kết quả là do biết dựa vào các cụ lớn tuổi, có uy tín. Đồng thời, luôn đứng về phía người nghèo nên nhận được nhiều sự ủng hộ của quần chúng.

Dần dần, 2 ông Võ Trưng và Chín Dần đã xúc tiến tổ chức thành lập các Hội phụ nữ, Thanh niên (Hội đá banh), Hội ngư nghiệp, tổ chức nghề nghiệp có giới tiểu thương, Hội hàm hộ. Các chùa chiền cũng có người phụ trách. Phong trào quần chúng khí thế ngày càng cao.

Về sau, khi sân banh Mũi Né được xây dựng và khánh thành vào năm 1943[1] thì phong trào thanh niên chơi thể thao rất phổ biến. Và đây cũng là tiền đề để xây dựng cốt cán trung kiên trong giới thanh niên, càng làm cho phong trào mạnh mẽ hơn.

Khí thế phong trào quần chúng đang lên cao, tiến triển thuận lợi, uy tín của nhóm Võ Trưng càng được quần chúng ủng hộ kể cả các vị trong Ban Hội tề thì tổ chức bắt đầu gặp khó khăn khi những năm 1941 – 1942 nhóm này mất liên lạc với đ/c Nguyễn Tương. Tuy vậy, nhóm vẫn tranh thủ được sự ủng hộ của Ban Hội tề, kêu gọi quần chúng không nộp thuế với lý do

---

(1) Địa điểm: Khu vực Chợ Mũi Né ngày nay.

làm ăn thất bát. Đích thân Tri phủ Phạm Phú Tiết ra hò hét nhưng vẫn không kết quả. Hai năm 1943, 1944, chúng không thu được thuế.

Tình thế Mũi Né rất thuận lợi cho cách mạng, nhưng do không có sự chỉ đạo của cấp trên, nhóm Võ Trưng, Chín Dần nhiều lần vào Phan Thiết tìm cách nối lại liên lạc để nhận chủ trương nhưng không thành. Đến gần cuối năm 1943 nhóm gặp được đ/c Nguyễn Kim Bồng đang tuyên truyền về mục đích tôn chỉ của Mặt trận Việt Minh. Được hướng dẫn chủ trương, đồng chí Trưng và đồng chí Dần về triển khai cho các cơ sở học tập.

Việc học tập, xây dựng các tổ chức đoàn thể hầu như công khai vì lúc bấy giờ, các vị trưởng Ban Hội tề đều có cảm tình với nhóm nên không gây khó dễ. Khí thế cách mạng càng bộc lộ rõ hơn vào cuối năm 1944 đầu năm 1945, không còn úp mở bí mật như trước đây nữa.

Đầu năm 1945, khi Mỹ tập kích các tàu Nhật ven biển Phan Thiết thì một trận không, thuỷ chiến đã diễn ra trên vùng biển Mũi Né. Một tàu Nhật trúng bom tại khu vực Thạch Long với một tiếng nổ lớn làm rung chuyển cả mặt biển. Một chiếc khác cháy trước biển Mũi Né. Hàng trăm bành cao su non bắt lửa cháy cả một vùng biển, nhiều thùng dầu lửa nổ tung lan tràn cả biển, khói lửa ngút trời.

Chứng kiến sự kiện này, người dân Mũi Né càng hướng về cách mạng với tư thế sẵn sàng chờ đón thời cơ mới. Đêm 9/3/1945 Nhật đảo chính Pháp, Pháp nộp vũ khí đầu hàng Nhật trên toàn cõi Đông Dương.

Tháng 5/1945 Hai đồng chí Võ Trưng, Chín Dần được đồng chí Nguyễn Tương triệu tập bàn việc vận động quần chúng chuẩn bị cướp chính quyền. Đầu tháng 6/1945, ban Việt Minh tỉnh Bình Thuận được thành lập. Ban Việt Minh xã, cử đồng chí Võ Trưng làm chủ nhiệm, đồng chí Chín Dần phụ trách lực lượng vũ trang và kinh tài.

Ngày 15/8/1945, phát xít Nhật đã đầu hàng các nước Đồng minh vô điều kiện, thời cơ của cách mạng đã đến, chớp thời cơ thuận lợi, Đảng đã đề ra chủ trương lãnh đạo nhân dân. Ở Mũi Né các Hội Thanh niên, Phụ nữ cứu quốc và các Hội Ái hữu xe ca, cắt tóc, thợ may, Hội Tứ Bang của Hoa Kiều, nước mắm Liên Thành, Quảng Đông Long, Tùng thư mộ địa, Khánh Nghĩa, Khánh Điền, Khánh An tổ chức trước đây, nay ra công khai gọi nhau đi học tập 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh ở Khánh Thiện, Thạch Long, Long Sơn và mở rộng cho tất cả các tầng lớp nhân dân. Đến giữa tháng 8/1945, số hội viên tăng lên 2.000 người. Đội ngũ cốt cán Thanh niên cứu quốc có ông Nguyễn Việt Minh, Trần Tơ, Nguyễn Văn Nhỏ, Nguyễn Khanh. Phụ nữ cứu quốc có Trần Thị

Tộ, Nguyễn Thị Huỳnh, Trần Thị Đắc, chị Mười Dương, chị Tám Thân, chị Thanh Tâm, chị Tám Tân. Nông dân cứu quốc có Hồ Đắc Dược, ông Biện Cồ, ông Hương Sen. Lao động cứu quốc có ông Trần Đình Công (Tư Chài), Trần Văn Bích, Trần Hoài, Nguyễn Tao, Nguyễn Tha, Ba Lâu. Thiếu niên cứu quốc có Nguyễn Muộn, Trần Thị Dĩa, Thu Hà, Viễn Chinh. Phật giáo cứu quốc có Trần Đức Dự, Biện Ba, Cao Xuân Lê. Chị chiến sĩ có cô Mụ Tròn. Mẹ chiến sĩ có má Năm, má Dĩ, má Bảy Nở, bà Biện Bèo. Hội người Hoa yêu nước có Dương Nguyên, Lý Cẩm, Từ Tâm, Phan Du Lộc, Từ Bá Sầm, Ba Coón. Ban Tiền tệ có Nguyễn Chí, Nguyễn Yến.

Ban Hội tề làng Khánh Thiện như rắn không đầu, thấy hoạt động của các đoàn thể cứu quốc sôi nổi rầm rộ quá, xin tự giải tán, và tuân thủ đúng 7 giờ sáng ngày 26/8/1945 bàn giao chính quyền cho cách mạng.

Sáng ngày 25/8/1945, với khí thế người dân độc lập, tự do, nhân dân Mũi Né kéo vào Phan Thiết dự cuộc mít tinh lớn trước Tòa sứ cũ do Ban Việt Minh tỉnh Bình Thuận tổ chức. Mọi người hào hứng phấn khởi chuẩn bị đi dự mít tinh, các chị, các mẹ thổi lửa nấu cơm vắt cơm nắm đến mấy ngàn phần; các cô gái tập trung máy may để may cờ đỏ sao vàng cỡ lớn, cỡ nhỏ đến hàng ngàn chiếc; thanh niên thì lo băng ron, khẩu hiệu, trang bị gậy gộc, dao găm, kiếm mác, cung tên.

Với Mũi Né, đêm 24/8/1945 là một đêm lịch sử, sáng 25/8/1945, trời vừa hừng sáng, các đoàn thể quần áo chỉnh tề tập trung tại sân vận động Mũi Né mặt mày hớn hở vui tươi hơn ngày Tết. Từ bãi biển Hòn Rơm, Suối Nước tiếng hô khẩu hiệu "Việt Nam hoàn toàn độc lập muôn năm" vọng vào rền vang. Từ Rẫy Sắn, Thạch Long, tiếng hô "đả đảo phát xít Nhật, thực dân Pháp" vang lên dữ dội, phá tan xiềng xích giành lại quyền làm người.

Đoàn biểu tình Mũi Né mừng cách mạng thắng lợi vừa đến Rạng (lúc bấy giờ mang tên làng Hồ Quang Cảnh) đồng bào cũng tập trung rất đông, nối tiếp đoàn Mũi Né rồi số đồng bào ở Láng Cháy, Trạm cũng nhập vào làm cho đoàn biểu tình dài thêm ra có đến 03 cây số. Đến Mũi Đá Ông Địa trời nắng gắt, ai nấy mồ hôi nhễ nhại thấm ướt cả áo. Các cụ già mệt mỏi nhưng không bỏ cuộc. 02 giờ chiều, đoàn đến địa điểm tập kết ga xe lửa Phan Thiết. Mọi người lấy làm tự hào vinh dự một cuộc họp mặt có một không hai của cả cuộc đời mình. Gần 50.000 người cùng rừng cờ đỏ sao vàng diễu hành qua trước cửa Tòa sứ cũ đã vắng bóng bọn thực dân. Cuộc tuần hành thị uy của nhân dân kết thúc thắng lợi. Đoàn Mũi Né - Rạng trên đường về vẫn hào hứng hô vang các khẩu hiệu. Về đến nơi đội ngũ vẫn còn nhịp nhàng, trật tự.

Ngày 26/8/1945, chính quyền cách mạng ở Mũi Né chính thức thành lập. Ban Hội tề xã Khánh Thiện

áo dài khăn đóng trân trọng làm lễ bàn giao chính quyền cho cách mạng với nhiều thứ mộc triện, sổ bộ, giấy tờ được đặt lên một khay gỗ to. Theo tiếng trống chiên trong đình làng, lá cờ đỏ sao vàng được trân trọng kéo lên đỉnh cột cờ cao, chấm dứt cuộc sống nô lệ lầm than của các tầng lớp nhân dân Mũi Né.

Ngay ngày hôm sau, 27/8/1945, Mặt Trận Việt Minh xã Khánh Thiện mở cuộc hội nghị mở rộng tại nhà anh Nguyễn Tấn Khiêm (Tám Bé), lựa chọn người để lập chính quyền xã lần đầu tiên tại Mũi Né, có đồng chí Nguyễn Tấn đại diện Việt Minh khu 6 (thuộc huyện Hàm Thuận)[1] đồng chí Nguyễn Kim Bồng đại diện cho Ban Việt Minh cấp trên về dự. Đây cũng là một cuộc Hội nghị lịch sử thành lập 3 xã Khánh Thiện, Thạch Long, Long Sơn (gồm cả Hòn Rơm, Suối Nước).

Kết quả những vị được bầu vào bộ máy chính quyền cách mạng đầu tiên gồm có:

* Xã Khánh Thiện: Chủ tịch - Thân Văn Ngạn, Phó Chủ tịch - Nguyễn Du Hồ, Ủy viên Thư ký - Trần Đình Miên, Ủy viên Quân sự - Nguyễn Mạnh Hy, Ủy viên Tuyên truyền - Nguyễn Phước Tăng, Ủy viên Tài chính - Nguyễn Hữu Lý và các Ủy viên: Nguyễn Tấn Khiêm, Đỗ Kế, Lê Văn Tám.

---

(1) Khu 6 gồm 2 xã: Khánh Long (Khánh Thiện và Thạch Long); Quang Cảnh.(Rạng, Bà La, Thiện Nghiệp)

* Xã Thạch Long: Chủ tịch - Văn Công Thành (xã Cà), Phó Chủ tịch - Cao Xuân Lê, Ủy viên Thư ký - Lưu Đắc Viễn, Ủy viên Tuyên truyền - Nguyễn Tập.

* Xã Long Sơn: Chủ tịch - Nguyễn Dưỡng, Phó Chủ tịch - Lê Đối, Ủy viên Thư ký - Nguyễn Tự Cường.

Chiều 28/8/1945 đồng bào tập trung tại sân vận động Mũi Né dự mít tinh làm lễ ra mắt những tổ chức Chính quyền lâm thời được bầu ra. Đại diện cho 3 xã ông Thân Văn Ngạn đọc lời hứa hẹn, nguyện nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh của cấp trên, đem hết sức mình, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Tiếng vỗ tay, tiếng hô khẩu hiệu "Việt Nam hoàn toàn độc lập muôn năm" vang dội biển trời Mũi Né.

Cùng với việc thành lập Chính quyền. Các tổ chức quân sự khác cũng được tổ chức gồm:

1. Ban giám sát Việt gian phản động (do ông Biên ở Hội Quảng Đồng Long phụ trách)

2. Trung đội Sông Đà: trang bị súng gỗ gắn lưỡi lê, do ông Trần Năm phụ trách.

3. Trung đội Lâm thao: trang bị ná, tên do ông Phạm Viết Chung phụ trách.

4. Trung đội Yên Bái: Trang bị dao găm, mã tấu do ông Nguyễn Văn Nam phụ trách.

Mỗi trung đội có 2 tiểu đội, mỗi tiểu đội có 10 người.

Ngày 02/9/1945 tiếp tục tổ chức mít tinh cùng với cả nước để chào mừng cách mạng thắng lợi. Ảnh Bác Hồ lồng khung kính cùng với cờ hoa rực rỡ. Không khí trang nghiêm náo nức, mọi người hồ hởi vì cách mạng đã về tay nhân dân hô khẩu hiệu vang trời.

Lãnh đạo Việt Minh vẫn là đồng chí Võ Trưng, còn đồng chí Nguyễn Dần chuyển công tác lên khu 6 Hàm Thuận

Ba trung đội dân quân tự vệ do anh Nguyễn Văn Minh chỉ huy, tăng thêm anh Tám Lệ phụ trách quân giới, quân nhu, 2 nữ y tá, cứu thương và mời ông Ba Tỵ thầy dạy võ huấn luyện cách sử dụng dao găm, mã tấu, cung tên, nỏ ná và những miếng võ cơ bản để đánh địch.

Khí thế của cách mạng tháng Tám đem lại niềm tự hào cho dân Mũi Né. Mỗi người tự thấy mình phải xứng đáng với vinh dự của người độc lập, tự do. Đặc biệt mọi người nhiệt liệt hưởng ứng "Tuần lễ vàng" do Hồ Chủ tịch phát động ngày 17/9/1945. Chỉ trong 3 ngày đầu, các loại lư nhang, chân đèn, cổ đổng bằng đồng đang thờ trong nhà bà con đem ra ủng hộ cho Ban Vận động chất đầy một gian phòng trong đình làng Khánh Thiện. Ban Vận động không kịp ghi danh

sách, có người bảo không cần ghi tên, bộc lộ nghĩa cử tin tưởng sâu sắc Chính quyền cách mạng. Nhiều hình ảnh đẹp diễn ra: nhiều bà mẹ đem những vòng vàng, xuyến bạc, bộ cúc áo bằng vàng là những của cải của ông bà, cha mẹ để lại ủng hộ "Tuần lễ vàng" và động viên con gái, cô dâu gỡ bông tai, nhẫn vàng ngày cưới đem ra quyên góp. Số đồng bào nghèo không có vàng thì chắt mót những đồng tiền lẻ để ủng hộ. Đồng bào Mũi Né còn nhiệt tình hưởng ứng việc lập hủ gạo cứu quốc, hủ gạo nuôi quân đặt cạnh bếp nấu cơm để tham gia phong trào chống giặc đói do Chính phủ phát động để cứu giúp nạn đói ở miền Bắc. Các đoàn thể phát động phong trào bình dân học vụ và được sự hưởng ứng của mọi người. Ngoài đường, có nhiều tổ đón người đi đường đố chữ, nhằm khuyến khích nhân dân tham gia phong trào bình dân học vụ rất sôi nổi. Trang sử mới của nhân dân Mũi Né đã được bắt đầu.

CHƯƠNG II

9 NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 – 1954)

I - THỬ THÁCH BAN ĐẦU

Nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới ra đời sau Cách Mạng Tháng Tám năm 1945, đứng trước những thử thách mới đương đầu với kẻ thù hung bạo.

Ở phía Bắc, cuối tháng 8/1945, 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch do đế quốc Mỹ giật dây, mượn cờ tước vũ khí quân đội Nhật, tràn vào miền Bắc nước ta. Ở phía Nam ngày 6/9/1945, quân đội Anh kéo vào, cũng mượn cờ tước vũ khí quân đội Nhật, kỳ thực là mở đường cho thực dân Pháp quay trở lại xâm chiếm nước ta một lần nữa.

Trước tình hình căng thẳng như vậy, các đồng chí Nguyễn Gia Tú, Nguyễn Kim Bồng từ Hàm Thuận về Mũi Né cùng với đồng chí Chín Dần cán bộ Việt Minh khu 6 khẩn cấp mở một cuộc Hội nghị liên tịch tại nhà anh Tám Bé gồm tất cả Ban Việt Minh, Ủy ban Cách mạng lâm thời 3 xã Khánh Thiện, Thạch Long, Long Sơn và đại diện các đoàn thể cứu quốc.

Hội nghị đã nghe phổ biến tình hình trong nước, tình hình bọn thực dân Pháp âm mưu quay trở lại xâm chiếm nước ta và đường lối chủ trương của Đảng,

Chính phủ và nhiệm vụ trước mắt nhân dân Mũi Né phải thực hiện:

- Giữ vững Chính quyền cách mạng, cảnh giác đề phòng bọn Việt gian phản động chống phá cách mạng, tiếp tay cho thực dân Pháp.

- Chuẩn bị thực hiện: tiêu thổ kháng chiến: "vườn không nhà trống" khi địch trở lại.

- Bí mật tổ chức các kho dự trữ lương thực, thực phẩm, chuẩn bị căn cứ địa cho kháng chiến.

- Phát triển lực lượng vũ trang với tinh thần lúc nào cũng sẵn sàng chiến đấu.

- Giáo dục nhân dân không hoang mang dao động, chuẩn bị chuyển đến khu an toàn do Chính quyền hướng dẫn.

Hội nghị đang họp, dân quân tự vệ báo về có một tàu chiến địch đang chạy trước biển Mũi Né. Lập tức đội hình chiến đấu của 3 trung đội dân quân tự vệ Sông Đà, Lâm Thao, Yên Bái được giãn ra dọc bờ biển từ Lăng Ông Nước Nhĩ đến bến cá trước Chợ Mũi Né cũ. Tàu địch bắn một loại súng máy chỉ thiên rồi tiến về hướng Nam. Một trung đội dân quân vòng ra Gành Sau đến miếu Bà Vàng, nhưng tàu địch không vào mà chạy thẳng.

Nghị quyết của Hội nghị liên tịch được triển khai cấp tốc. Từng đoàn thể họp Hội nghị tỏ rõ quyết tâm

giữ vững lòng tin đối với Đảng và cách mạng và nêu khẩu hiệu "Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh", tính toán việc thu dọn cất giấu tài sản, tập trung bàn ghế hư hỏng để thực hiện "vườn không nhà trống". Bà con buôn bán ở chợ Mũi Né nêu quyết tâm sẽ đốt chợ không hợp tác buôn bán với địch khi địch đến. Hai ông Nguyễn Chí, Nguyễn Yến nhận nhiệm vụ thu gom lương thực, thực phẩm do nhân dân đóng góp, ông Đỗ Kế và ông Biện Cồ cùng thanh niên ở Rẫy Sấn, Long Sơn theo đường Hồ Mẽ, Dốc Dài chuyển lương thực cất giấu vào Rừng Ngang, đào một hầm nổi để chứa gạo và cá khô, hai hầm chìm để chứa nước mắm và muối. Địa điểm cất giấu đảm bảo bí mật, đường vào kho được lấp lá ngụy trang, bố trí một người trông nom bảo quản tại Giếng Ông Từ.

Địa điểm nhân dân sơ tán khi có lệnh cũng được chuẩn bị sẵn sàng tại Long Sơn, Suối Nước. Sau này số dân có nhà bà con quen kéo nhau vào Bàu Me, Bàu Sen, Bàu Điền, Bàu Chòi, Bàu Ron, Bàu đế. Các trung đội dân quân tự vệ tăng cường bố phòng, tuần tra, cảnh giác, bám sát địa bàn, bảo vệ nhà cửa tài sản của nhân dân khi sơ tán.

Tin tức chiến sự các nơi dồn dập đến Mũi Né: Ngày 23/9/1945, giặc Pháp nổ súng gây hấn ở Sài Gòn. Ngày 28/1/1946 giặc Pháp từ Đà Lạt theo đường 11 xuống Phan Rang – Tháp Chàm. Ban chỉ

Đ/c NGUYỄN ĐÀM (1927-1946)
Nguyên Tiểu đội Dân quân tự vệ Mũi Né.

Đ/c TRẦN ĐÌNH NGÔ (1921-1946)
Nguyên Tiểu đội Dân quân tự vệ Mũi Né.

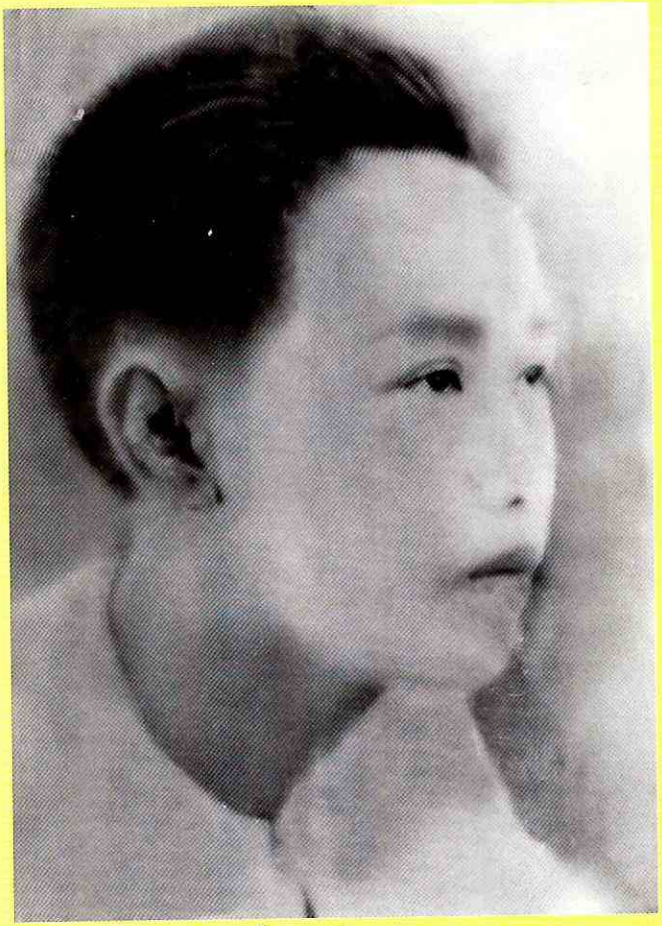

Đ/c NGUYỄN DỪA (1926-1945)
Nguyên Tiểu đội Dân quân tự vệ Mũi Né.

huy quân sự Tỉnh Bình Thuận ra lệnh sẵn sàng chiến đấu. Một tiểu đội dân quân tự vệ Mũi Né được bố trí đi ứng chiến với các đơn vị ở Kim Ngọc, Phú Long, chặn đường tiến của giặc Pháp từ Cà Ná, Vĩnh Hảo vào Phan Thiết. Một chiếc xe đi đầu cắm cờ đỏ sao vàng có một số lính Nhật không mang súng ngồi phía trước. Đồng bào và chiến sĩ ta tưởng lầm đó là quân giải phóng nên để chúng chạy qua. Đến Phú Long thấy đơn vị ta, chúng nổ súng bắn loạn xạ. Một số chiến sĩ ta hy sinh, trong đó có hai chiến sĩ Trần Đình Ngô, Nguyễn Đàm thuộc tiểu đội dân quân tự vệ Mũi Né, thi hài được mai táng tại Phước Thiện Xuân, xã Hàm Nhơn, huyện Hàm Thuận. Trong khi đó, trên đường Nam tiến chi viện cho Sài Gòn, Nguyễn Dừa - người con Mũi Né cũng hy sinh tại mặt trận Đất đỏ, Biên Hòa

Để ghi công ba chiến sĩ hy sinh Đảng uỷ phường Mũi Né xây dựng một bia đài tại khu đất ngay Trạm y tế Mũi Né bây giờ. Bà con Mũi Né thắp nén hương tỏ lòng thương tiếc 3 liệt sĩ đầu tiên của quê hương Mũi Né, đồng thời cũng rất tự hào 3 người con yêu quý của mình đã nêu gương bất khuất kiên cường cho thế hệ trẻ. Noi gương những người bạn thân yêu của mình, một số thanh niên tự nguyện xin gia nhập bộ đội Vệ quốc đoàn đơn vị anh Hằng đóng quân ở Bình Thiện và đơn vị anh Đoàn Tử Bảy đóng quân ở xóm Mía, Khu Tam Giác.

Pháp đánh chiếm thị xã Phan Thiết và đem quân ra đóng đồn tại Lầu Ông Hoàng. Ngày 10/3/1946 chúng lấn ra đóng đồn ở Rạng rồi lần ra tới Mũi Né. Tiểu đội dân quân tự vệ cảnh giác ở Dừa phát hiện một đại đội giặc Pháp súng ống đầy đủ dàn hàng ngang từ bờ biển vào đến Động bà Lựa, bao vây Mũi Né. Tin giặc đến được kịp thời thông báo cho nhân dân, so sánh lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch nên cán bộ ra lệnh tạm rút, chỉ để lại một bộ phận theo dõi hành động của địch. Lúc hành quân từ Rạng đến Mũi Né giặc Pháp lùa hết đồng bào đi chợ, một số đồng bào đi tản cư cũng bị chúng lùa trở lại, dồn vào ngồi trong sân đình làng Khánh Thiện. Địch đi lùng sục các ngõ ngách trong làng. Tại đình làng, tên Việt gian phản động Mười Nhạn làm thông ngôn cho quan thầy nói với đồng bào rằng: quân Pháp sẽ đóng đồn giữ trật tự cho dân chúng làm ăn. Ai ở đâu trở về tiếp tục làm ăn sinh sống như cũ, lập lại Ban Hội tề để người mình quản lý lấy người mình, cấm mọi người không được theo cộng sản. Tên Việt gian Mười Nhạn nói đi nói lại nhiều lần và bảo ai đồng ý lập ban Hội tề thì đứng lên. Nhưng bà con ai nấy đều im phăng phắc, không ai thèm trả lời cho chúng. Cuối cùng chúng nhận mặt, kéo các anh Bảy Sửu, Lương, Mai, Đàn ra đứng một bên giao trách nhiệm thành lập Ban Hội tề. Chúng hăm dọa lần sau trở lại không lập xong Ban Hội tề sẽ đem ra bắn.

Những tên đi lùng sục phát hiện một số cờ đỏ sao vàng ở trong nhà "Hội Tùng thư mộ địa". Bọn sĩ quan Pháp ra lệnh đốt trụ sở rồi kéo nhau về đồn Rạng. Số đồng bào bị tập trung ở sân đình làng Khánh Thiện liền chạy ra cùng với dân quân tự vệ chữa cháy, bảo vệ trụ sở Tùng thư mộ địa".

Từ 15/3/1946 đến 15/5/1946, bọn Pháp lo củng cố vị trí ở Rạng và chuẩn bị lấn chiếm đóng đồn ở Mũi Né – Thạch Long, nên không quay trở lại Mũi Né nữa. Để trấn an tinh thần đồng bào Mũi Né, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời xã Khánh Thiện vẫn tiếp tục làm việc bình thường. Hàng đêm lớp học truyền bá quốc ngữ vẫn mở: các đoàn thể vẫn sinh hoạt bàn cách đối phó, lực lượng tự vệ, tích cực bảo vệ nhà cửa, tài sản của đồng bào đã đi sơ tán.

Ngày 24/5/1946 giặc Pháp mở một cuộc hành quân lớn đánh chiếm Mũi Né. Ngoài biển có hai chiếc tàu lớn. Gành Trước một chiếc, Gành Sau một chiếc, thả ca nô đổ bộ vào bờ, nổ súng, lùa tất cả ghe thuyền của ngư dân vào sát bờ. Ở trên bộ chúng bố trí 3 cánh quân từ Rạng lên, từ Bàu Me ra, từ Long Sơn vào, lùa tất cả đồng bào về tập trung tại sân vận động Mũi Né. Cuộc hành quân có tên Lu là một tên Tây lai khát máu, tay súng vào một loại thiện xạ giết người không gớm tay. Chính nó đã bắn chết anh Ngan, anh Trọng, ông Trưởng Đông và một

số đồng bào ta lúc chạy giặc. Ở cánh quân Long Sơn, chúng bắt được anh Bùi Văn Xuyến tra tấn rất dã man, bảo anh chỉ nơi làm việc và đóng quân của Việt Minh, anh cương quyết không khai. Không khai thác được gì, chúng đem ra bắn, trước khi chết anh hô to khẩu hiệu:

- Việt Nam hoàn toàn độc lập muôn năm!

- Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm!

Đồng bào Mũi Né bị giặc Pháp lùa từ các ngã đường dồn tất cả ở sân banh, bị chúng phơi nắng cả buổi trưa, nhịn đói, nhịn khát, đi đâu phải xin phép, không xin phép chúng bắn bỏ. Đến gần 4 giờ chiều bọn sĩ quan Pháp và thằng Lu đến, bắt buộc phải thành lập Ban Hội tề. Nhưng không ai nhúc nhích gì. Đích thân thằng Lu đi sát từng hàng người để nhìn mặt – Nó chỉ ai thì phải ra đứng một bên, nó lựa 6,7 người cho lính dẫn về đình làng Khánh Thiện tạm giam chờ lệnh.

Đúng 5 giờ chiều địch mới cho đồng bào giải tán ai về nhà nấy. Nhiều người bị đói ngất xỉu và bị cảm nắng không đi được, đồng bào giúp đỡ đưa nhau về tận nhà. Đêm hôm đó (24/5/1946), bọn Pháp đóng quân tại đình làng Khánh Thiện, một số đóng tại trường cấp I và chiếm đóng ngay tại nhà ông Đốc Huề. Gia đình ông đã dọn vào Phan Thiết trước đó một tháng.

Trước ngày 24/5/1946, một số cán bộ chính quyền cách mạng đã bí mật theo ghe bầu chở nước mắm và xác mắm của ông Phó Lắc ra Quảng Bình tạm lánh và xin sự chi viện của Liên khu 5. Một số khác tạm lánh trong những thùng lều của người Hoa vì bọn Pháp chưa muốn đụng đến người Hoa.

Số cán bộ theo ghe bầu ra Quảng Bình, tìm gặp cán bộ Liên khu 5, được Liên khu 5 hết sức quan tâm, chi viện cho 2 ghe gạo, 1 ghe vũ khí hòm đạn, lựu đạn chày do binh công xưởng Liên khu 5 sản xuất và súng mút cơ tông, súng anh đô si noa của Pháp hỏng, cũ đã sửa chữa lại còn sử dụng được tốt. Ba chiếc ghe này lấy hàng xong, đúng một tháng sau nhổ neo trở về Mũi Né dưới sự chỉ đạo của ông Trần Trí Thức (tức ông Biện Thức). Chẳng may trên đường về bị máy bay địch phát hiện quần theo đuổi bắn, ba chiếc ghe bị chìm giữa biển khơi, ông Trần Trí Thức hi sinh không tìm thấy xác, một vài bạn ghe lặn hụp giỏi nên sống sót.

Sau khi một số cán bộ cốt cán rút vào Rừng Ngang lập chiến khu, số còn lại tiếp tục hoạt động hợp pháp, bám trụ trong nhân dân, bắt liên lạc với bên ngoài để nhận nhiệm vụ mới. Số này đã được nhân dân che giấu, nhất là giới Hàm hộ người Hoa thường xuyên để cán bộ trú ẩn tại các lều nước mắm, kể cả trong giai đoạn này, cũng như những năm về

sau này khi cán bộ ta ở rừng về hoạt động, do giới Hàm hộ người Hoa được bọn Pháp tin tưởng.

Lúc bấy giờ Huyện Hàm Thuận chia làm 6 khu hành chính, phía Nam là Khu 6 gồm 5 xã cũ: Thiện Khánh (Rạng), Thiện Nghiệp (Bàu Sen, bàu Me, Bàu chòi, Bàu Điền, Bàu Ghe), Khánh Thiện (Mũi Né), Thạch Long và Long Sơn (Hòn Rơm, Suối Nước) do đồng chí Nguyễn Tấn cán bộ Việt Minh huyện phụ trách, cùng với đồng chí Chín Dần về Mũi Né móc nối lại cơ sở đã sơ tán lên Long Sơn, Suối Nước, Bàu Điền, Ba Chòi, Bàu Ghe. Trong số cơ sở này có anh em đã từng công tác trong Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời xã Khánh Thiện bị lộ, bọn mật thám chỉ điểm lùng bắt.

Hai đồng chí Tấn và Chín Dần đã được thông báo chủ trương của Huyện quyết định bầu lại Chính quyền xã Khánh Thiện gọi là Ủy ban hành chính thay cho Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời trước đây. Cuộc bầu cử tiến hành vào ngày 15/8/1946 tại xã Long Sơn ở nhà ông Đại. Ở xã Long Sơn hầu hết đồng bào Long Sơn, Suối Nước đều đến dự bầu Ủy ban hành chính xã, riêng hai xã Khánh Thiện, Thạch Long là vùng địch tạm chiếm nên chỉ mời đại diện các đoàn thể đã hình thành từ trước cùng một số đồng bào sơ tán ước lượng trên 500 người. Đồng chí Tấn và đồng chí Chín Dần đại diện cho Việt Minh huyện Hàm Thuận và Việt Minh khu 6 chủ trì Hội nghị.

Kết quả bầu cử: Ông Lục Ngọ tức Ba Bé làm Chủ Tịch[1], ông Nguyễn Việt Điểu làm Phó chủ tịch, ông Trần Bá Thuận - Ủy viên thư ký.

II - LẬP CĂN CỨ RỪNG NGANG

Chính quyền Cách mạng mới thành lập xong bắt tay lập căn cứ tại Rừng Ngang. Làm trụ sở, nơi hội họp, tiếp dân. Các kho dự trữ lương thực được củng cố lại. Ngoài bìa rừng có trạm liên lạc thường trực để đón khách và báo động. Cán bộ đều có hầm riêng. Phía ngoài căn cứ từ Hồ Cây Thẻ, Hòn Rơm, Suối Nước đến Dốc Trắc, Bàu Ghe, Cốc Chua đều có trạm liên lạc cảnh giác, bảo vệ cho căn cứ.

Khu căn cứ địa, bắt đầu từ Rừng Ngang, Rẫy Mới, Đá Bàn, Ô Rô, Láng Cháy ra cho đến Bàu Trắng. Bất cứ địch từ đâu đến cách xa 3 cây số đều bị phát hiện báo động để có biện pháp đối phó. Do vậy mà nhiều cơ quan đến đóng nơi đây đều được bảo đảm an toàn, như: Bệnh xá của huyện Hàm Thuận do đồng chí Quế Xăn phụ trách đóng ở Rừng Ngang, Bệnh viện Trung đoàn 812 do bác sĩ Chí phụ trách đóng tại Đá Bàn...

Để phù hợp với tình hình. Huyện Hàm Thuận chỉ đạo sáp nhập 3 xã Khánh Thiện, Thạch Long, Long Sơn thành 1 xã lấy tên là xã Khánh Long (có 3 thôn Khánh Thiện, Thạch Long và Long sơn).

---

(1) Năm 1952 trốn về đầu hàng địch tại Phan Thiết.

Tháng 4/1947 lập Uỷ ban hành chính kháng chiến xã Khánh Long; đồng thời ra mắt chi bộ Đảng đầu tiên, đến ngày 18/10/1947 được Huyện chuẩn y. Thành phần chủ chốt của Uỷ ban xã gồm: Chủ tịch - Lý Kim Quang, Phó chủ tịch - Nguyễn Việt Điểu, uỷ viên thường trực - Võ Nga, uỷ viên tài chính - Đỗ Khắc Minh.

Các đoàn thể được củng cố. Ban Việt Minh xã Khánh Long:Võ Trưng chủ nhiệm, Nguyễn Tấn Thời làm Phó chủ nhiệm, Trần Đình Yên làm Ủy viên, Nguyễn Thị Tý (tức Tư Têm) - Ủy viên kiêm Phó bí thư Phụ nữ cứu quốc, Võ quý (Bảy Tre), Nguyễn Đằng, Nguyễn Bài; Hồng Sơn, Nguyễn Muộn, Hồ Đắc Dược -Ủy viên.

Phụ nữ cứu quốc: Nguyễn Thị Thanh Tâm (Tám Hô), Từ tâm (tức chị Sáu Ty vợ ông Sáu Xạ) phụ trách giới tiểu thương và Từ Thu Hà.

Thanh niên cứu quốc: Bạch Đằng Giang (Cu), Phan Thất, Trần Thị Dĩa.

Công nhân lao động: Đỗ Trân, Trần Văn Chuyên, Đỗ Kế.

Hội mẹ chiến sĩ: Nguyễn Thị Thơ (má Năm), Trần Thị Thích (má Dĩ), bà má Nở.

Chị chiến sĩ: cô mụ Tròn.

Hội hoa liên: Lương Chuẩn Thái, Phan Tiến Mỹ, Lương Sanh (Ba Xấn), Từ Cẩn, Tùng (Ngầu).

Xã Khánh Long hình thành 2 vùng: vùng địch tạm chiếm gồm 2 thôn Khánh Thiện và thạch Long; vùng căn cứ du kích Long Sơn, Suối Nước. Kéo dài đến rừng Ô Rô.

Sau đó, cán bộ các thôn củng cố lại. Thôn Khánh Thiện là ông Trần Đình Nghị thôn trưởng, Võ Văn Ất thôn phó, Phan Hội, Biện Thành, Trần Cơ, Sáu Mỹ công an thôn.

Ủy ban thôn Thạch Long: Trần Kiện, Lê Bá Phú, Thợ Huế, Tám Kiệt, Hồng Sơn, Võ Sơn, Nguyễn Chuyên, Trần Hộ[1], Nguyễn Hữu Dậy[2].

Ủy ban thôn Long Sơn: Nguyễn Dưỡng, Lê Đối, Nguyễn Tự Cường, được sự chỉ đạo trực tiếp của UBKCHC xã Khánh Long do ông Phó Chủ tịch đảm nhiệm.

Về phía Công an, cuối năm 1947, Công an Khánh Long có tên gọi khu 219 do Trần Bá Thuận và Trần Đông phụ trách. Sau đó, công an Tỉnh tăng cường thêm vài anh em để giúp công an xã trong nhiệm vụ diệt tề, thu thuế. Trong đó, có anh Sinh Hương (Lê Văn Lý) sau này giữ chức Trưởng ban Công an xã Khánh Long.

---

(1), (2) 2 Người này sau này đầu hàng làm tay sai cho địch

Về quân sự được củng cố lại, thành lập Ban chỉ huy trung đội gồm có Trần Minh Xương, nguyên ủy viên quân sự của xã làm Trung đội Trưởng, Trần Quang Môn (Năm Mùi) và Lê Tứ Thời làm Trung đội Phó, Viễn Chinh làm chính trị viên[1]. Trung đội gồm 3 tiểu đội do các anh Lê Tứ Thời, Nguyễn Mĩn và Văn Hữu Hùng phụ trách. Vũ khí lúc đầu chưa có gì, sau đó nhờ sự đỡ đầu của Đội tự Vệ chiến đấu của ông Nguyễn Tương trên Tỉnh về bổ sung cho được 2 cây súng bá xếp, 6 súng trường và một số lựu đạn đập.

Sau Hội nghị bầu cử Chính quyền địa phương, ông Võ Quý (Bảy Be) nhận thức rõ Chính quyền đã về tay nhân dân rồi, cần phải xóa bỏ những hình ảnh, dấu vết cũ của một thời làm nô lệ, kêu gọi anh em phụ nề cùng làm việc với ông, đang đêm vác búa ra đập phá bức tường mà chính tay ông bỏ công nắn nót vẽ lên, xóa bỏ hàng chữ "Stade Ducouroy" và hình thống chế Pê tanh và thay vào hàng chữ "Sân vận động Mũi Né".

Về phía địch, tháng 5/1946 Pháp chính thức đánh đồn tại Khánh Thiện[2]. Cử tên Tôn Thất Sa làm bang tá. Đội lính bảo an Pháp do đội Hốt chỉ huy, một thời

---

(1) Hiện nay là trung tá Thông tin liên lạc về hưu
(2) Hiện nay là khu vực trường tiểu học Mũi Né 2.

gian sau, tên Phan Lý Ngư làm bang tá thay tên Sa và bắt đầu thành lập trở lại Ban Hội tề lập các chức Tổng (Tổng chi), chức xã (Phạm Ngọc Hồ), Lý Trưởng (xã Nhương) cùng 1 số giúp việc làng như Hương kiểm, hương trùm...để sai chạy giấy tờ.

Vài tháng sau, chúng tiếp tục củng cố lực lượng. Bọn Pháp trực tiếp chỉ huy lính Lê dương mà không giao cho người Việt nữa.

Ở đồn Thạch Long[1] bọn Pháp cho 1 tên quan Ba chỉ huy cả 2 trung đội vừa lính Lê dương, vừa lính Ra - đê.

Từ năm 1946 – 1948, Pháp tiếp tục củng cố đồn luỹ vững chắc. Tại Khánh Thiện, chúng xây một hệ thống lô cốt gồm 11 cái, từ động bà Lựa (khu 1) ra đến Bãi sau.

Ở đồn Khánh Thiện, ngoài đồn chính, chúng xây thêm 1 lô cốt cao 8m, dùng để liên lạc trực tiếp với đồn Thạch Long bằng tín hiệu moc-xơ, ban đêm bằng đèn pin, ban ngày bằng đèn xanh đỏ. Ngoài ra, còn có 2 lô cốt bên trái và phía sau.

Còn tại đồn Thạch Long, ngoài lô cốt cao để quan sát và liên lạc với đồn Khánh Thiện, còn có nhiều lô cốt ngầm và đường hầm rút ra biển.

---

(1) Đồn biên phòng 440 cũ (nay là Đồn Biên phòng Mũi Né)

Như vậy, chúng đã hoàn thành khu căn cứ quân sự tại Mũi Né rất vững chắc. Phía ngoài có vòng đai lô cốt, phía trong có 2 đồn kiên cố. Từ đây chúng yên tâm để tuần tra bố ráp sát hại đồng bào và chiến sĩ ta.

Ngoài những lệnh hà khắc như giới nghiêm, cấm đi lại... chúng còn tìm đủ cớ để vu khống, bắt bớ nhân dân với tội thân Việt Minh để hành hạ tra tấn. Đặc biệt hàng đêm chúng thường xuyên hãm hiếp phụ nữ, gây kinh hoàng cho nhân dân. Ngoài ra, còn có tên Tây đầu đỏ[1] nổi tiếng hung ác, gieo rắc nổi sợ hãi kinh hoàng cho nhân dân những khi đối diện chúng. Điều này đã thôi thúc các tổ chức của ta phải hành động trước sự hung ác của kẻ thù.

III - CHI BỘ ĐẢNG ĐẦU TIÊN RA ĐỜI

Như vậy, từ cuối tháng 5/1946, bọn Pháp với lực lượng lớn trở lại tái chiếm Mũi Né, về mặt chính trị ta vẫn tập hợp được đông đảo quần chúng, hầu hết đều vào đoàn thể. Nhân dân Mũi Né vì cuộc sống bám vườn bám biển đành phải chịu sống trong thế kìm kẹp của địch, nhưng lòng dạ vẫn luôn luôn trung thành với cách mạng.

Qua gần một năm xây dựng, củng cố, phát triển tổ chức, Chính quyền mới, Mặt trận Việt Minh vững

---

(1) Do hắn thường đội calô đen, có 1 đường sóng giữa đỉnh đầu màu đỏ

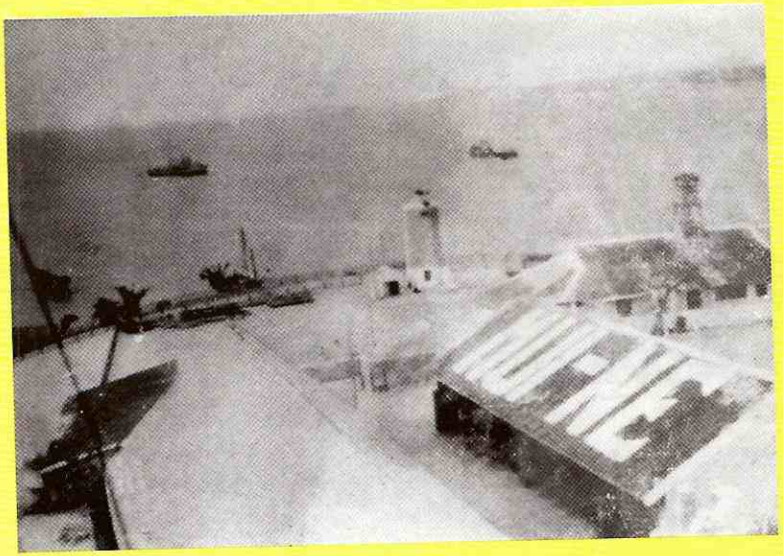

Toàn cảnh khu vực Đồn Thạch Long.

Khu vực Đồn Khánh Thiện
là trường Mũi Né 2 hiện nay.

mạnh, bên cạnh lại có thêm Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam, tập hợp tổ chức được một trung đội Dân quân tự vệ có trang bị vũ khí, tạm thời đủ sức chiến đấu.

Tháng 4/1947, 3 đ/c Trần Thiện Ích, Nguyễn Kim Bồng, Nguyễn Tấn đại diện cho Huyện về tại Cốc Chua[1] để giúp tổ chức thành lập Chi bộ đầu tiên của xã Khánh Long gồm có 5 đ/c:

- Đ/c Võ Trưng: Bí thư, phụ trách Mặt trận Việt Minh – Liên Việt

- Ông Nguyễn Viết Thiện: phụ trách Công đoàn lao động

- Ông Trần Quang Môn: phụ trách Trung đội Dân quân tự vệ

- Ông Lý Kim Quang: Phụ trách Uỷ ban Hành chánh kháng chiến xã

- Ông Trần Đôn: Phụ trách công an xã.

Chi bộ lấy tên là Chi bộ Hoàng Văn Thụ[2]

Sau khi bộ máy xã Khánh Long ổn định, chủ trương tề gian, diệt ác đánh địch, tăng cường sức mạnh cho kháng chiến, bảo vệ đồng bào được đặt ra và thực hiện mạnh mẽ.

---

(1) Theo ông Nguyễn Muộn cung cấp
(2) Theo ông Lê Văn Lý, chi bộ mang tên là chi bộ 49

Thực hiện tinh thần đó, đã có 2 vụ ám sát được tổ chức:

1. Hai du kích Nguyễn Bé và Ngọc đột nhập về dụ tên Ký ra rẫy sắn, 01 chiến sĩ ôm vật tên này, chiến sĩ kia đâm mấy nhát làm tên này chết tại chỗ. Ta thu 1 súng lục và rút về chiến khu lúc 6 giờ 30 chiều.

2. Để khủng bố tinh thần và cơ hội lấy súng đạn của địch để trang bị thêm cho mình. 5 giờ sáng ngày 19/12/1947, 1 tổ du kích của trung đội dân quân tự vệ Khánh Long gồm 2 anh Nguyễn Quế và Trần Đình Công, trang bị dao găm và lựu đạn đột nhập vào vùng địch tạm chiếm, phục kích trong đường luồng nhảy ra chặn đường đâm 2 tên lính Ra–đê đang trên đường đi chợ về đồn Thạch Long, tới chân Dốc Đá, kết quả 1 tên chết tại chỗ, 1 tên bị thương nặng, ta thu được 2 súng trường. Sau khi cướp được súng hai anh liền chuyển từ ngõ ngách này sang ngõ ngách khác chạy ra Miếu Bà Vàng, ém mình ẩn náu theo các gành hốc đá chờ đến tối, lội biển cắt đường từ gành đá băng vào bờ Dốc Dài, về căn cứ du kích an toàn, giao súng lại cho Ban chỉ huy trung đội dân quân tự vệ. Về đến nơi thì hai anh đều ướt sũng, đói lã người.

Tên lính Ra-đê bị thương về đến đồn chưa kịp báo tin thì cũng ngã ra chết luôn vì máu ra nhiều quá. Tên

sếp đồn Thạch Long cho báo động, lập tức tung quân lính theo các ngã đường, lớp người, lớp ngựa náo động cả xóm làng, cố tìm bắt cho được 2 du kích Việt Minh. Đồng bào xung quanh ai cũng rõ sự việc nhưng không hề có một ai hé môi. Tên xếp đồn tức tối, sáng ngày hôm sau ra lệnh cho bọn Ra-Đê đốt xóm nhà ở Dốc Đá, trong đó có nhà của ông Bổn Sửu gần nơi xảy ra sự việc, ngọn lửa tiếp tục cháy lan sang các nhà lá khác.

Qua các vụ du kích đột nhập giết địch lấy súng, bọn Pháp tăng cường lùng sục bắt bớ vu vơ, đánh đập tra khảo một số dân thường để trấn an cho binh lính. Bọn lính Ra-Đê trở nên hung ác hơn. Đến đêm canh gác chúng thường bắn vu vơ, lung tung vì lo sợ du kích sẽ về tiêu diệt. Đồng bào đi biển về đang ăn cơm tối, chúng xả súng bắn chết một gia đình trên xóm Động (khu 1 bây giờ). Thương xót thân nhân ruột thịt bị chết oan, bà con ôm xác người thân khóc lóc, la ó, chửi bới, nguyền rủa bọn ác ôn, cùng kéo nhau lên đồn đòi bồi thường nhân mạng. Giằng co la lối cả tiếng đồng hồ, cuối cùng bọn Pháp buộc phải bồi thường và chịu cho thu xếp tiền bạc để chôn cất những người bị thiệt mạng.

Từ thắng lợi của cuộc đấu tranh này, đồng bào ta tiếp tục đấu tranh với địch để chống các lệnh: thiết

quân lực từ 6 giờ tối đến 6 giờ sáng. Cấm đốt đèn thắp sáng ban đêm, cấm đào hầm tránh đạn, cấm đi lại ban đêm. Cuối cùng bọn chúng phải đồng ý một phần yêu cầu của ta như bỏ lệnh thiết quân lực, được thắp đèn sáng ban đêm. Ra đường phải xách đèn và đi không quá 2 người.

Như vậy, bọn Pháp đã phải nhượng bộ phần nào, trước áp lực đông đảo của quần chúng. Đồng bào kéo nhau ra về trong lòng rất phấn khởi vì cuộc đấu tranh vừa qua đã giành được thắng lợi và càng thêm tin tưởng vào chủ trương đường lối chính trị mềm dẻo của Đảng. Thắng lợi này là do có sự lãnh đạo của Đảng và phong trào quần chúng được tập dợt từ những năm trước cũng như sự tin yêu của nhân dân với cách mạng.

IV - THÀNH LẬP ĐỘI VŨ TRANG TUYÊN TRUYỀN

Tháng 7/1948, trung đội dân quân tự vệ của Khánh Long được lệnh của Huyện ủy Hàm Thuận chuyển sang thành lập đội vũ trang tuyên truyền. Ban cán sự gồm 2 đồng chí do trên huyện biệt phái về là Nguyễn Thiện Thuật và đồng chí Xí. Ở xã có: Trương Minh Xương, Trần Quang Môn, Lê Tứ Thời, Viễn Chinh, Lập. Đội viên có: Trần Tự Nhu, Nguyễn Khải (Xe), Hồ Ngọc Điệp (Mười Muộn), Lê Văn Mĩn,

Nguyễn Hồng (tức Nhung), Nguyễn Quế, Lý Hùng Kiệt (Tích)[1], Nguyễn Bé (Bé Ty), Đỗ Trân, Quá, Đua, Ý, Lâm (chồng chị Nơi); Trần Hộ, Nguyễn Hữu Dậy, Bạch Đằng Giang[2]. Đội vũ trang tuyên truyền Khánh Long có Đặng Minh Châu và Nguyễn Văn Long làm giao liên.

Đội võ trang tuyên truyền đặc trách khu tạm chiếm (Khánh Thiện – Thạch Long) dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cơ quan huyện Hàm Thuận, gồm có một Ban Cán sự Đảng, lúc đầu có đồng chí Nguyễn Kim Bồng - Bí thư Ban Cán sự làm chính trị viên đội võ trang tuyên truyền, đồng chí Nguyễn Ba - Phó bí thư làm Đội Trưởng, Nguyễn An Nhơn - Phó bí thư làm Đội Phó, Lê Văn Mĩn - Chi ủy viên, tổ trưởng khu vực 2, Nguyễn Đăng Bài Chi ủy viên, tổ trưởng khu vực 3 . Ở tổ 1 ngoài đồng chí Lê Văn Mĩn là tổ trưởng sau có tăng cường thêm đồng chí Nguyễn Thanh Hồng – Chi ủy viên, đội viên gồm có anh Nguyễn Kéo, Nguyễn Văn Ngư, Ngầu, Hòa.

Tổ 2 do Bạch Đằng Giang (sau này trốn về theo địch) làm tổ trưởng , sau rút đồng chí Nguyễn Thanh Hồng ở tổ 1 sang tăng cường. Đội viên gồm có các anh Ngọc, Nguyễn Bé, Quế.

---

(1) Anh Tích bị tên Ngầu phản bội theo địch nửa đêm dẫn lính về đột kích bắn chết năm 1951.

(2) Sau này Trần Hộ, Nguyễn Hữu Dậy, Bạch Đằng Giang chạy theo địch

Tổ 3 do đồng chí Nguyễn Đăng Bài, sau tăng cường thêm Hồng Sơn (sau này cũng chạy theo địch) và đồng chí Hồ Ngọc Điệp (Mười Muộn). Đội viên gồm có các anh: Thành, Để, có lúc có anh Bé ở tổ 2 sang phối hợp hoạt động.

Đội võ trang tuyên truyền hoạt động rất dũng cảm, luôn phân công nhau đột nhập vào vùng địch tạm chiến làm nhiệm vụ trừ gian diệt tề, làm cho bọn Pháp điên đầu, mất ăn mất ngủ, bọn chỉ huy và bọn ác ôn đến tối là cố thủ trong hầm ngầm hoặc trong những lô cốt kiên cố. Ban ngày thì tung quân đi ruồng bố, bắt bớ lung tung, bắt và giết một số cán bộ và nhân dân làm xao xuyến lòng dân

Huyện ủy Hàm Thuận thấy cần chuyển hướng lại cho phù hợp để hỗ trợ cho cuộc đấu tranh của nhân dân trong vùng tạm chiếm nên quyết định tách xã Hàm Dũng làm 3 đơn vị hành chánh, lập xã Hồng Hải và Hồng Thanh thuộc vùng du kích Lê Hồng Phong.

Pháp đã ra sức củng cố hệ thống phòng thủ hòng ngăn chặn không cho cán bộ ta đột nhập vào. Chúng cho lính làm thêm mấy lớp hàng rào tre, trồng thêm gai lưỡi long, chôn thêm mìn tự động, phía ngoài còn thêm lớp hàng rào dây thép gai có treo lon sữa bò, khi chạm đến kêu lẻng xẻng để đánh động cho chúng. Tối đến chúng còn cho treo đèn chai để dễ nhìn thấy

bóng từ xa. Dù chúng bố phòng chặt chẽ cách nào đi nữa, cán bộ và đội võ trang tuyên truyền vẫn thường trực trong vùng chiếm đóng. Nhờ được nhân dân che chở và đùm bọc. Đặc biệt giới hàm hộ đã đùm bọc, che giấu cho cán bộ hoạt động tại các lều nước mắm của các ông Phạm Viết Mẹo (xã Cửu), Phạm Ngọc Hồ, Năm Ngâu, Phó Ổn, Tàu Sạn, Hộ Xi, Hộ Giỏi, bà Banh. Ở Thạch Long có lều ông Sáu Kiên, Kiểm Cường, Trợ Khèo. Và để cán bộ có thể nằm lại hoạt động lâu ngày, trú ẩn khi địch ruồng bố căng thẳng, cán bộ động viên nhân dân cùng cán bộ đào hầm bí mật như hầm nhà ông Ba Hổ, bà Banh, Trùm Tâm, Năm Theo, ông Xã Mẹo, Ba Thể.

Tuy xây dựng đồn bót liên hoàn với nhau như vậy, nhưng bọn Pháp vẫn chưa yên tâm, ngày nào du kích cũng lọt vào hoạt động làm cho chúng mất ăn, mất ngủ. Chúng cho nối thêm đoạn hàng rào dây thép và cọc tre ngăn từ Động Bà Lựa ra tới mép biển Bãi Trước. Đi đường bộ không được thì cán bộ ta đi đường biển, vượt qua bằng thúng chai, ghe câu. Ở Bãi Sau thì đi từ Long Sơn qua Hồ Mẻ, cắt đường giữa các lô cốt số 6, 7 và 8 đột nhập vào Rẫy Sắn rồi vào sân vận động (chợ Mũi Né bây giờ) có trinh sát liên lạc, ám hiệu ở bên trong.

Để kiểm soát chặt chẽ hơn, bọn Pháp bố trí tại Rẫy Sắn và Dốc Trắc (khu phố 1) để kiểm soát giấy

tờ mọi người ra vào Mũi Né theo các phiên chợ. Tuy địch kiểm soát gắt gao, nhưng giao liên ta vẫn hoạt động trót lọt do có nhiều mưu trí, chị em gánh bầu bí lên chợ bán, trái nào eo, ngẫn, xấu thì khoét ruột cho công văn giấy tờ vào, hoặc chọn những khúc củi rỗng ruột cho công văn vào, trộn lẫn trong gánh củi đem bán. Có lúc giấy tờ cho vào bọc lá chuối, giấy kính nhét vào bụng cá để chuyển về căn cứ an toàn.

Có lần em Thành, một trong những em liên lạc mưu trí, dũng cảm nhận công văn giấy tờ từ khu đưa về bất ngờ gặp địch, em liền hốt một mớ đầu tôm, ruột cá của các bà ở chợ, rồi đến góc nhà làng ngồi bao bọc bó giấy tờ vào cườm chân giữ không thấm ướt, rồi lấy gói đầu tôm ruột cá đắp lên chân lấy giẻ rách bó lại bên ngoài. Khi bọn giặc vừa kéo tới nơi, xăm xăm đi thẳng đến chỗ em ngồi, em liền lấy tay vuốt vuốt cái bó giẻ rách cho máu cá chảy xuống bàn chân, ruồi nhặng bắt hơi đến bu xung quanh, em vừa ôm chân vừa lấy tay xua xua, mặt mày nhăn nhó như người bị ghẻ lở lói đau nhức. Bọn địch thấy vậy cũng nhăn mặt bịt mũi, bỏ đi luôn, giấy tờ được giao trót lọt.

Đây chỉ mới là một trong số hàng mấy chục em giao liên ở Mũi Né rất gan dạ, dũng cảm, kiên cường.

Đầu năm 1948, bọn Pháp từ âm mưu "Đánh nhanh thắng nhanh" chuyển sang chiến lược" "lấy

Số nhà 13 - Nguyễn Thanh Hùng
Mũi Né hiện nay - Nơi này trước đây
đồng chí Võ Trưng - Bí thư chi bộ Đảng đầu tiên
của Mũi Né sinh sống và hoạt động.

chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt". Thực hiện chủ trương của Tỉnh, tháng 1/1948 Huyện ủy Hàm Thuận phát động một đợt trừ gian, phá tề bằng cách phối hợp các lực lượng: Bộ đội - Công an - Dân quân du kích - Võ trang tuyên truyền, đột nhập vào vùng tạm chiếm để hoạt động nhằm đối phó với việc Pháp thường xuyên hành quân đánh ra vùng căn cứ nhằm tạo thế giằng co, địch càn quét ra căn cứ ta đánh vào lòng địch.

Hầu hết các cuộc càn quét, hành quân của Pháp, vùng căn cứ đều an toàn do ta tạm lánh, giữ nguyên được lực lượng vũ trang và du kích. Tuy nhiên, chỉ có 1 lần do sự chủ quan của ta trong những ngày tết, sáng Mùng một năm Mậu Tý (10/02/1948) giặc Pháp đã đột kích vào chiến khu rừng Ngang bắn chết đ/c Võ Trưng – Bí thư đầu tiên của xã Khánh Long[1].

Cơ quan chính quyền và đoàn thể làm lễ truy điệu đ/c Trưng ngay tại rừng Ngang. Ba hôm sau, cán bộ trên chiến khu cùng với nhân dân 2 thôn Thạch Long và Khánh Thiện bí mật tổ chức lễ Truy điệu đ/c Võ Trưng tại chùa Khánh Nghĩa để tỏ lòng thương tiếc của nhân dân đối với đ/c Bí thư chi bộ đầu tiên của Mũi Né, tưởng nhớ người con của Mũi

---

(1) Do vợ của đ/c là bà Võ Thị Mai, khi chạy tóc vướng vào cây găng gai, đ/c buộc phải dừng lại gỡ tóc, nên bị trúng đạn vào loạt thứ 2 của địch và đã hy sinh.

Né đã lớn lên và trưởng thành từ những ngày đầu còn hoạt động bí mật.

Sau thời gian đồng chí Trưng mất, đồng chí Nguyễn Thành Vui được chỉ định làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Liên làm Phó Bí thư, đồng chí Nguyễn Thất - thường trực Đảng.

Mất mát này càng thêm nung nấu tinh thần đánh địch ngay tại vùng chúng chiếm đóng để thực hiện chủ trương của Huyện và Tỉnh.

Ở Mũi Né một trung đội của đại đội Trần Quốc Tuấn, do đồng chí Bùi Mì là trung đội trưởng chỉ huy trợ lực cho đội võ trang tuyên truyền, Ban công an xã cùng với một số cán bộ của chính quyền Khánh Long đột nhập, nổ súng tấn công địch, nhân dân đồng thanh đánh trống, mỏ, phèn la, thùng thiếc làm cho bọn lính hoảng hốt, co cụm trong đồn.

Đội vũ trang tuyên truyền và Ban công an xã cùng với một số cán bộ treo băng, cờ, biểu ngữ, rải truyền đơn kêu gọi giải tán Ban hội tề, không hợp tác với Pháp, không đi lính cho Pháp, không dẫn đường cho Pháp. Các chiến sĩ ta bắt được một số tên làm tay sai cho Pháp như: 2 vợ chồng Trợ Hòa, Sáu Nho, Ngọ Dẹo- tức Mạnh, Năm Thuôn, vợ chồng tên Bá Mẹo... Tất cả bị bịt mắt đưa về chiến khu số này được giáo dục cảnh cáo và tối hôm sau cũng bị bịt mắt bố trí

người dẫn đi thả cho về. Riêng với tên Năm Thuôn, tự mình thấy có nhiều nợ máu với nhân dân, nên đã treo cổ tự tử. Vợ tên Lê Bá Mẹo, sau khi được giáo dục thả về liền kêu chồng không được hợp tác với địch nữa, sau đó hai vợ chồng đưa nhau đi Biên Hòa lẫn trốn một thời gian. Khi trở về tên Lê Bá Mẹo lại tiếp tục tiếp tay cho địch hung hăng hơn trước gấp bội lần. Được lệnh của công an huyện thấy cần thiết phải trừ khử tên này để làm giảm đau thương cho đồng bào và để làm gương cho những kẻ khác.

Ngày 22/2/1948, anh Nguyễn Bé trong đội vũ trang tuyên truyền được phân công về phục kích trước tại nhà anh Bá Khanh (cách đình làng Khánh Thiện 10 m) chờ cho tên Lê Bá Mẹo ở trong đồn Pháp đi ra. Đúng như dự tính, 5 giờ chiều tên Lê Bá Mẹo lững thững đi ra, anh Bé liền nhảy ra dùng dao găm đâm tên Lê Bá Mẹo nằm gục chết trên đường cát. Làm xong nhiệm vụ, anh Bé chạy lánh vào hầm bí mật của bà Ba Hổ và đêm hôm đó anh Bé được nhân dân dẫn đường đưa ra khỏi các bót gác, trở về chiến khu an toàn.

Bọn Pháp đồn Khánh Thiện mất một tên tay sai đắc lực, liền lồng lộn xua quân lính bao vây lùa tất cả đồng bào xung quanh đó tập trung trước sân đình làng Khánh Thiện để cho tên Có- cháu tên Mẹo nhìn mặt, nhưng nó không nhận ra được ai. Một điều

không may là trước khi tên Mẹo chưa chết hẳn, hắn còn lấy tay viết lên trên mặt cát chữ "Bé", bọn địch ngộ nhận là Bế nên liền ra lệnh bắt ngay anh Bế (tức là ông Trần Đình Nghị). 5 ngày liền anh Bế bị chúng đánh đập, tra tấn dã man, nhốt vào hầm tối, nhưng chúng không moi ra được một lời khai nào. Cho đến gần chiều tối đêm 28/2/1948, tên quan hai Laclert (Le cờ le) ra lệnh cho hai tên lính lê dương (có một thằng tên là Mát) đưa anh Bế lên động cắt cổ cùng với anh Tương (tức Lê Văn Viết) (cán bộ thôn Khánh Thiện), đã bị chúng bắt nhốt hầm trước đây). Chúng dùng loại dao dài, dẹp, bằng đầu (loại dao thường kèm theo súng máy để sửa chữa khi súng bị hóc), cắt cổ anh Tương trước, cắt xong chúng còn đâm thêm mấy nhát ở ngực và lưng. Bây giờ chúng mới quay sang cắt cổ anh Bế, nhưng may thay không trúng động mạch, nhưng cũng đã đứt một nửa cuống họng, chúng đâm thêm 3 nhát dao ở lưng và ngực, anh Bế bất tỉnh, chúng coi như đã chết nên khiêng anh ném vào bụi cây rậm. Nhưng đến 3 giờ sáng, nhờ có sương đêm, anh Bế tỉnh lại, thấy mình đang nằm tại sũng ổ gà, dây trói đã tuột khỏi tay, anh cố gắng tháo dây trói, nằm nghĩ lại sự việc và bò đi tìm anh Tương, thấy anh Tương đã chết lạnh rồi mà người thì còn bị trói chặt, anh bèn cố hết sức cởi trói cho anh Tương với ý nghĩa, nếu hy sinh cho cách mạng thì khi chết con người vẫn

phải được thoải mái. Anh thầm lặng chào vĩnh biệt anh Tương và tìm phương hướng gắng hết sức bò lết đến gần con đường mòn mà đồng bào thường đi chợ qua lại, bò càng xa nơi hành quyết càng sớm càng tốt, nhưng khi bò đến Dốc Động thì anh kiệt sức, nằm gục mê man bất tỉnh. Khoảng 5 giờ sáng, anh bừng tỉnh lại, mở mắt ra, nghe tiếng gà rừng gáy mà tưởng của nhà đồng bào ở gần đâu đó, lòng mừng khấp khởi. Khi anh mở mắt ra nhìn thấy một số chị em quang gánh đang đi tới, anh cố gắng trườn người lên đưa tay quất quất (vì cuống họng của anh bị cắt đứt không còn nói ra tiếng được nữa). Nhìn thấy anh, chị em tưởng là Tây phục kích. Mãi đến hơn 1 tiếng đồng hồ sau, đội vũ trang tuyên truyền đi trinh sát gặp anh, anh Bế vui mừng cười chào anh em, quên cả sự đau đớn, nhức nhối trên người, anh ra hiệu xin giấy và viết, anh viết tóm lược sự việc xảy ra. Lập tức anh em du kích khiêng anh về trạm băng bó, đồng thời bố trí người làm võng khiêng anh về Bệnh xá tại Rừng Ngang do y sĩ Quế Xăn phụ trách, lúc đó 6 giờ chiều ngày 29/2/1948. Đến bệnh xá y sĩ Quế tận tình cứu chữa, làm thuốc rửa lại vô trùng các vết thương, tiêm thuốc trợ lực tạm thời và đưa ngay về bệnh viện của Trung đoàn 812. Đến bệnh viện đã quá nửa đêm, Bác sĩ nói nếu trễ 5 phút nữa là anh Bế không sống được và khâm phục sự gan góc chịu đựng của anh. Sau 6

tháng điều trị qua nhiều lần cưa ba sườn, cắt phổi, khâu cuống họng v.v...Sau khi trở lại bình thường anh vẫn tiếp tục tham gia kháng chiến, dù anh là thương binh hạng nặng.

Không dừng lại hành động dã man đó. Ngày 6/5/1948 (tức 28/3 năm Mậu Tý) bọn Pháp ở đồn Thạch Long cho lính lùa đồng bào về sân đồn để xem chúng treo cổ 4 cán bộ trên dàn giáo mà chúng đang xây lô cốt đó là Tám Móm (Thợ Tám) Thôn trưởng, Trừ - Hội lao động biển, Nguyễn Thủ, Nguyên. Ngày hôm sau, tên đội Thới lại đưa đồng chí Trần Nhỏ (người ở xã Quang Cảnh - Rạng), là Chủ tịch Việt Minh ra bắn chết. Anh Được (con nuôi của anh Ba Bài) làm anh nuôi tại xã Khánh Long, đi công tác bị địch phục kích bắt được đưa thẳng về đồn Kim Ngọc, sau khi tra tấn dã man anh không hề khai báo gì, chúng bực tức lấy dây cột cổ anh, còn một đầu dây cột vào đuôi ngựa, chúng cưỡi ngựa cho phi nước đại, mình mẩy anh Được bị rách nát, máu chảy thịt rơi theo đường cho đến chết. Tội ác dã man của bọn thực dân Pháp không có bút mực nào nói lên cho hết được.

Em giao liên 16 tuổi, ở chiến khu đặt cho em tên là Lý Thông (con nuôi của Chủ tịch xã Khánh Long-Lý Kim Quang) trên đường về khu tạm chiến, bị bọn com-măng-đô phục kích bắt, bị bất ngờ em không kịp chôn giấu tài liệu, giấy tờ. Bọn chúng đưa em về đồn

Rạng tra tấn, em khai là đi chợ Mũi Né mua gạo về ăn trưa giữa đường gặp một anh du kích mướn đem bó giấy gì không biết, ham tiền em nhận lãnh. Chúng không tin, tiếp tục tra tấn em rất dã man. Đến giờ đi ăn trưa, chúng bảo em để hai bàn tay lên bàn, rồi đóng đinh cho hai bàn tay dính trên bàn để em không thể chạy trốn. Em la hét kêu tên thằng Lu-i ra chửi cả nửa tiếng đồng hồ[1]. Ăn uống no say xong chúng xách dao lên mổ bụng em và cho lính com măng đô lôi thây em ra bờ biển bỏ. Đồng bào xã Quang Cảnh đem xác em về Xóm Dừa chôn cất tử tế. Đồng bào kể lại trước khi em chết em hô: Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm! Việt Nam độc lập muôn năm! Em Thông đã hy sinh anh dũng. Ở Mũi Né còn rất nhiều người dân đã ngã xuống để Tổ quốc Việt Nam có được ngày hôm nay.

Sau đó huyện Hàm Thuận thấy tính chất hoạt động của xã Quang Cảnh và xã Khánh Long giống nhau vì mỗi xã đều có vùng du kích và vùng tạm chiếm của địch, nên chủ trương sáp nhập 2 xã thành xã Hàm Dũng và vào đầu năm 1949, bộ máy chính quyền được tổ chức bầu lại gồm có: Hàn Mặc Tử (tức Hộ In) làm Chủ tịch, đồng chí Văn Công Thành và

---

(1) Lúc bấy giờ thằng Lui (Louis Lavalléa) chuyên nắm 1 trung đội lính com măng đô (commando) lính cảm tử, chuyên môn đi ruồng bố, đột kích, phục kích theo những vùng có chiến khu của ta. Trong số lính com măng đô, có bọn chiêu hồi, chỉ điểm chuyên dẫn đường cho địch để chống phá cách mạng.

đồng chí Hoa làm Phó Chủ tịch, đồng chí Phan Văn Hợi Ủy viên thư ký. Năm 1950, đồng chí Hồ Ngọc Điệp thay Hàn Mặc Tử làm Chủ tịch.

V - CÔNG TÁC ĐỊCH VẬN ĐẠT KẾT QUẢ TỐT

Lúc bấy giờ lô cốt số 1 của địch tại Khánh Thiện do anh Đoàn Văn Bê phụ trách, là một lô cốt quan trọng án ngữ cả đường biển, từ dưới Rạng lên và đường ở Bàu Me ra, gây trở ngại lớn cho việc đột nhập của đội vũ trang vào ra công tác. Ban chỉ huy đội võ trang tuyên truyền phân công đồng chí Lê Văn Mĩn về nhờ chị Lộc[1] bố trí gặp anh Bê để bàn kế hoạch làm tê liệt lô cốt số 1. Anh Bê cũng xin gặp Ban chỉ huy đội để thống nhất kế hoạch. Anh Bê cho biết đêm 19/5/1949 anh sẽ có phiên gác từ 9 đến 12 giờ đêm. Kế hoạch làm tê liệt lô cốt số 1 đúng 12 giờ đêm. Chị Lộc thu xếp và bồng con theo ngã Bàu Me ra trước có dân quân du kích dẫn đường đến nơi trú ẩn. Anh Bê ở lô cốt tập trung súng đạn, chờ đúng 11 giờ đêm đội võ trang tuyên truyền về bao vây nổ súng hỗ trợ cho anh Bê chuyển súng đạn ra. Đúng theo kế hoạch đã định, mọi việc đều ăn khớp. Khi ta nổ súng, bọn địch đều bất ngờ, không dám ló ra khỏi lô cốt. Sau 5 phút các chiến sĩ ta đã hoàn thành nhiệm vụ. Bọn địch ở đồn chính bắn pháo hiệu nhưng không

---

(1) Chị Lộc là vợ của anh Đoàn Văn Bé và là bạn học thời thơ ấu với đồng chí Lê Văn Mĩn

tăng viện, chiến sĩ ta rút về chiến khu an toàn. Ta thu trọn số vũ khí, đạn dược có trong lô cốt số 1, gồm có: 1 súng tiểu liên với nhiều băng đạn, 4 súng trường, 1 phóng súng lựu đạn, 2 thùng đạn có cả đạn phóng lựu và lựu đạn loại OF. Nhờ làm tốt công tác binh vận, đội võ trang tuyên truyền đã gây hoang mang cho địch, giành thắng lợi dễ dàng.

Chị Nguyễn Thị Bê hội viên Hội phụ nữ xã do chị Từ Tâm lãnh đạo, đã tiếp tục vận động được 2 lính ngụy ở đồn Thạch Long là Y Ngum và Y Đắc đi theo chị ra vùng du kích mang theo 2 súng trường hiệu Max 36 và Max 38 với nhiều đạn dược.

Chị Nơi là vợ anh Lâm (xã đội phó dân quân du kích) vận động 1lính ngụy đánh cắp 1 súng ngắn hiệu Ru lô đưa ra cho du kích.

Công tác địch vận đạt nhiều kết quả mỹ mãn. Đó chỉ là một trong nhiều tấm gương về hoạt động này. Ngoài địch vận, đội vũ trang cũng đã nhiều lần đột nhập về đánh địch thể hiện sự lớn mạnh của đội, mặc dù Huyện đã rút các cán bộ đã tăng cường trước đây như đồng chí Nguyễn Văn Trung (trung đội trưởng bộ đội địa phương), đồng chí Nguyễn An Nhơn, đồng chí Nguyễn Kim Bồng. Đội vũ trang do các địa phương trực tiếp chỉ đạo. Ban cán sự đội võ trang tuyên truyền do đồng chí Đỗ Trân làm Bí thư, đồng chí Hồ Ngọc Điệp (Mười Muộn) làm Phó bí thư.

Đội võ trang tuyên truyền ráo riết hoạt động, làm cho địch hoang mang lo sợ, mất ăn, mất ngủ. Tháng 4/1949, một tổ võ trang tuyên truyền do đồng chí Đỗ Trân phụ trách cùng với các anh Huỳnh Hóa, anh Hộ đột nhập vào vùng tạm chiếm bằng đường bộ, chạy băng qua lô cốt số 1, theo đường nhân dân ra vào đi chợ, bị địch phát hiện bắn đuổi theo, 3 người đều bị thương. Hai anh Trân và Hộ bị thương nhẹ, riêng anh Hóa vì bị thương quá nặng không chạy được, đã lăn từ chân dốc xuống tận Xóm Dừa, tự thấy mình không sống được, đã cố gắng tháo súng ra từng bộ phận và ném xuống biển trước khi bọn địch chạy ùa tới để bắt. Nhưng đồng chí Hóa đã trút hơi thở cuối cùng, anh dũng hi sinh và tỏ rõ tinh thần kiên cường bất khuất, không để vũ khí lọt vào tay địch.

Một tổ công tác khác do đồng chí Trần Kiện là tổ trưởng, gồm Lê Bá Huệ, Hộ Lùn, Nguyễn Trí và chị Từ Tâm (cán bộ phụ nữ xã) 12 giờ đêm đi từ Hòn Rơm dọc theo Hồ Mẽ đột nhập vào Rẫy Sắn xuyên qua các lô cốt số 5, 6, 7 chẳng may bị Tây phục kích. Khi tên quan hai không cho nổ súng địch bao vây bắt sống con chó Bẹc giê của thằng quan hai đánh hơi sủa, đoàn người luồn lách chạy tháo lui. Chúng nổ súng dữ dội. Anh Bảy Từ bị trúng đạn chết ngay trên bãi biển. Sau khi im tiếng súng đồng đội đã trở lại tìm cho tới 3 giờ sáng nhưng không thấy đâu, vì nước

biển cuốn đi mất xác. Tên quan hai tức giận bắn chết con chó Bẹc giê ngay tại chỗ và rút quân về đồn.

Tuy nhiên, trong những lần đột nhập về vùng tạm chiếm hoạt động, một số cán bộ, chiến sĩ của ta đã hy sinh như các anh: Chút em, Chín (em anh Bảy Hè), Đinh Khắc Minh (Bảy cụt - uỷ viên tài chánh xã), Mại, Tường, Ngữ, Luông, Ông Mười – dân quân du kích, anh La Kỳ- giao liên.

Ngoài ra, còn có những tấm gương can trường, hy sinh như trường hợp anh Ất (con ông Phụ Lâu) bị địch phục kích bắt tra tấn dã man, nhưng không khai báo, bị chúng đem treo cây và bắn chết tại giếng Giang (Suối Nước). Ông Bảy Be bị địch bắt, đem mổ bụng tại Nước Nhỉ... Hay như trường hợp chị Canh (con ông Phó Phú) liên lạc của độivũ trang, đi công tác bị phục kích bắn chết tại Rẫy Sắn. Chúng dã man lột hết quần áo, kể cả bông tai. Thi hài của chị được nhân dân lén chôn tại Khánh Điền.

Trong năm 1949, khi ta đột nhập về đánh phá và đốt tan tành chợ cũ, bọn Pháp cũng trả thù bằng cách đem các anh Nghé, Châu (liên lạc của Ban trinh sát Trung đoàn 812, bị bắt trước đó), và anh Sơn ra bắn tại chợ cũ để thị uy.

Bên cạnh đó, còn có sự hy sinh cao cả, thầm lặng của một số chị em phụ nữ, khi lấy nhà mình làm nơi

trú ẩn, đùm bọc cán bộ về công tác. Như trường hợp 3 tên ác ôn: Mười Nhạn, Ký, Có ập vào lùng sục, có chị đành phải dụ nó đi nơi khác và hy sinh thể xác cho chúng , đã cứu được tổ công tác thoát khỏi sự vây bắt của chúng.

Sau này tên Ký đã phải đền tội tại Rẫy Sắn, còn tên Có may mắn thoát chết do kế hoạch mỹ nhân kế không thành công.

Tội ác của giặc Pháp chồng chất, dã man, nhưng cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Mũi Né không run sợ, chấp nhận hy sinh, kể cả những trường hợp rất thương tâm, làm lay động lòng người, vẫn ngoan cường chống giặc bằng nhiều cách, nhiều hình thức độc đáo, sáng tạo.

Tại Đại hội Dân quân của Tỉnh tổ chức tại Giếng Cát (xã Đồng Tiến), xã Khánh Long được biểu dương về công tác diệt ác, phá tề, xây dựng tốt lực lượng.

Trong thời gian 1948 – 1949 chi bộ xã Khánh Long hưởng ứng phong trào của Huyện ủy Hàm Thuận tiến hành công tác kết nạp đảng viên mới.

Trước đây Chi bộ lấy tên là Chi bộ Hoàng Văn Thụ, nay đổi lại lấy tên là Chi bộ Võ Trưng (đồng chí Bí thư đầu tiên của xã đã hy sinh).

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội huyện Hàm Thuận, xã phát triển nhanh chóng đội ngũ đảng viên,

đáp ứng được phần nào yêu cầu trong việc lãnh đạo cao trào "Tổng động viên nhân tài vật lực, chuyển mạnh sang tổng phản công". Tuy nhiên số đảng viên nòng cốt nhận thức chưa đúng đắn chủ trương: " Xây dựng Đảng quần chúng đông đảo và mạnh mẽ " đưa đến kết nạp bừa bãi, không đúng thành phần đối tượng, nặng về báo cáo số lượng, xem nhẹ chất lượng. Thiếu sót đã không làm tăng được sức chiến đấu của Đảng mà mang lại nhiều hậu quả tác hại về sau.

Số đảng viên trong Chi bộ đầu tiên (Hoàng văn Thụ) 1947: Võ Trưng (Bí thư), Lý Kim Quang (Ba Bé), Trương Minh Xương (Hai Được), Nguyễn Thành Vui, chị Từ Tâm (Sáu Tỵ).

Số kết nạp năm 1948: Viễn Chinh (Trương Tấn Mão), Trần Đôn, Trần Kiện, Trần Bá Thuận, Trần Quang Môn (Năm Mùi), Lê Đằng, Hồ Ngọc Điệp (Mười Muộn), Bạch Đằng Giang (Cu), Nguyễn Hữu Dậy (Việt Dậy), Lý Hùng Kiệt (Tích), Phi Long (Hồng), Nguyễn Hồng (Nhung), Nguyễn Khải (Xe), Sáu Thiết, Tư Hớn, Bảy Thất...

Cuối năm 1948 đồng chí Trần Kiện và đồng chí Từ Tâm về vùng địch hậu kết nạp thêm một số đảng viên nữa (tại lều nước mắm của ông Hộ Giỏi) gồm có: Biện Mao, Thợ Mão, Huỳnh Thị Ngữ, Năm Biết (em của Tư Mao), Kiểm Hưng, Lê Bá Phu, Lê bá

Huệ, anh Cự, Phan Đức Cầu, Tàu Sạn, Kiệt, Hai Thú, Biện Bầu, Biện Đáo, Trọng (em của Giang).

Sau đó số người mất tinh thần, mất lập trường, ham sống sợ chết, thoái hoá, tham ô, hủ hoá, bị kỷ luật của Đảng nên bỏ chạy về đầu hàng địch như: 1950 – 1951: Nguyễn Hữu Dậy, Bạch Đằng Giang (Cu), Lý Kim Quang (Ba Bé), Nguyễn Bê, Ngầu, Ngư. 1951 – 1952: Xuổng, Bảy Cao, Thuận (rể Bảy Từ), Hàn Mặc Tử (Hoàng Minh Phong tức Hộ In), Nguyễn Bé...

Một số tên sau này đã làm tay sai đắc lực cho địch, chỉ điểm, đánh phá gây tổn thất lớn cho ta những năm 1955 – 1957.

Đầu năm 1951, khu căn cứ Lê Hồng Phong được nâng lên thành huyện căn cứ Lê Hồng Phong gồm phần đất phía Đông huyện hàm Thuận và phía Nam huyện Bắc Bình với 11 xã, lấy tên đầu mỗi xã bằng tên Hồng (Sơn, Trung, Hải, Thanh, Liêm, Chính, Tiến, Thắng, Thái, Lâm); nhân dân Mũi Né ra sống rải rác tại các xã Hồng Hải, Hồng Thanh và Hồng Chính.

Ranh giới địa dư 2 xã Hồng Hải, Hồng Thanh liên quan đến khu vực Mũi Né được phân định: xã Hồng Hải gồm Bàu Ghe, Bàu Nỗi, Bàu Tàn, Bàu Sen,Lò Dầu, Giồng Thầy Ba, Hòn Một, xã Hồng

Thanh gồm Rừng Lớn, Cóc Chua, Cối Giả, Dốc Ông Từ, Rừng Ngang, Suối Nước.

Ủy ban kháng chiến hành chính xã Hồng Thanh (Khánh Long cũ): Chủ tịch là Giáo Hanh; phó chủ tịch là Hồng Châu, Thuận là thư ký, Hồ Ngọc Diệp là Ủy viên thường trực.

Ủy ban kháng chiến xã Hồng Hải: Chủ tịch là Cả Hoa, sau đó là Nguyễn Bá Lân người thuộc xã Quang Cảnh; Phó chủ tịch Mai Hét; Ủy viên Từ Trung; xã đội trưởng Hương; xã đội phó Lê Thanh Tịnh.

VI - CÁC ĐOÀN THỂ ĐƯỢC CỦNG CỐ VÀ NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC BÀ MẸ CHIẾN SĨ

Chấp hành Nghị quyết của Hội nghị Huyện uỷ Hàm Thuận. Tháng 7/1949, cụ thể hoá chủ trương của Hội nghị, Đảng uỷ xã Hàm Dũng củng cố lại đoàn thể và chỉ đạo công tác dân vận. Hội Liên hiệp Phụ Nữ đổi tên là Phụ nữ cứu quốc, đồng chí Từ Tâm được cử là Hội trưởng. Đoàn thanh niên cứu quốc đổi tên là Đoàn thanh niên Việt Nam, đồng chí Viễn Chinh được bầu làm Bí thư Đoàn. Nông dân cứu quốc đổi tên thành Nông hội. Công đoàn lao động do anh Trương Tha (hai Tha) và anh Trần Đình Công (tư Chài) Chài phụ trách.

Trên cơ sở tính chất nhiệm vụ của từng giới, các cán bộ đoàn thể đổ xô về vùng tạm chiếm bám sát cơ sở vận động quần chúng, mở phong trào. Từ đó, được quần chúng hưởng ứng, giúp đỡ. Đặc biệt thiếu niên, đã góp công sức rất lớn để che chở, bảo vệ và cung cấp rất nhiều tin tức cho cán bộ.

Trong phong trào đoàn thể hoá dân quân, dân quân hoá đoàn thể, ngoài số du kích tập trung, nhờ có sự hỗ trợ giúp đỡ của bộ đội địa phương huyện Hàm Thuận, còn có số du kích bán thoát ly và dân quân rộng rãi cùng phối hợp làm nhiệm vụ diệt tề, trừ gian, chống càn bảo vệ chiến khu, bảo vệ dân, phá hoại giao thông, phá rối đồn bót, làm công tác địch vận...bố phòng, báo động dây chuyền từ khu vực này sang khu vực khác để cán bộ và đồng bào đi lại nắm được tình hình bằng hình thức sử dụng các cây sào có cột chà lá ở chót cây gọi là bù. Cây bù đứng nguyên là tình hình yên tĩnh, bù hạ là tình hình có địch đi ruồng bố. Hiện nay ở rừng ngang còn hình ảnh một số dốc động cao được đặt tên là dốc Cây Bù. Dưới dốc là bãi cát rộng dùng làm sân lễ và sân banh. Những cuộc đá bóng giao hữu liên cơ quan và bộ đội địa phương được tổ chức ở nơi đây. Những ngày lễ lớn như kỷ niệm cách mạng tháng tám, Quốc khánh 2/9 ở chiến khu đều có chương trình hành lễ, chiều đá banh, tối liên hoan văn nghệ mừng chiến

thắng. Cán bộ cơ sở cùng với đoàn thể thanh niên, phụ nữ và đồng bào từ vùng địch tạm chiếm kéo nhau vào chiến khu tham dự đông đảo. Sau đêm liên hoan, cuộc chia tay quyến luyến đưa tiễn nhau mãi đến gần sáng mới xong và để lại nhiều kỷ niệm sâu sắc về mối tình quân dân. Số đồng bào đi dự mitting và liên hoan ở chiến khu ai về nhà nấy trở lại sinh hoạt bình thường, trong lòng ngậm ngùi cho cuộc sống cá chậu chim lồng, nhưng tinh thần yêu quê hương đất nước, mến thương cán bộ, bộ đội thoát ly một cách thầm kín và thâm sâu. Những vụ đánh lừa địch, đào hầm bí mật che giấu cán bộ, nuôi nấng cán bộ đã chứng minh cho tinh thần đó.

Ở chiến khu Rừng Ngang, được sự giáo dục, chỉ dẫn của Đảng, rèn luyện lập trường cách mạng vững chắc, nên cán bộ chiến sỹ và đồng bào đã quyết tâm khắc phục mọi khó khăn gian khổ sống trong thiếu thốn, nhưng không bao giờ thấy mình thiếu thốn.

Ngoài vai trò vô cùng quan trọng của các đoàn thể thì các bà mẹ, bà chị chiến sĩ đã có công rất to lớn và xuyên suốt cả cuộc kháng chiến chống Pháp để vận động đóng góp tài lực, vật lực cho kháng chiến. Không những cung cấp cho chiến khu Rừng Ngang mà còn đóng góp cho Huyện và Tỉnh. Các mẹ, các chị không quản khó nhọc, hiểm nguy, mà còn rất sáng tạo để có kế hoạch tiếp tế, ủng hộ

kháng chiến, kêu gọi các hàm hộ tích cực đóng thuế đảm phụ kháng chiến, tham gia đóng thuế hải sản, thuế nước mắm (mỗi tỉn 3 lít thì nộp thuế từ 5 xu đến 1 cắt). Hầu hết hàm hộ ở Mũi Né đều hết lòng ủng hộ kháng chiến, như các ông: Chánh Én, Phó Ổn, Tám Bé, Năm Ngâu, bà Banh, ông Lương Lê Quang (Ba Cón), Hai Xôi, Xả Tắc... Trong các xã thuộc huyện Hàm Thuận, Mũi Né là nơi đóng góp nhiều nhất. Nguồn thu to lớn, thường xuyên và cơ bản nhất là quỷ ủng hộ kháng chiến. Đồng bào vùng bị tạm chiếm còn cung cấp tiền Đông Dương và nhiều loại thuốc men quý hiếm cho cách mạng.

Những năm 1949 – 1950, tình hình địch bớt căng thẳng do những hoạt động liên tục của ta, làm cho bọn tay sai bớt hung hăng và Ban hội tề hai mặt cũng không còn làm khó dễ cho đồng bào, nên các mẹ chiến sỹ, đứng đầu là má Năm và má Dĩ đã đăng ký xin giấy tờ công khai mở đại lý bán gạo và bán nước mắm, cá khô. Đồng bào cải trang đi mua lương thực, thực phẩm về ăn làm rẫy, nhờ vậy mà các má tổ chức đưa gạo ra vùng kháng chiến làm hai ngã: ngã Bàu Me, Bàu Sen và ngã Rẫy Sắn lên Long Sơn, Hòn Rơm. Từ đó thoát kiểm soát của địch đưa thẳng vào chiến khu. Đoàn gánh lương thực, thực phẩm được các má tổ chức cho đi rời rạc, gạo được che đậy, cho vào túi vào bao cẩn thận. Vận chuyển an toàn hàng tấn lương thực, thực phẩm ra chiến khu

là sự kỳ công nghiên cứu, tìm cách che giấu của các má, các chị chiến sĩ.

Nhờ vậy mà trong vòng 4 – 5 tháng, số gạo được đưa vào kho đã lên 60 – 70 tấn, 3 tấn cá khô các loại, 2000 lít nước mắm ngon. Công lao to lớn này thuộc về lòng dân Mũi Né, có sự đóng góp của các má, các chị ở Bàu Sen, Bàu Me (thuộc xã Quang Cảnh) với hàng ngàn lượt người gánh gồng lặn lội ngày đêm, vượt qua bao nhiêu đồn bót nhằm đóng góp lương thực, thực phẩm, hàng hoá đảm bảo yêu cầu hậu cần cho chiến dịch Bình Thuận Bắc vào tháng 4 năm 1950. Lễ xuất quân phục vụ cho chiến dịch do tỉnh tổ chức tại Bàu Me (Quang Cảnh) khí thế rất là rầm rộ, mọi người đều nô nức phấn khởi như chiến thắng đã cận kề.

Từ những năm 1946 – 1947 cho đến hết thời kỳ chống Pháp phải nhìn nhận rằng công lao của các mẹ, các chị như trời, như bể, là nguồn cổ vũ động viên mạnh nhất cho các chiến sỹ trước giờ chiến đấu cũng như khi ốm đau, bị thương luôn có mặt các mẹ, các chị ở bên cạnh nhiệt tình an ủi, thuốc thang bồi dưỡng.

Công lao của các mẹ chiến sỹ, các chị chiến sỹ là rất to lớn. Má Năm và má Dĩ là những người tiêu biểu đi đầu hết mình cho cách mạng, kháng chiến. Những ai đã từng sống ở chiến khu thuộc tỉnh mà

không biết được sự chăm nom, săn sóc của hai má. Từ những năm đầu kháng chiến từ một trung đội chủ lực của đồng chí Nguyễn Minh Châu, lên đại đội Trần Quốc Tuấn, lên đến Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 86 và nay là Thượng tướng (về hưu) – ai cũng biết là con đỡ đầu của má Năm, luôn mấy năm liền được sự tận tình chăn sóc của má, cần thứ gì có thứ nấy. Thiếu thốn thuốc men thì ở địch hậu có chị chiến sỹ mụ Tròn lần hồi chuyển lên cho bệnh viện và cung cấp thêm cho các y tá phụ trách đại đội.

Tiếp theo là đại đội Hoàng Hoa Thám và đại đội Phan Đình Phùng do đồng chí Đoàn Tử Bảy chỉ huy cũng được sự hỗ trợ đóng góp giúp đỡ của má Dĩ. Mỗi lần sau khi chiến đấu về tập trung ở rừng Lớn để học tập, luyện quân, đều được các má tổ chức vận động đồng bào, các mẹ, các chị, các em gánh lương thực thực phẩm, gà vịt, bánh trái đem lên chiến khu tiếp tế, bồi dưỡng sức quân. Lương thực, thực phẩm thuốc men, vải vóc, vật dụng hàng ngày còn được các mẹ, các chị chiến sĩ phân bổ đồng đều cho tất cả các cơ quan như Ban Chính trị trung đoàn 812, Ban tham mưu, Bệnh viện (ở Hố Đất, Đá Bàn), Bệnh xá,Tỉnh đội, Uỷ ban tỉnh, huyện cho đến xã. Ty thương binh ở Gò Cà. Ngoài ra còn có cơ quan Các Mác do đồng chí Hồ Liên phụ trách. Sau này đồng chí Hồ Liên ra miền Bắc và đi đại sứ nước ngoài, khi nhớ lại những

là sự kỳ công nghiên cứu, tìm cách che giấu của các má, các chị chiến sĩ.

Nhờ vậy mà trong vòng 4 – 5 tháng, số gạo được đưa vào kho đã lên 60 – 70 tấn, 3 tấn cá khô các loại, 2000 lít nước mắm ngon. Công lao to lớn này thuộc về lòng dân Mũi Né, có sự đóng góp của các má, các chị ở Bàu Sen, Bàu Me (thuộc xã Quang Cảnh) với hàng ngàn lượt người gánh gồng lặn lội ngày đêm, vượt qua bao nhiêu đồn bót nhằm đóng góp lương thực, thực phẩm, hàng hoá đảm bảo yêu cầu hậu cần cho chiến dịch Bình Thuận Bắc vào tháng 4 năm 1950. Lễ xuất quân phục vụ cho chiến dịch do tỉnh tổ chức tại Bàu Me (Quang Cảnh) khí thế rất là rầm rộ, mọi người đều nô nức phấn khởi như chiến thắng đã cận kề.

Từ những năm 1946 – 1947 cho đến hết thời kỳ chống Pháp phải nhìn nhận rằng công lao của các mẹ, các chị như trời, như bể, là nguồn cổ vũ động viên mạnh nhất cho các chiến sỹ trước giờ chiến đấu cũng như khi ốm đau, bị thương luôn có mặt các mẹ, các chị ở bên cạnh nhiệt tình an ủi, thuốc thang bồi dưỡng.

Công lao của các mẹ chiến sỹ, các chị chiến sỹ là rất to lớn. Má Năm và má Dĩ là những người tiêu biểu đi đầu hết mình cho cách mạng, kháng chiến. Những ai đã từng sống ở chiến khu thuộc tỉnh mà

không biết được sự chăm nom, săn sóc của hai má. Từ những năm đầu kháng chiến từ một trung đội chủ lực của đồng chí Nguyễn Minh Châu, lên đại đội Trần Quốc Tuấn, lên đến Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 86 và nay là Thượng tướng (về hưu) – ai cũng biết là con đỡ đầu của má Năm, luôn mấy năm liền được sự tận tình chăn sóc của má, cần thứ gì có thứ nấy. Thiếu thốn thuốc men thì ở địch hậu có chị chiến sỹ mụ Tròn lần hồi chuyển lên cho bệnh viện và cung cấp thêm cho các y tá phụ trách đại đội.

Tiếp theo là đại đội Hoàng Hoa Thám và đại đội Phan Đình Phùng do đồng chí Đoàn Tử Bảy chỉ huy cũng được sự hỗ trợ đóng góp giúp đỡ của má Dĩ. Mỗi lần sau khi chiến đấu về tập trung ở rừng Lớn để học tập, luyện quân, đều được các má tổ chức vận động đồng bào, các mẹ, các chị, các em gánh lương thực thực phẩm, gà vịt, bánh trái đem lên chiến khu tiếp tế, bồi dưỡng sức quân. Lương thực, thực phẩm thuốc men, vải vóc, vật dụng hàng ngày còn được các mẹ, các chị chiến sĩ phân bổ đồng đều cho tất cả các cơ quan như Ban Chính trị trung đoàn 812, Ban tham mưu, Bệnh viện (ở Hố Đất, Đá Bàn), Bệnh xá,Tỉnh đội, Uỷ ban tỉnh, huyện cho đến xã. Ty thương binh ở Gò Cà. Ngoài ra còn có cơ quan Các Mác do đồng chí Hồ Liên phụ trách. Sau này đồng chí Hồ Liên ra miền Bắc và đi đại sứ nước ngoài, khi nhớ lại những

ngày kháng chiến gian khổ ở Bình Thuận cũng không thể quên những hình ảnh cao đẹp của các mẹ chiến sỹ ở Mũi Né: má Năm và má Dĩ. Mỗi lần gặp lại các đồng chí cũ chiến đấu ở Bình Thuận trước đây, đồng chí đều có lời hỏi thăm và nhắc đến các mẹ chiến sỹ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Có lần Má Dĩ lên Tỉnh đội thăm hỏi anh em dân quân, đồng chí Đoàn Tử Bảy tặng cho má một khẩu súng ngắn ru lô (rouleur), má Dĩ bỏ trong giỏ xách đựng trầu cau. Về Bàu Me, má khoe với bà con: bà con đừng lo, thằng Bảy mới cho tôi khẩu súng lục, bọn nào vào đây đột kích, do thám, tôi sẽ bắn nát đầu.

Nói đến truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Mũi Né, không nói đến công lao của các mẹ, các chị chiến sỹ là một thiếu sót lớn.

Trong các má có má Năm là gian khổ nhất: 3 lần bị địch bắt khảo tra, nhốt hầm, nhưng nhờ sự đấu tranh của đồng bào, sự can thiệp của Hội Tề 2 mặt nên được thả ra. Một lần tên Lu-i được bọn tay sai chỉ điểm ton hót đòi phải bắt cho được má Năm (mặc dù nó có bà con xa gọi má Năm bằng bà ngoại họ) giao cho phòng nhì giam má Năm tại nhà lao Pa Gốt (ở Bình Hưng). Má Năm già cả nhưng chúng vẫn tra tấn đủ điều, không khai thác được gì và không tìm ra chứng cứ, hơn nữa do áp lực của bên gia đình mẹ

thằng Lu-i bắt buộc nó phải qua nhận lãnh thả cho má Năm về. Được thả về, má lại trở lên chiến khu và tiếp tục hoạt động.

Chị chiến sĩ, mụ Tròn đóng một vai trò hết sức quan trọng, trung thành với cách mạng suốt từ đầu đến cuối, nhờ chị có điều kiện được bọn Pháp giao phụ trách nhà bảo sanh[1], nằm sát vách với lô cốt chính của đồn Khánh Thiện. Vì đó là nhà bảo sanh nên bọn Pháp ít quan tâm, ngày nào cũng có từ 5-7 người vào sinh, trong đó có vợ của số lính Partisạn và được chăm sóc chu đáo tận tình của bà mụ Tròn nên ca nào cũng tốt, cũng mẹ tròn con vuông. Bên ngoài thì như vậy, nhưng bên trong là một hầm bí mật kiên cố để giấu cán bộ và là nơi in truyền đơn[2], viết khẩu hiệu, làm cờ rất an toàn. Đây cũng là nơi, chị em phụ nữ hội họp, hoạt động quyên góp áo quần, chăn màn, thêu khăn gởi vào chiến khu ủng hộ "mùa đông binh sĩ".Và cũng chính ở tại nhà bảo sanh này đã chuyển ra chiến khu các loại thuốc men, băng bông, máy đánh chữ, giấy in, mực in....

Bọn lính ở đồn bót rất kính nể chị vì là người chúng mang ơn. Chị mụ Tròn vóc người nhỏ nhắn,

---

(1) Hiện nay là Trung tâm giáo dục cộng đồng cạnh đình làng Khánh Thiện
(2) Kỹ thuật in bằng xu xoa hoặc bột nếp; nội dung truyền đơn do trên huyện Hàm Thuận gửi.

MÁ DĨ (1898-1981).

MÁ NĂM (1902-1990).

yết ớt, bọn chúng không hề nghĩ đến chị có thể làm việc gì được ngoài việc đỡ đẻ, do vậy, chị hoạt động rất an toàn, không bị bại lộ.

VII - KHO LƯƠNG KHÁNG CHIẾN

Trong kháng chiến, công tác dự trữ lương thực, thực phẩm vô cùng quan trọng. Người đầu tiên tạo lập nên một kho lương thực kiến cố ở trong rừng sâu và tự nguyện ở lại để bảo quản giữ gìn trọn vẹn là ông Biện Cồ.

Kho lương dã chiến, do óc sáng tạo và sức lao động của một mình ông Biện Cồ làm nên là một công trình. Một mình ông làm và một mình ông biết, vì đây là một địa điểm tuyệt đối phải giữ bí mật. Ông ăn ở tại chòi của ông Tư Ngọng, sáng sớm ông nấu một nồi khoai với ít muối hầm đem theo. Ông tìm các loại cây mà mối không thể xông được, dài 4m, tròn bằng bắp chân, những cây nạng dài 1,5m, chôn sâu 1 thước cao hơn mặt đất 50 phân, tất cả đều ràng buộc bằng dây mấu bằng lá bên trong, lá buông bên ngoài, mái che bằng lá dừa, trời mưa không thể nào ướt được. Mỗi kho lương như vậy có thể chứa được 10 tấn gạo. Ngoài ra còn có những hầm ngầm chôn giấu nước mắm, muối, cá khô đựng trong lu, mái có nắp đậy cẩn thận, bảo đảm không bị hư hỏng, nước không vào được, nước mắm thì đã có tĩn đậy nắp và trét kín bằng

vội. Mỗi kho lương được làm ngay dưới những tàn cây lớn không có ngã ra vào, xung quanh rào toàn cây găng trâu, dù có ai đi qua cũng không biết vì nó hoàn toàn như rừng tự nhiên. Ông đi cả bằng hai tay, vạch những lá khô, lá mục dưới đất, đặt bàn chân xuống và khi bước tới một bước tém lại những chiếc lá khô cũ, không để lại dấu vết nào. Hoặc trải ngang qua đường bằng một tấm ny lon, khi đi qua rồi rút tấm ni lon lên ngay. Khi trời mưa trời nắng đều có cách đi riêng của ông. Nhờ vậy qua bao nhiêu năm dài kháng chiến, địch đi càn quyết ruồng bố trong chiến khu không tài nào phát hiện được. Sau này ông Biện Cồ còn phát triển thêm 5 kho lương thực như vậy mới đảm bảo phục vụ cho chiến dịch Đông Xuân 1950 – 1951 của tỉnh. Việc xuất nhập kho do Uỷ ban xã Khánh Long viết phiếu và hẹn ngày đến nhận không phải tại kho mà tại một địa điểm khác. Mỗi lần như vậy đều có dân quân du kích đến hỗ trợ. Mỗi kho lương thực đều có một thùng phuy loại 200 lít đựng nước, đề phòng khi hoả hoạn, cháy rừng, hoặc khi bị Tây ruồng bố có nước cho cán bộ và nhân dân uống. Ông Biện Cồ đã sống âm thầm như vậy với tinh thần hy sinh cao cả, tất cả cho cách mạng, luôn tin tưởng vào Đảng và cuộc kháng chiến nhất định thành công. Có những lần chuyển gạo bằng ghe đi từ bãi Trước vòng ra bãi Sau đâm vào Hồ Thẻ, Dốc Dài, chính ông

Biện Cồ cùng với anh em dân quân du kích vác chuyển hàng 3, 4 tấn gạo trong một đêm về đến kho an toàn.

Chịu đựng gian khổ, âm thầm hy sinh để phục vụ cho kháng chiến còn có sự đóng góp rất quý báu của hàng trăm anh chị em phục vụ chuyển lương, muối, thực phẩm đi xa hàng vài chục cây số, vượt hiểm nguy qua bao nhiêu đồn giặc. Trong đó, có bà Gách, Chị E, anh Năm Thất... người Hòn Rơm.

Cán bộ, chiến sĩ, nhân dân ta không dừng ở đó. Còn một hiểm hoạ rình rập thường xuyên đe doạ đến tính mạng đó là: Cọp, có lúc sợ Cọp hơn sợ Tây. Rất nhiều người đã mất mạng vì tai hoạ này. Gian khổ, hiểm nguy chực chờ từ mọi phía, nhưng lòng dân vẫn tin vào cách mạng, bám trụ ở chiến khu, vì tin tưởng vào thắng lợi cách mạng.

Đầu năm 1950, cán bộ dân quân chính Đảng được Huyện uỷ Hàm Thuận phổ biến học tập quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 của Trung ương Đảng nhằm thực hiện khẩu hiệu: "tất cả cho tuyền tuyến, tất cả để đánh thắng" do Tỉnh uỷ tổ chức tại Cốc Chua. Sau đó Huyện uỷ thành lập Ban vận động từ huyện đến xã đi xuống từng cơ sở tuyên truyền động viên nhân dân đóng góp sức người, sức của phục vụ chiến trường, trước mắt là chiến dịch

Bình Thuận Bắc (Bình Thuận Nord) và tiếp theo là chiến dịch Đông Xuân.

Mặc dù đời sống của nhân dân còn nhiều thiếu thốn, nhưng sau khi được các đoàn thể, các mẹ các chị về vận động và báo những tin chiến thắng giòn giã ở các nơi trong tỉnh, như các lô cốt bị đánh sập, nhiều đồn bót rút bỏ chạy, đồng bào ở vùng tạm bị chiếm cũng như đồng bào tản cư rất phấn khởi, hăng hái thi đua đóng góp vượt mức chỉ tiêu do huyện đề ra cho Mũi Né.

Tháng 7 năm 1950, tin chiến thắng đồn Duồng làm nức lòng nhân dân toàn Tỉnh, rồi đến đầu tháng 10/1950 ta mở chiến dịch lớn ở Cao Bắc Lạng, tiêu diệt trên 8000 quân địch, khai thông biên giới Việt – Trung dài trên 750 cây số, nối liền ta với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa. Chiến thắng vang dội này cổ vũ mạnh mẽ nhân dân Mũi Né, tăng thêm lòng tin tưởng và thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Để chào mừng và phát huy chiến thắng, Trung ương Đảng tổ chức lễ rước đuốc Chiến thắng từ Bắc vào Nam, nhân dân tập trung tại Bàu Tàn (xã Quang Cảnh) nhận đuốc về Rẫy Thơm dự lễ rồi rước đuốc về lại địa phương mình. Ánh đuốc rực sáng cả chiến khu, rực sáng cả trong lòng mọi người. Trong phục vụ chiến dịch Đông Xuân (1950 – 1951). Riêng Mũi

Né đã đóng góp trên 7000 công trong tổng số 48.186 công của toàn Huyện Hàm Thuận. Phong trào các mặt không ngừng lớn mạnh, các đoàn thể ở Mũi Né: nông dân, lao động biển, phụ nữ, thanh niên, thiếu niên từ vùng kháng chiến, cho đến vùng tạm bị chiếm gần hết đều là hội viên. Đảng viên chính thức tăng lên đến 40, lãnh đạo trên 500 hội viên và trên 2000 quần chúng có cảm tình với cách mạng, với Đảng.

VIII - THỬ THÁCH VÀ THẮNG LỢI (1951 – 1953)

Lợi dụng lúc bộ đội chủ lực ta tập trung vào 2 chiến dịch Hè và Đông Xuân (1950 – 1951), ở Bình Thuận bọn Pháp thực hiện gom dân, rào làng, lập vành đai trắng. Với chiến thuật chà xát, càn quét vùng kháng chiến, thay cho càn quét nhỏ ngắn ngày bằng càn quét lớn dài ngày, thực hiện chính sách 3 sạch: giết sạch, phá sạch, đốt sạch. Ở Mũi Né chúng buộc nhân dân ở Long Sơn (Hòn Rơm) về Mũi Né ở. Đồng bào Long Sơn vì cuộc sống quen thuộc từ bao đời không chịu đi, vì còn cơ sở thùng lều và nghề chài lưới, bắt ốc, mò cua. Bọn Pháp bèn tập trung quân bao vây làng Long Sơn, đốt sạch, phá sạch và lùa dân về tập trung ở tại Rẫy Sắn.

Cuối năm 1950, qua tổng động viên nhân tài vật lực để phục vụ cho 2 mùa chiến dịch, Hè và Đông

Xuân 1950 – 1951, ta đã huy động quá sức dân trong lúc đời sống nhân dân còn đang thiếu thốn và ảnh hưởng nạn mất mùa. Lúc này địch lại tăng cường đột kích, bắn phá giết sạch, đốt sạch, càn đi quét lại, chúng còn sử dụng máy bay (loại Gioong Re) Tunker thả bom xăng đặc (bom Napan) ở các vùng đồng bào tản cư, ở các chợ kháng chiến, ở khu du kích làm cháy rừng, cháy nhà, lán trại làm chết nhiều người. Mọi sinh hoạt sản xuất chiến đấu của quân dân ta gặp nhiều khó khăn, do địch đánh phá quá ác liệt, cuộc sống bị đảo lộn. Tâm ý dao động xuất hiện, một số là cảm tình Đảng, cũng như một số đảng viên không chịu được gian khổ ác liệt, đã bỏ chiến khu chạy về hàng giặc. Sau này còn phục vụ cho địch đi đánh phá chiến khu gây ra những tổn thất nặng nề.

Trước tình hình căng thẳng như vậy, Huyện uỷ Hàm Thuận chủ trương chuyển phương thức hoạt động, thành lập cơ cấu tổ chức mới cho phù hợp với tình hình hiện tại. Giảm bộ máy, biên chế lại tổ chức, tăng cường cán bộ dân quân chính Đảng cấp huyện xuống xã bám sát phong trào. Huyện Hàm Thuận cử một số cán bộ về củng cố xây dựng Mũi Né: Đồng chí Nguyễn Kim Bồng làm Bí thư kiêm Chính trị viên đội võ trang tuyên truyền Hàm Dũng , đồng chí Nguyễn Văn Ba làm Phó Bí thư (nguyên là trung đội trưởng của bộ đội địa phương) là đội

trưởng đội võ trang tuyên truyền và các Chi uỷ viên chi bộ xã Hàm Dũng: Hồ Ngọc Điệp (Mười Muộn), Mẫn, Khải (Xe), Hồng.

Huyện uỷ Hàm Thuận chỉ đạo kiên quyết khắc phục những sai sót trước đây trong công tác phát triển Đảng. Sàng lọc lại những phần tử trung kiên được thử thách nhiều qua chiến đấu, đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, phê bình, tự phê bình, đề cao kỷ luật tổ chức. Đối với đảng viên dự bị thì tiếp tục giáo dục và thử thách, kiên quyết đưa những người không xứng đáng ra khỏi Đảng.

Đến đầu năm 1951, Huyện uỷ Hàm Thuận tạm thời đình chỉ việc kết nạp Đảng trong huyện cũng như ở Mũi Né.

Lúc bấy giờ củng cố lại về mặt hành chính hai xã cũ Khánh Long – Quang Cảnh (xã Hàm Dũng) nằm trong xã Hồng Hải, Hồng Thanh của khu căn cứ Lê Hồng Phong thuộc Huyện Hàm Thuận.

Sau khi căn cứ Lê Hồng Phong được thành lập, nhiệm vụ các địa phương là giữ vững, mở rộng vùng căn cứ, phát triển chiến tranh du kích, xây dựng làng chiến đấu, đẩy mạnh sản xuất để giải quyết khó khăn về lương thực.

Mũi Né - Hồng Thanh được Huyện tăng cường một số cán bộ để tập trung xây dựng lực lượng dân

quân rộng rãi, dân quân gương mẫu, du kích tập trung và du kích bán thoát ly nhằm chống địch càn quét, bố ráp và bảo vệ sản xuất. Đồng thời lên kế hoạch liên tục đột nhập vào vùng tạm chiếm trừ gian, diệt tề để địch tê liệt, hạn chế việc lùng sục bắt bớ.

Lực lượng dân quân gương mẫu bảo đảm thông tin liên lạc bố phòng gác bù, còn dân quân rộng rãi vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu và đưa nhân dân lánh địch khi có bố ráp.

Tuy cuộc sống gian khổ như vậy nhưng cán bộ dân quân chính Đảng ở Mũi Né vẫn kiên cường bám trụ, bám đất giữ làng. Từ cuối năm 1950 – 1951, chiến tranh du kích phát triển mạnh mẽ ở khắp chiến trường Hàm Thuận, từ vùng tạm bị chiếm đến khu căn cứ Lê Hồng Phong, ngày nào cũng có tiếng súng diệt địch. Nhân dân ở vùng tạm bị chiếm ngày càng vững lòng tin ở thắng lợi cuối cùng và luôn luôn hướng về kháng chiến. Từ những năm sau này, xã Hồng Hải (gồm có Mũi Né và Quang Cảnh) nằm trong căn cứ Lê Hồng Phong dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện uỷ Hàm Thuận, tổ chức này được củng cố và ổn định. Sau khi huyện rút cán bộ tăng cường trước đây đưa đồng chí Đỗ Trân làm đội trưởng đội vũ trang tuyên truyền Mũi Né, chấp hành chủ trương tiến sâu về hậu địch của cấp trên Đội đã đẩy mạnh xây dựng cơ sở bí mật tăng

cường hoạt động sau lưng địch, buộc địch phải quay về để đối phó. Đội võ trang tuyên truyền Mũi Né bám sát bên trong vận dụng đúng theo phương châm, phương thức hoạt động bí mật, vận động quần chúng xây dựng cơ sở du kích mật kết hợp cùng với các đoàn thể, lực lượng của đội võ trang bên ngoài thọc sâu vào vùng địch chiếm đóng, phá tề, đồng thời đẩy mạnh công tác địch vận. Đội đã giết mụ thầu thuế chợ Lê Thị Tứ và buộc tên Tổng Chí tản cư ra Rừng Ngang. Sau đó Mũi Né đạt được nhiều thành tích trong việc thu thuế và đa số hàm hộ đóng góp vào quỹ ủng hộ kháng chiến, đồng bào rất phấn khởi, số tề còn lại hoang mang lo sợ bỏ công sở. Cán bộ cơ sở bên trong tranh thủ gặp mặt một số tề còn lại và gửi thư lôi kéo số khác theo vùng căn cứ làm ăn sinh sống, không hợp tác với địch nữa. Thuế chợ không ai dám đứng ra thu, coi như bỏ luôn.

Vào giữa năm 1951, Huyện uỷ Hàm Thuận tổ chức một cuộc hội nghị sơ kết rút kinh nghiệm về công tác tiến sâu vùng hậu địch, địa điểm tại Bàu Ghe (Hồng Hải). Đội võ trang tuyên truyền Mũi Né được công nhận là đội hoạt động tốt nhất và có nhiều kinh nghiệm quý. Cán bộ bám sát bên trong, xây dựng cơ sở chính trị binh vận, cài cắm du kích mật, vận động quần chúng lập quỹ nuôi quân, làm nghĩa vụ thuế đối với kháng chiến.

Trong quá trình đấu tranh chống địch ở Mũi Né, đồng bào sống trong vùng địch đã nâng cao lòng yêu nước, lòng tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, sự chịu đựng gian khổ, dũng cảm hy sinh, tinh thần gương mẫu của người cán bộ cách mạng đã gieo vào lòng dân niềm tin yêu, thương mến, quý trọng, do đó người dân trong vùng tạm bị chiếm đều thấy mình phải có trách nhiệm nuôi giấu, bảo vệ an toàn cho cán bộ chiến sỹ. Nhiều người nghĩ ra việc phát triển thêm hầm bí mật; đào hầm ngay dưới bàn thờ, dưới bếp nấu ăn, hầm vách đôi nhiều cửa, nhiều ngách, thùng lều hai đáy, giếng khoét hông. Chính nhờ có lòng dân mà lực lương của đội võ trang tuyên truyền Mũi Né đã đứng chân vững chắc ngay trong vùng tạm chiếm. Mặc dù còn nhiều khó khăn gian khổ, nhiều tổn thất hy sinh, nhưng sự có mặt của cán bộ, đảng viên trong đội võ trang tuyên truyền, nằm ngay hoạt động ngay trong vùng địch đã làm tăng thêm sức mạnh và lòng tin cho đồng bào Mũi Né.

Đến cuối năm 1951, Mũi Né đã có 813 hội viên và có trên 600 quần chúng cơ sở cảm tình cách mạng, chia ra làm 4 tổ. Tổ chức công đoàn cũng được phát triển ở Mũi Né từ Hội lao động biển đã trở thành Công đoàn lao động biển do anh Hai Thu làm thư ký công đoàn đã tổ chức nhiều đợt đấu tranh: như đòi được tự do đi lại để tiêu thụ số hải sản đánh bắt được, không bắt đi xâu hoặc đòi giảm thuế nước mắm, buộc

địch phải công nhận giảm thuế một tỉn nước mắm là 5 xu và bỏ ngày đi xâu.

Trong những đợt đấu tranh này, nhờ có sự chỉ đạo của trên, nên anh Hai Thu cùng với anh Phụ Xích và anh Dần (rể Bảy Bài trên động) đã tổ chức nhiều cuộc họp tại ghe Ba Sẫm; gặp lúc nồm nam gió mạnh sóng to, anh em phải ôm ống bơi ra ghe đang đậu ở giữa biển để họp bàn kế hoạch đấu tranh. Anh Hai Thu bị bọn tay sai chỉ điểm để ý theo dõi và sau đó anh bị tên Sala bắt đem về đồn Thạch Long nhốt hầm. Bốn tên Ma Rốc lôi anh ra tra khảo đánh đấm, bóp cổ và vật anh ngã xuống thềm. Tên quan ba Hét Năng Đê rút súng và bảo anh nằm im, bắn liền ba phát cách đầu và cổ vai chừng 3 phân để đe doạ. Anh vẫn một mực không khai báo một lời nào. Sau đó chúng dựng anh đứng dậy dựa lưng vào tường, bịt mắt anh lại và tiếp tục tra hỏi, anh quyết tâm thà chết chứ không chịu khai báo. Tên quan ba liền bắn 3 phát nữa trên đầu 1 phát chỉ cháy một chòm tóc, 2 phát hai bên mép tai, máu ở phía sau ót chảy ròng ròng. Bắn xong chúng lại đem anh xuống nhốt hầm trở lại. Vết thương chảy máu là do mảnh đạn và vôi ở tường văng mạnh ra làm anh bị thương ở ót. Sau ba ngày chúng thả anh. Sự kiên cường, gan dạ của người cách mạng đã khuất phục kẻ địch.

Từ cuối năm 1951 đến cuối năm 1952, trên chiến trường Hàm Thuận chiến thắng giòn giã: bộ đội xung

kích tập kích Camp Esepic diệt trên 100 tên địch thu toàn bộ vũ khí phá huỷ hai khẩu pháo 75 ly. Ngày 22/6/1952 tiểu đoàn 86 đánh đồn Mương Mán diệt 3 đại đội địch thu trên 100 khẩu súng có cả súng cối 60 và 81 ly. Tháng 5/1952, Đại đội A chống địch đi càn quét ở xã Hàm Liêm, diệt gần 2 trung đội địch. Mùa hè 1952, bộ đội xung kích lại diệt gọn một trung đội địch có một thằng tây chỉ huy tại Bình Lâm thu 2 máy rà mìn và toàn bộ vũ khí. Ngày 18/9/1952 bộ đội xung kích lại diệt gọn đồn Ngã Hai, tiêu diệt một đại đội địch. Dân quân Hàm Thuận huy động thêm hàng trăm dân công và hàng chục xe trâu để chuyển vũ khí và chiến lợi phẩm.

Đón mừng những chiến thắng nêu trên, đồng bào Mũi Né tăng thêm lòng tin tưởng vào khả năng chiến thắng quân thù.

Từ chỗ bị địch bao vây chia cắt, ta vươn lên thế chủ động, quấy rối tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, làm chủ tình hình. Lực lượng du kích mật nằm trong vùng tạm bị chiếm Mũi Né đã có khả năng tự lực chiến đấu, luôn tìm cách quấy rối trong lòng địch, buộc chúng phải phân tán đối phó.

IX - TIÊU DIỆT TIỂU KHU MŨI NÉ

Vào một đêm đầu tháng 1 năm 1953, chi bộ Mũi Né được mật lệnh của Tỉnh uỷ Bình Thuận và Huyện

Một toán dân công phục vụ trận đánh
tiểu khu Mũi Né (đồn Thạch Long).

uỷ Hàm Thuận: chuẩn bị đồ hình, sa bàn chiến đấu, cơ sở giao thông liên lạc... để tiêu diệt 2 đồn Thạch Long và Khánh Thiện. Suốt 3 tháng chuẩn bị chiến trường, đội võ trang tuyên truyền Mũi Né là bộ phận quan trọng, cung cấp một phần yêu cầu quân sự cho Ban Tham mưu Trung đoàn 812. Đồng chí Tư Nhe đảng viên được phân công chịu trách nhiệm mỗi tối đưa chiến sỹ đặc công của đại đội xung kích về đột nhập vào bên trong 2 đồn Khánh Thiện và Thạch Long, đo đạc, nhằm vẽ sơ đồ thật chính xác địa hình bên ngoài lẫn bên trong hai đồn. Sau nhiều đêm gian khổ và cực kỳ nguy hiểm, nay sơ đồ 2 đồn địch đã hoàn thành. Tại Triền, sa bàn đã được các chiến sỹ đặc công dựng lên thu nhỏ hai đồn chính Thạch Long và Khánh Thiện, lối ra, lối vào, hầm hào, chỗ ở của tên quan ba, trại lính lê dương, trại lính Ra- đê, nơi đặt pháo 94 ly và phân công tỉ mĩ cho từng tổ xung kích. Các đơn vị tham chiến gồm có chủ lực Tiểu đoàn 86, đại đội xung kích, bộ đội đặc công; đội võ trang tuyên truyền Mũi Né và dân quân du kích, dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Lệnh, Chính uỷ Trung đoàn 812.

4 giờ chiều 13/4/1953 làm lễ xuất quân tại Triền sau khi cho nổ tung sa bàn bằng chất nổ, tiếng hò la "quyết thắng" của dân và quân vang dội cả một góc Triền. 8 giờ tối xuất phát, hành quân theo kiểu nghi

binh, chia làm 3 hướng Hòn Rơm, Bãi Trước, Bãi Sau. Sau khi các bộ phận bao vây ém chặt 11 lô cốt, cuối cùng ngõ vào chính là giữa lô cốt số 7 và số 8. Tiểu đoàn 86 ém quân phía trong Rừng Tràm, Hòn Rơm và lần lượt từng tốp đột nhập vào bên trong an toàn, địch không hề hay biết gì. Bộ đội đặc công vào trước dò đường, nắm tình hình và bố trí cho các bộ phận nào vào vị trí ấy theo kế hoạch của Ban chỉ huy chiến trường. Giờ G qui định là 24 giờ đêm 13/4/1953.

Bộ phận bên trong do đồng chí Lệnh chỉ huy, bộ phận bên ngoài gồm các đồng chí Nguyễn Chí Điềm, Đoàn Tử Bảy và các đồng chí cấp uỷ Đảng: Hồ Liên và Phạm Đình Hòe. Lực lượng yểm trợ bên ngoài chờ hơn một tiếng đồng hồ vẫn chưa nghe hiệu lệnh của bộc phá nổ. Định ra lệnh rút quân, đang chuẩn bị rút thì nghe tiếng bộc phá nổ. Một ánh sáng lóe lên, tiếng nổ long trời làm lô cốt chính và nóc đồn Thạch Long đều không thấy nữa, một tiếng thét xung phong vang dội, tiếng lựu đạn nổ liên hồi.

Nguyên nhân không thực hiện đúng giờ G vì khi đặc công đang bò vào mở cửa đường đặt bộc phá, bọn địch ở lô cốt chính thấy bóng người từ phía Dốc Đá, chúng nổ súng vu vơ để tự trấn an tinh thần như thường lệ. Chúng chỉ nghi nhưng không báo động. Thời gian im lặng một lúc lâu. Ban chỉ huy quyết định cho một chiến sĩ đặc công khác bò vào nắm tình hình

xem địch có phản ứng gì và chuẩn bị đối phó hay không? Sau khi nắm vững tình hình địch ở trong đồn vẫn yên lặng. Lệnh tiến hành cho đặt bộc phá, sau khi kéo dây lửa xong, đúng 02 giờ 30 phút rạng sáng ngày 14 tháng 4 lệnh tấn công được bắt đầu.

Tất cả các lực lượng bao vây đồn Khánh Thiện và 11 lô cốt đồng loạt nổ súng và bắt loa gọi hàng. Từ tiếng nổ của bộc phá, đồn Thạch Long bay nóc, câm bặt, không một tiếng súng chống cự. Bộ phận xung phong vào với lòng căm thù sôi sùng sục dùng mã tấu chém luôn những tên còn sống sót, một số địch chui xuống đường hầm bị quân ta ném lựu đạn và tiêu diệt nốt.

Sau 20 phút chiến đấu, quân ta hoàn toàn làm chủ tình hình đồn Thạch Long, tiêu diệt trên 100 tên vừa Pháp, vừa lê dương, vừa Ra Đê, partisan v.v.

Bộ phận dân công vào thu dọn chiến trường: ta thu 1 khẩu pháo 94 ly, 3 súng cối, 3 đại liên, 19 trung và tiểu liên, 126 súng trường, 6 súng ngắn, 400 lựu đạn, 1.000 đạn pháo, 45 ngàn viên đạn các cỡ và nhiều quân trang, quân dụng. Bao nhiêu chiến lợi phẩm súng ống đạn dược được chuyển ra xếp hơn 10 xe trâu đã điều động từ trước có dân quân du kích áp tải đưa về khu căn cứ an toàn.[1]

---

(1) Theo Bình Thuận 30 năm kháng chiến (1945 – 1975) trang 213 xuất bản năm 2006.

Cây pháo 94 ly được bộ đội kéo ra đến góc Sân Banh (chợ Mũi Né bây giờ) do một chiến binh người Đức tên là Ru đôn phơ Lê đã đi với cách mạng từ trước. Ban chỉ huy chiến trường giao cho anh Lê phụ trách pháo 94 ly vì anh chuyên môn sử dụng loại pháo này. Khi đưa pháo ra đến đây thì đồn Khánh Thiện vẫn chưa chịu hàng và tiếp tục chống trả, hy vọng địch ở Phan Thiết sẽ ra cứu viện cho chúng. Mặc dù ta đã loa kêu gọi nhiều lần và báo cho chúng biết là đồn Thạch Long đã bị tiêu diệt, nhưng chúng vẫn chưa tin và ngoan cố bắn trả quyết tử thủ. Bộ đội ta được lệnh sử dụng pháo 94 ly, hạ lô cốt chính ở đồn Khánh Thiện. Trước khi gọi hàng lần cuối cùng, một tiếng pháo nổ, nóc lô cốt bay mất một góc, bọn ngụy trong đồn Khánh Thiện quăng súng, dương cờ trắng đầu hàng, hai tay giơ cáo xếp hàng một nối đuôi nhau ra chịu trói, trong đó có tên Bang tá Phan Lý Ngư. Quân ta đột nhập vào đồn bắt không còn sót một tên nào. Thu dọn chiến trường, số súng đạn dư sức trang bị cho một đại đội ta. Theo đó 10 tháp canh khác cũng chịu đầu hàng và giao vũ khí cho quân ta. Tất cả bọn này đều được du kích áp dẫn về khu căn cứ. Chỉ còn tháp canh số 1 ngoan cố không chịu đầu hàng và quyết chặn đường rút lui của quân ta. Pháo ly 94 lại phải nổ lần thứ 2, tháp canh số 1 bị đốn ngã, những tên chống cự bay mất xác. Lúc bấy giờ là 5 giờ sáng ngày 14 tháng 4 năm 1953 bộ đội ta không rút lui mà

nằm lại ở địa phương ăn mừng chiến thắng với đồng bào Mũi Né trong 10 ngày, phát huy chiến thắng, phô trương lực lượng, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, tăng thêm lòng tin của nhân dân Mũi Né vào cuộc kháng chiến chống Pháp nhất định thành công. Mừng chiến thắng nhưng bộ đội vẫn giữ nguyên phong cách không tổ chức ăn uống linh đình, quá lạc quan với thắng lợi đầu tiên mà đề cao cảnh giác, bố phòng cẩn mật, truy quét bọn tay sai chỉ điểm còn ẩn náo và bố trí lực lượng chặn đường tiếp viện của địch từ Phan Thiết ra, từ biển vào.

Chiều 15/4/1953, địch ở Phan Thiết cho máy bay ra quần đảo và thả bom xăng phía sau Hội Liên Thành, trước chùa Khánh Nghĩa, xung quanh khu vực đồn Thạch Long ra đến khu 12 (bây giờ). Một số nhà bị cháy và một số dân bị chết. Các đoàn thể cùng đồng bào Mũi Né vận động đóng góp để giúp đỡ những gia đình bị nạn và sau đó nhân dân Thạch Long lập một miếu nhỏ để thờ cúng và đặt cho khu vực đó là khu vực Hỏa Hoạn.

Ngoài ra, chúng còn cho tàu chiến từ ngoài biển nã trọng pháo vào xóm nhà dân làm thiệt hại không ít cho nhân dân ở Thạch Long.

Sáng ngày hôm sau, địch ở Phan Thiết cho một Canô do tên Lu I chỉ huy, ra thăm dò lực lượng của ta, bị bộ đội bắn rơi xuống biển 1 tên lính, chúng

hoảng hốt quay đầu chạy trở về Phan Thiết, tên lính ngụy bị thương được bộ đội ta ra vớt, đưa về nhà thương băng bó cẩn thận và ngày hôm sau cho xe trả về cho chúng.

Tình quân dân vô cùng thắm thiết: các mẹ, các chị mừng vui nước mắt tuôn tràn. Toàn thể đồng bào Mũi Né không tiếc một thứ gì đem đóng góp cho các mẹ, các chị nấu nướng bồi dưỡng cho các chiến sĩ đã giành chiến thắng, nhổ những cây đinh đau nhói trong lòng nhân dân từ bao năm bị kèm kẹp, áp bức, trả lại tự do cho công cuộc làm ăn sinh sống của nhân dân Mũi Né.

Không khí ở Mũi Né bấy giờ rộn ràng, mọi người đều hân hoan phấn khởi, vui mừng rạng rỡ, nhất là các mẹ, các chị lúc nào cũng tất bật, bận rộn lo lắng từng miếng ăn, thức uống cho các chiến sĩ, bỏ những năm tháng gian nan, ăn uống thiếu thốn. Tình quân dân cá nước đậm đà thấm thía.

Mười ngày sau, bọn địch ở Phan Thiết tập trung lực lượng khá lớn gồm thủy lực không quân, hỗ trợ xe tăng thiết giáp dàn hàng ngang bò lên dốc Động Bà Lựa, dàn thế trận bao vây chặn đường rút quân của ta. Nhưng quân ta đã rút đi từ đêm trước về căn cứ an toàn, học tập kiểm điểm, rút kinh nghiệm trận chiến thắng vừa qua, đồng thời chuẩn bị cho cuộc chiến đấu sắp tới.

Chiến lợi phẩm thu được, khẩu pháo 94 ly.

Tiểu khu Mũi Né sau khi bị đánh phá.

Mừng chiến thắng đánh tiêu diệt chi khu Mũi Né
và đồn Khánh Thiện 14/4/1953.

Sau đó, một số cán bộ đại diện Dân chính Đảng trở lại Triền tổ chức phiên tòa công khai xử những tên tù binh bắt được ở đồn Khánh Thiện. Đối với tên Bang tá Phan Lý Ngư[1] từ trước đã có nhiều nợ máu với nhân dân Mũi Né, ngoan cố chống cự đến cùng, còn chuốc rượu cho binh lính uống để lấy tinh thần chống lại ta, cùng với một vài tên ác ôn khác phải đền tội trước nhân dân. Còn số đông ta giáo dục, khuyên họ nên đem vợ con ra vùng tự do làm ăn sản xuất, những ai trở lại với địch làm hại đồng bào sẽ bị trừng trị.

Trận chiến tiêu diệt đồn Thạch Long và Khánh Thiện là trận đánh lớn nhất ở chiến trường Cực Nam Trung bộ. Nhiều lính ngụy hết sức hoang mang, chống lệnh đi càn chống lệnh đi tác chiến ở Mũi Né. Bọn Pháp ở Phan Thiết đành phải rút quân ở nơi khác về để tăng cường.

Sau thất bại lớn này, nhằm ổn định tinh thần binh lính, bọn địch ở Phan Thiết mở những cuộc càn quét lớn từ đại đội đến tiểu đoàn. Ngày 15/6/1953, địch huy động đến 13 tiểu đoàn, trong đó có đến 8 tiểu đoàn lính Âu Phi, 24 xe bọc thép hình thành 3 mũi tấn công đánh phá vùng Tam Giác trong 2 ngày liền. Khắp nơi ruộng, đồng, thôn, xóm đâu đâu cũng có

---

(1) Mộ hiện nay vẫn còn tại Triền- Hàm Thuận Bắc.

dấu giày đinh của giặc. Để kéo bớt sức tập trung của địch ở chiến trường Tam Giác, bộ đội địa phương và dân quân du kích, đội vỏ trang tuyên truyền Mũi Né cùng phối hợp ở mãng miền Đông khu Lê Hồng Phong liên tiếp tấn công địch. Thế trận nhân dân, du kích chiến tranh của căn cứ Lê Hồng Phong ngày càng phát triển cao và toàn diện. Công tác bố phòng và kế hoạch tác chiến đã thành nề nếp, tinh thần chống càn, bảo vệ tất cả các cơ quan nằm trong địa bàn, bảo vệ nhân dân của bộ đội địa phương và dân quân du kích đã thành thường trực công tác canh gác, báo bù, báo động, báo ăn ngày đêm đều có người túc trực. Ngày càng có nhiều dân Mũi Né ở vùng tạm bị chiếm, một khi bị địch chèn ép, bắt bớ lùng sục đã chạy ra vùng kháng chiến để làm ăn sinh sống, không hợp tác với địch.

Ở tại Mũi Né, bọn Pháp lại tổ chức cái gọi là lực lượng "Thường trực lưu động" để đối phó với lực lượng của ta vào bên trong. Địch tăng nhanh các loại sắc thuế như: Thuế "Đảm phụ quốc phòng" tăng từ 20 đến 70%, địa tô gia ốc từ 100 – 300%. Trung bình mỗi người dân hàng năm bị chúng bóc lột thêm từ 300 đến 500 đồng tiền Đông Dương.

Sau chiến thắng vang dội ở Mũi Né, tỉnh Bình Thuận tiếp tục mở chiến dịch miền Tây, nhân dân Mũi Né ở vùng kháng chiến cũng như ở vùng tạm bị

chiếm đều nhiệt liệt hưởng ứng tham gia đóng góp sức người, sức của. Số thanh niên trốn bắt lính từ vùng tạm bị chiếm ra vùng kháng chiến xin tình nguyện gia nhập bộ đội và hăng hái tham gia dân công phục vụ chiến dịch miền Tây của Tỉnh.

Nhân dân Mũi Né đa số nam nữ thanh niên bí mật rủ nhau theo các anh em dân quân du kích đi phá đường cắt làm nhiều đoạn đường từ Mũi Né vào Phan Thiết, phá đổ cầu Rạng làm trở ngại lớn cho giao thông liên lạc của địch.

Ngày 7/4/1954, chiến dịch Miền Tây của tỉnh bắt đầu. Ta thu nhiều thắng lợi như tiêu diệt một loạt đồn: Tánh Linh, Gia Bát, La Giày, Đa Kai, Tà Xị, Suối Kiết... Miền Tây của tỉnh được hoàn toàn giải phóng. Tiếp đến giữa tháng 5/1954 ta tiêu diệt đồn Bàu Lương và một loạt đồn ở Bắc Bình cũng bị quân dân ta tấn công như: Duồng, Long Hương, Gia Sơn, Sông Lũy. Cuối tháng 5/1954 ta đánh sập cầu Quan (Phú Hài) diệt gọn lô cốt Cầu Quan, cắt đứt tuyến đường Phan Thiết – Mũi Né.

Sức ta đang mạnh, càng đánh, càng thắng, khí thế đang lên.

Bọn địch ở Phan Thiết bị thất bại ở khắp nơi, phản ứng rất yếu ớt, chúng co cụm lại ở những nơi then chốt, cố giữ những nơi cơ quan đầu não và luôn

cố thủ ở trong đồn. Hàng trăm lính ngụy rã ngũ chạy ra vùng kháng chiến, trong đó có một số lính ở đồn Mũi Né.

Thừa thắng xông lên, bộ đội và dân quân du kích các địa phương trong huyện Hàm Thuận tiếp tục bao vây áp đảo các đồn bót khác.

Ở chiến trường chính, qua 55 ngày đêm chiến đấu ác liệt, vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, đến ngày 7/5/1954 bộ đội ta đã tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, diệt và bắt sống trên 1 vạn rưỡi tên địch, trong đó có tên tướng Đờ Cát Tờ Ri. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã đập tan kế hoạch Na Va của địch, chấm dứt chủ nghĩa thực dân cũ của bọn thực dân Pháp, lập lại hòa bình cho cả Đông Dương.

Ngày 20/7/1954, Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được ký kết. Nước Pháp và các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nước Lào và nước Campuchia.

Huyện ủy Hàm Thuận triệu tập một số cán bộ dân quân chính đảng ở các xã thuộc khu căn cứ Lê Hồng Phong để học tập và nghe phổ biến nội dung của Hiệp định Giơnevơ, nói rõ vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân sự tạm thời. Pháp phải rút hết quân, trao

trả tù binh, quân đội ta tập kết ra phía Bắc vĩ tuyến 17, 2 năm sau sẽ tổng tuyển cử tự do trong cả nước, thống nhất nước nhà.

Hiệp định đã ký kết rõ ràng như vậy, nhưng bọn Pháp ngoan cố gây nhiều trở ngại, khó khăn phức tạp trong việc thực hiện Hiệp định Giơnevơ. Do đó toàn thể cán bộ, chiến sĩ và nhân dân được quán triệt: Phải tăng cường đoàn kết, lãnh đạo nhân dân đấu tranh thực hiện nghiêm túc Hiệp định, kiên quyết chống lại mọi âm mưu xảo quyệt nhằm phá hoại Hiệp định của địch. Cán bộ, đảng viên cần nêu cao truyền thống đấu tranh cách mạng, luôn luôn đề cao cảnh giác, tránh tư tưởng hòa bình hưởng lạc, giữ vững tinh thần đấu tranh chính trị nhằm củng cố hòa bình, tiến tới thống nhất hoàn thành độc lập dân chủ trong cả nước.

Sau đó toàn thể cán bộ, dân quân chính đảng tập trung về Triền để dự lễ mừng chiến thắng. Nhân dân Mũi Né và các xã thuộc huyện Hàm Thuận nghe tin tập trung về mừng ngày hội lớn, một không khí nhộn nhịp tưng bừng, không có lần nào đông đảo và rộn rịp như ngày hội mừng chiến thắng này. Và một vấn đề được đặt ra: Ai đi tập kết xây dựng Miền Bắc, ai ở Miền Nam tiếp tục đấu tranh thực hiện mục tiêu thống nhất nước nhà. Tất cả đều nhận thức: tập kết ra Bắc là nhiệm vụ, ở lại Miền Nam là trọng trách vinh quang.

Cuộc gặp mặt thắm thiết tình dân quân cá nước!

Cuộc sống tự do đã trở lại sau những năm tháng đấu tranh gian khổ, ác liệt. Nước mắt vui mừng trên tất cả gương mặt mọi người. Buồn vui lẫn lộn, sẽ có người ra đi, có người ở lại. Nhưng tất cả đều hy vọng 2 năm sau sẽ tái ngộ cho nghĩa nặng, tình nồng.

Trong những ngày vui vẻ, bận rộn này, các mẹ, các chiến sĩ vẫn không quên chăm lo cho đàn con, đàn em thân yêu.

Đặc biệt các hội mẹ chiến sĩ, chị chiến sĩ của quê hương Mũi Né thương yêu, cũng đủ mặt chạy theo tiễn đoàn quân lên đường, trong đó có má Năm, má Dĩ và các má ở Thạch Long, tay xách nách mang phân phát quà bánh, gặp được đứa nào hay đứa nấy, chiến sĩ thì đông mà quà thì có hạn, nhưng lòng của các mẹ, các chị thì tràn đầy, tay vẫy vẫy, miệng cười mà nước mắt cứ muốn tuôn ra.

Chuyến tàu hỏa từ ga Long Thạnh dành để chuyển đoàn quân đi tập kết, tàu từ từ đi qua Ma Lâm, Mương Mán, Suối Kiết, Sông Phan. Đoàn quân lại tiếp tục hành quân qua Phong Điền đến Hiệp Nghĩa... Đoàn quân đi đến đâu gặp đồng bào chào đón hân hoan, đưa 2 ngón tay đầy tin tưởng như hẹn 2 năm sau sẽ gặp lại. Người ra đi thấy lòng mình se lại, thầm

hứa hẹn tiếp tục cố gắng hết sức mình sao cho xứng đáng với lòng tin của đồng bào quê hương xứ sở. Đến Hiệp Nghĩa, các đồng chí được phân công ở lại, được sắp xếp bàn kế hoạch cụ thể, sau đó bí mật quay về các địa bàn đã được phân công.

Theo Hiệp định Giơ ne vơ, phía Pháp phải chịu trách nhiệm lo phương tiện tàu bè đưa quân đội ta tập kết miền Bắc đúng thời hạn. Nhưng bọn Pháp vẫn tìm mọi cách gây khó khăn cho ta. Đầu tiên Pháp thống nhất với ta địa điểm tập kết là bờ biển Mũi Né, song sau đó họ báo là tàu lớn không cập bến Mũi Né được và dời đến Hiệp Nghĩa, Long Điền. Khi quân đội ta đến Hiệp Nghĩa thì họ lại viện lý do thời tiết xấu cần chuyển đến Bà Tô, bộ đội ta lại tiếp tục hành quân qua Thắng Bình đến Bà Tô. Những việc làm gây khó khăn cho ta của Pháp báo hiệu cho chúng ta biết rằng kẻ thù luôn ngoan cố, việc thực hiện Hiệp định Giơnevơ còn gặp nhiều khó khăn, phức tạp hơn.

Đến Bà Tô, bộ đội ta phải nhờ trên 20 chiến xe Mon tơ tô va chuyển quân từ Cây cám đến Phú Mỹ, xe đi qua làng Đất Đỏ - Long Điền rồi đến Phú Mỹ, từ đó tàu há mồm đưa quân đội ta sang tàu Đu mông Đụt vin (Dumont Darevill) đậu ngoài khơi. Ngày 1/10/1954, tàu khởi hành, qua 4 ngày đêm thì cập bến Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa miền Bắc nước ta.

Như vậy, sau 9 năm kháng chiến gian lao và anh dũng, quân và dân ta đã đánh thắng thực dân Pháp xâm lược. Cùng với quân dân miền Nam và cả nước, nhân dân Mũi Né một lòng tin tưởng Đảng và Bác Hồ kính yêu, sẵn sàng chấp nhận mọi hy sinh gian khổ, tiếp tục đấu tranh hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, đưa Tổ quốc chuyển sang giai đoạn cách mạng mới.

CHƯƠNG III

KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954 – 1975)

I/ NHỮNG NGÀY ĐẦU GIAN KHỔ

Cùng với việc chuyển quân tập kết, phần lớn cán bộ và nhân dân hân hoan trở lại Mũi Né, đa số sinh sống tại Sẩm, Suối Nước, Long Sơn.

Trong không khí hòa bình, nhưng tháng đầu địch có thái độ xoa dịu với những người kháng chiến cũ làm cho một số cán bộ ta lơi lỏng cảnh giác. Trong khi đó, để thực hiện âm mưu mới, địch đưa Bang tá Tôn Thất Sa về thay cho Bang tá Nho để tập trung vào hai nội dung sau đây:

- Gặp gỡ từng người đề nghị cán bộ ta hợp tác cùng chính quyền địch, thực chất là lôi kéo số cán bộ chủ chốt còn lại không đi tập kết để phân hóa hàng ngũ.

- Tổ chức các cuộc gom dân về sống tại các điểm do chúng ấn định để dễ bề kiểm soát.

Dựa vào số về đầu hàng những năm 1952 – 1954, chúng nắm được danh sách và hoạt động của cán bộ ta để phân loại quản lý và mua chuộc. Việc đầu tiên là cấp giấy cư trú để theo dõi.

Sau thời gian xoa dịu, mua chuộc không kết quả, địch mời 7 cán bộ kháng chiến của ta: Trần Năm,

Nguyễn Muộn, Lương Sanh, Lê Văn Mĩn, Trần Đình Công, Nguyễn Hữu Thiết, Nguyễn Thanh Hồng đề nghị phối hợp làm việc cùng chúng, đồng thời yêu cầu phải làm giấy xuất thú. Bang tá Sa đã lộ mặt sau những ngày mềm mỏng. Tất cả 7 cán bộ ta đều cương quyết từ chối.

Khoảng một tháng sau, Bang tá Sa lại mời lần thứ hai. Hầu hết cán bộ kháng chiến đều được mời. Không mềm mỏng như lần trước, địch tiến hành đàn áp từng người. Một số ít dao động đã đầu thú giặc và chính các tên này trong những năm sau góp phần rất đắc lực trong việc đàn áp cơ sở và phong trào cách mạng của nhân dân Mũi Né.

Sau sự việc này, địch tiến hành các đợt gom dân ồ ạt, tập trung tại khu vực Long Sơn, Suối Nước, Sẩm. Đến cuối năm 1954, địch thành lập xã Long Sơn, Suối Nước. Ta chủ động đưa các ông Bùi Thân Thiện, Nguyễn Thanh Hùng, Nguyễn Đôn, Nguyễn Thanh Hồng, Hồ Tra, Nguyễn Đức...vào Hội đồng hành chánh và các ban khác của xã.

Ngoài trừ xã Long Sơn, tại các nơi khác, trong vòng không đầy 1 năm địch đã làm được 02 điều kiện cơ bản: Nắm cán bộ và quản lý dân cư tập trung đã giúp địch có nhiều thuận lợi, ngay từ những ngày đầu tiên chờ hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Về phía ta, đến tháng 11/1954, đồng chí Hồ Đức Hậu và Phấn mới bắt đầu tổ chức lại cơ sở để đưa vào hoạt động, với việc thành lập 3 chi bộ là:

1. Xã Khánh Thiện: Lập Chi bộ Hoàng Văn Thụ với 5 đảng viên do đồng chí Trần Ngữ (Trần Văn Ngữ, Tư Ngữ) làm Bí thư, các đảng viên gồm: đồng chí Nguyễn Tấn Ý, Trần Đình Công, Trương Tha và Trần Hộ.

2. Xã Thạch Long: lập Chi bộ Trần Phú với 4 đảng viên do đồng chí Trần Kiện làm Bí thư, các đảng viên gồm: đồng chí Lê Thanh Quang, Lê Bá Huê và Nguyễn Huế (thợ Huế).

3. Xã Long Sơn: lập chi bộ Hà Huy Tập gồm 10 đảng viên. Đồng chí Nguyễn Hồng Lợi làm Bí thư; đồng chí Lê Quyên là phó Bí thư và 08 Đảng viên gồm: Nguyễn Thanh Hùng, Nguyễn Thanh Hồng, Bùi Thân Thiện...

Sau khi thành lập, chi bộ Hà Huy Tập đã nhanh chóng vận động quần chúng đưa người của ta vào bộ máy của xã Long Sơn cũng như tại các ấp. Đồng chí Nguyễn Thanh Hùng làm ủy viên cảnh sát là cơ sở của ta nên thuận lợi trong việc nắm tình hình và ý đồ của địch. Do lãnh đạo kịp thời, được quần chúng ủng hộ nên trong những năm sau, chi bộ đã hướng dẫn lãnh đạo phong trào quần chúng đấu tranh với nhiều

hình thức phong phú và đều đặn. Đến đầu năm 1955, hoạt động của xã Long Sơn thực chất do ta điều hành.

Chi bộ Hoàng Văn Thụ sau mấy tháng hoạt động, tên Trần Hộ đầu thú khai báo, toàn bộ đảng viên chi bộ đến giữa năm 1955 đều bị bắt. Sự lãnh đạo của Đảng tại xã Khánh Thiện không còn nữa.

Khi chi bộ Hoàng Văn Thụ bị vỡ, thì chi bộ Trần Phú xã Thạch Long địch cũng lần ra đầu mối theo dõi nên toàn bộ đảng viên nằm yên không hoạt động. Tháng 8/1955, đồng chí Trần Kiện bị bắt và đến cuối năm số đảng viên còn lại đều sa vào tay giặc.

Do tổ chức không chặt chẽ và lúng túng trong ứng phó với tình hình mới nên cả hai chi bộ đều sớm bị phát hiện, quần chúng không ai lãnh đạo hướng dẫn nên địch càng thao túng đàn áp nhân dân ta trong những ngày đầu hòa bình.

Tháng 5/1955 với khoảng 50 người kháng chiến cũ mà địch nắm được, chúng mở đợt tố cộng đầu tiên tại đình làng Khánh Thiện. Lần này, địch trắng trợn đòi cán bộ ta ly khai Đảng. Đợt tố cộng đầu tiên không thành công vì cán bộ ta đấu lý với tư thế của người chiến thắng chờ tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Sau hai ngày chuẩn bị, địch buộc cán bộ ta họp lần thứ 2, khác với lần trước, lần này chúng cho một

số tên phản bội đọc tờ đầu thú, tuyên bố ly khai Đảng để đàn áp tinh thần những người dự họp.

Do không có sự lãnh đạo của Đảng nên phần lớn cán bộ lúng túng trước tình hình này đã đề nghị chuyển vùng cư trú để tránh sự đàn áp. Do đó một số vào Sài Gòn, một số chuyển về Sẩm, Bình Thiện. Đến cuối năm 1955, sau khi 2 chi bộ tại Mũi Né bị vỡ thì cán bộ tại 2 xã Khánh Thiện và Thạch Long hầu như cũng không còn ai, chỉ có số quần chúng trung kiên còn trụ lại nhưng không hoạt động gì.

Trong khi đó, ngay sau khi thành lập, Chi bộ Hà Huy Tập không những củng cố mà còn tích cực xây dựng cơ sở quần chúng nên trong các đợt tố cộng không có cán bộ dao động đầu thú. Đồng thời để ứng phó với việc gom dân tập trung và cuộc *"Trưng cầu dân ý"* của Ngô Đình Diệm, Chi bộ nhiều lần tuyên truyền trong quần chúng để tẩy chay cuộc trưng cầu này và ra truyền đơn kêu gọi cán bộ nhân dân không hưởng ứng. Trước cuộc *"Trưng cầu dân ý"* diễn ra, Chi bộ có 31 cơ sở, trong đó Khánh Thiện và Thạch Long có 4 cơ sở.

Cao điểm của đợt đấu tranh với địch do Chi bộ lãnh đạo lần đầu là trước ngày 26/10/1956 với một đoàn hơn 50 người, đơn có chữ ký của nhân dân đòi hiệp thương tổng tuyển cử và hủy bỏ đợt trưng cầu

này. Hội đồng xã Long Sơn, lên gặp Bang tá Sa để đấu tranh trực diện. Không giải thích, địch bắt giữ 5 người gồm: Nguyễn Hồng Lợi, Nguyễn É, Nguyễn Ngưu, Phạm Nốt, Lê Minh Dân và dùng vũ lực để giải tán.

Sau khi 5 người bị bắt, ông Nguyễn Xưa, dẫn đầu khoảng hơn 100 đồng bào hô khẩu hiệu: không bắt người vô tội, phải thi hành hiệp thương tổng tuyển cử. Cuối cùng chúng thả 4 người. Riêng ông Lê Minh Dân (5 Lé) do đấu tranh quyết liệt nên chúng bỏ vào bao bố dìm nước chết.

Đêm 27/10, truyền đơn tiếp tục xuất hiện tại Mũi Né, Long Sơn. Nội dung tố cáo bắt giam người trái phép và đòi thi hành hiệp định Giơnevơ.

Sáng ngày 28/10, Bang tá Sa chỉ huy lực lượng càn quét tại xã Long Sơn, đánh đập đồng bào ta rất dã man. Chúng bắt anh Nguyễn Thanh Hùng uỷ viên cảnh sát, vì phát hiện anh là người của ta.

Từ sau Hiệp định Giơnevơ, đây là lần đầu tiên Đảng tổ chức đấu tranh trực diện với địch với quy mô lớn. Mặc dù kết quả đấu tranh hạn chế, có tổn thất nhưng đã gây được uy thế của Đảng, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng cho cán bộ và nhân dân, đồng thời củng cố lòng tin của quần chúng đối với Đảng sau những ngày bị địch đàn áp.

Sau đợt đấu tranh này, để trả đũa những người ký tên trong kiến nghị. Trong mỗi gia đình chúng bắt 1-2 người và tăng cường kiểm soát chặt chẽ khu vực Long Sơn, gây căm thù mạnh mẽ trong quần chúng. Do đó, những tháng cuối năm 1955 và đầu năm 1956, những người kháng chiến cũ và nhân dân trở ra vùng ven Long Sơn để sinh sống nhằm tránh sự đàn áp của địch.

Trong những ngày này, chi bộ Hà Huy Tập vẫn tiếp tục hướng dẫn quần chúng đấu tranh mà tập trung và thành công nhất là không đi bầu cử quốc hội do địch tổ chức (5/1956), chi bộ khắc dấu và làm giấy bầu cử giả để nhân dân sử dụng đi lại qua mặt được sự kiểm soát của địch.

Trước tình hình cán bộ và nhân dân di chuyển vào rừng ngày càng đông, huyện mở cuộc họp bàn về chủ trương giữ dân, sau đó chỉ đạo không để lực lượng ngoài rừng đông vì bất lợi nên tìm cách đưa dân về sống tại Suối Nước, Long Sơn trở lại nhằm giữ thế đấu tranh hợp pháp do chi bộ lãnh đạo. Một số cán bộ trở về và lần lượt bị địch bắt như: Hồ Đắc Dược, Lê Dương Cường, Phạm Đăng, Nguyễn Cường.

Cùng với cán bộ tại Mũi Né bị địch bắt, nay phần lớn số cán bộ trung kiên của Đảng tại Long Sơn cũng sa vào tay giặc, đội ngũ cán bộ của ta vơi dần và phong trào cách mạng suy yếu rõ...

Cũng trong thời điểm khó khăn này, 2 cơ sở tại vùng Cối Giả dao động, chạy ra hàng địch và khai báo rõ tổ chức cũng như thực lực của ta. Địch càn quét dữ dội phá vỡ nốt 4 cơ sở còn lại. Ngoài 4 cơ sở tại Mũi Né không hoạt động được, đến khoảng giữa năm 1956, tất cả các đầu mối liên lạc, cơ sở của chi bộ không còn. Thời điểm này chi bộ lui vào hoạt động bí mật, chỉ dựa vào thế hợp pháp đấu tranh nhỏ, lẻ, không còn ồ ạt, trực diện như trước đây và sau đó mất dần liên lạc với huyện. Thực chất chi bộ chỉ còn là một tổ Đảng nằm yên không hoạt động.

Tháng 1/1957, đồng chí Hồ Đức Hậu nối lại liên lạc với chi bộ. Chi bộ chưa hoạt động gì thì đồng chí Hậu hi sinh và một lần nữa chi bộ không nhận được sự chỉ đạo của trên. Trước nhu cầu bức xúc, đồng chí Nguyễn Hồng Lợi tìm cách liên lạc với huyện thông qua các đầu mối tại Ma Lâm, Cồn Chà nhưng không có kết quả. Đến giữa năm 1957 đồng chí Lợi bị bắt, vài tháng sau thì địch thả vì không có cơ sở để kết tội. Từ đó trở đi, cơ sở của ta tại vùng Mũi Né coi như không còn. Thời kỳ gian khổ ác liệt bắt đầu.

Về phía địch, những năm 1957 – 1958, tên Hồng Đức chủ trì mở các lớp "tố Cộng" liên miên tại nhiều địa điểm. Đối với những người không theo ý muốn, địch tra tấn dã man, hoặc thâm độc hơn, chúng buộc

ngồi suốt đêm không cho ngủ. Nhiều trường hợp chúng cho đi đại tiện nhưng cấm không được tiểu tiện trong lúc đi. Đó là lối hành hạ đê tiện. Tuy vậy, cán bộ và nhân dân ta vẫn bất khuất phản đối sự áp bức của địch. Nổi bật như ông Đoàn Văn Be vừa tố cáo địch tại các buổi tố cộng, vừa xé cờ ba que trước đám đông làm nổi bật hình ảnh gan dạ của những người kháng chiến.

Sau thời gian học tập, địch mở mítting tại sân banh (nay là chợ Mũi Né) và cho từng tên đã đầu thú ra thừa nhận và tố giác cộng sản. Võ Xuân - Viên Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy về đầu hàng giặc, làm trưởng Ban tố cộng đã đứng ra tố giác những người đã từng quan hệ với y. Không khí khinh bỉ và xôn xao trong quần chúng dự họp, vì y từng là người lãnh đạo của tổ chức cách mạng nay lại nằm trong ban tố cộng. Bà Dương Thị Bé đã gay gắt lên án: *"Vợ chồng chúng tôi lên căn cứ kháng chiến làm ăn, chúng tôi không làm Việt cộng. Chỉ có ông xã Cà là Việt cộng, làm cán bộ tài chính mà ông lấy cướp của tôi là 100 đồng tiền (tiền Đông Dương), nay ông lại tố giác Việt cộng, chúng tôi không thấy Việt cộng tàn ác, cướp bóc của nhân dân lần nào cả"* làm cho địch bẻ mặt, sững sờ.

Khi luật 10/1959 ra đời, bọn đầu thú còn hung hăng, táo tợn hơn. Hình thức rình rập và giả dạng

người ở chiến khu về để liên lạc với nhau hoặc liên lạc với gia đình được chúng thường xuyên áp dụng nhất. Gia đình nào cũng bị chúng làm như vậy, vừa gây tâm lý hoang mang cho gia đình có người thân đi kháng chiến, vừa cô lập các gia đình với hàng xóm để không ai quan hệ đến những gia đình này. Đây là thủ đoạn khá thành công của địch trong những năm 1959 – 1960.

Mặc dù địch đàn áp liên miên và không từ thủ đoạn nào nhưng thái độ của nhân dân luôn thể hiện tin tưởng vào cách mạng. Những tháng cuối năm 1959 đã tích cực đưa ra rừng 2 lần 20 thanh niên và đầu năm 1960 nhiều gia đình kháng chiến cũ lần lượt vào rừng góp phần xây dựng căn cứ kháng chiến làm thành một thôn (gọi là B4) của xã Hồng Chính. Đến tháng 11/1960 hơn 50 gia đình nữa ra căn cứ là đợt đi ồ ạt của cán bộ và nhân dân ta. Xã Long Sơn lúc bấy giờ vắng vẻ làm cho âm mưu gom dân tập trung của địch thất bại.

Thời kỳ đấu tranh hợp pháp, trực diện, gay gắt với địch đã qua, mặc dù có những tổn thất do ta chủ quan, tổ chức thiếu chặt chẽ và địch lật lọng, đàn áp liên tục nên chúng giành được thế chủ động. Gian khổ mới bắt đầu, nhưng ý chí và lòng căm thù giặc của người dân Mũi Né vẫn dâng cao, tất cả vẫn mong chờ sự lãnh đạo của Đảng để đánh kẻ thù.

II - CỦNG CỐ LỰC LƯỢNG, GIÀNH DÂN PHÁ ẤP CHIẾN LƯỢC

Nhân dân lần lượt trở về sinh sống tại xã Hồng Chính là điều kiện thuận lợi để củng cố phong trào cách mạng của quần chúng. Đến tháng 8/1961, đồng chí Mười Đăng được phân công về xây dựng lại cơ sở, cùng đồng chí Nguyễn Thanh Hùng (sau khi đi tù về) và tiếp tục vận động nhân dân còn lại ở Long Sơn – Suối Nước ra rừng. Đến những tháng đầu năm 1962, toàn vùng Long Sơn – Suối Nước không còn dân ở nữa.

Năm 1962, tại chiến khu rừng Ngang, cán bộ ta tổ chức cho nhân dân ăn Tết lần đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Với nhiệm vụ xây dựng lực lượng đánh địch để giữ dân, những ngày này cán bộ và nhân dân ta tích cực đưa người thân, con em của mình ra rừng. Lần nhiều nhất là đưa ra một lúc nhiều gia đình gồm hàng chục người tạo ra không khí náo nức hăm hở trong giới thanh niên của Mũi Né.

Nhiều tháng liền, thanh niên tiếp tục ra rừng, địch đã phát hiện sự lớn mạnh của tổ chức cách mạng. Chúng tốn nhiều công phu theo dõi và trong một đợt đưa người ra, bị phát hiện. Hai anh Nguyễn Văn Cây

và Nguyễn Văn Năm bị bắt[1]. Địch tra tấn dã man nhưng không điều tra được gì. Căm tức, vừa trả tự do cho 2 người, vừa bố trí mật vụ bắn chết 2 anh trên đường về nhà qua quãng vắng.

Căm thù trước hành động đê hèn, gia đình đã gặp tên quận Bảo tố cáo. Địch vu khống Việt Minh giết. Nhờ nắm chắc nhân chứng, chúng buộc phải cử xã trưởng và người đến mai táng. Nhưng tối hôm đó má anh Cây bị bắt và giam giữ đến mấy ngày mới thả về.

Ta tổ chức đấu tranh mạnh để địch chùn tay, cán bộ ta hướng dẫn gia đình khiếu nại đến tòa án tỉnh. Không thể chối cải, tòa tuyên án tội giết người và xử 4 tên: Cung, Khuê, Nhị, Liên. Đây cũng là những tên có nợ máu với cách mạng đã bị chính quyền của chúng kết tội.

Sau vụ này, địch bắt giữ nhiều người khác vì tình nghi là cơ sở vận động đưa thanh niên thoát ly và đứng sau việc đấu tranh này. Số này, địch dự định thủ tiêu ngay trong đêm, nhưng do mâu thuẫn giữa nhóm Cần lao nhân vị và bọn mật vụ nên âm mưu đó không thành[2]. Nhưng rõ ràng địch cũng không còn lộng hành như trước sau thắng lợi này của cơ sở ta.

---

(1) Theo ông Trần Năm: 2 anh bị bắt dẫn qua Bàu Ghe, rồi bắt tiếp anh Thời và anh Chín Bùi (Thiện nghiệp) rồi đưa đến Cây Gủ - Bàu Ron xử bắn

(2) Theo lời kể của đ/c Bùi Thành Lập

Để ứng phó với một địa bàn Mũi Né khá rộng và phức tạp. Kể từ ngày 15/7/1958, khi thành lập quận Hải Long, địch không ngừng tăng cường lực lượng ngày càng đông hơn. Khi gom dân, địch dùng cả tàu và bộ binh càn quét, nhiều trường hợp chống đối bị địch bắn tại chỗ rất dã man. Nhưng chưa yên tâm với số lượng dân ngày càng ra rừng nhiều, chúng tiến hành rào làng cả khu vực Khánh Thiện – Thạch Long và quy định giờ giấc ra vào như một ấp chiến lược thực thụ. Khi "ấp chiến lược" được xây dựng rộng khắp thì địch tiến hành lập ấp chiến lược Thiện Nghiệp (nằm về phía Tây Bắc cách Mũi Né khoảng 6km) là tiền đồn bảo vệ cho quận Hải Long và là nơi ngăn cách sự đi lại, quan hệ giữa cán bộ với nhân dân.

Thực hiện điều này, địch đã biến Mũi Né thành vùng trắng và hoàn toàn kiểm soát ngăn cách với chiến khu bằng cả một vùng đệm rộng lớn kéo dài từ Long Sơn – Bàu Me, gây khó khăn rất lớn cho hoạt động của cách mạng.

Khi đã chuẩn bị khá vững chắc cho hậu cứ, tháng 3/1962, với một lực lượng lớn có cả xe bọc thép yểm trợ để càn rừng và gom hầu hết toàn bộ dân sống tại vùng Sẩm, Bình Thiện, gần 500 người về lại Mũi Né và nhập vào ấp Long Nghĩa. Nhiều người phản đối quyết liệt chống gom dân bị chúng đánh đập liên miên trên đường về, trong đó má An là người kiên

quyết phản đối, địch đã bắn chết má và thả trôi theo biển để khủng bố tinh thần nhân dân. Sau đó lực lượng xã Hồng Thanh mang thi hài má về an táng và truy điệu.

Trong 5 năm 1958 – 1962, địch hùng hổ gom dân lập ấp, xây dựng cứ điểm quân sự, tăng cường lực lượng khủng bố bắt bớ là thời gian khó khăn nhất của cách mạng Mũi Né vừa thiếu đi sự lãnh đạo của Đảng, vừa không có lực lượng để ứng phó với địch. Nhưng với tinh thần bất khuất, khi tổ chức không có điều kiện nắm được dân thì nhân dân tự nguyện về với Đảng, với tổ chức. Đó là thuận lợi lớn của cách mạng Mũi Né trong năm này.

Tháng 6/1962, Huyện ủy cử người về củng cố lại cán bộ xã Hồng Thanh. Đồng chí Phạm Ngọc Đăng (Mười Đăng) làm Bí thư kiêm Chủ tịch xã, đồng chí Nguyễn Hồng Lợi – Phó bí thư; (năm 1967 đồng chí Đăng chuyển công tác khác , đồng chí Lợi làm Bí thư). Đồng thời lập Đội công tác Thanh Thủy (tiền thân Đội công tác Mũi Né)- phụ trách địa bàn Long Sơn, Suối Nước, Mũi Né. Đội công tác Thanh Thủy gồm: Ông Hồ Xuân Bột – Đội Trưởng, ông Nguyễn Thanh Hùng – Đội Phó (quân sự), các đội viên gồm: anh Dũng, anh Chương, anh Nhành, Nguyễn Ngọc Dư (Tám Dư) và chị Nhành...

Nhiệm vụ chính của đội là: đấu tranh chính trị, đẩy mạnh hoạt động binh vận kết hợp với hoạt động vũ trang để diệt ác.

Những tháng đầu hoạt động, chi bộ và Đội công tác tập trung vào việc tuyên truyền giáo dục quần chúng để từ đó xây dựng lại cơ sở, hướng dẫn cách đối sách để tránh sự đàn áp của địch. Dốc Dài là khu vực chính để tiếp xúc với nhân dân. Đội tập trung vũ trang tuyên truyền 3 nội dung:

- Bị dồn dân không có việc làm phù hợp nghề nghiệp nên phải cho đi ra ngoài làm ăn.

- Động viên quần chúng yên tâm nhận truyền đơn về rải để kêu gọi binh lính và đồng bào ủng hộ cách mạng.

- Không đi lính cho địch. Bị bắt buộc đi lính thì không nên bắn giết đồng bào.

Qua mấy tháng tiếp xúc tuyên truyền, Đội đã xây dựng được 4 cơ sở đơn tuyến, 2 cơ sở chuyên cung cấp tình hình địch và 2 cơ sở chuyên làm nhiệm vụ tiếp tế.

Do nội dung công tác phù hợp với điều kiện quần chúng đi lại thường xuyên ở khu vực giáp ranh, nên Đội nắm chắc được tình hình tuần tra bố phòng của địch, nên Đội quyết định thực hiện 2 mục tiêu được đặt ra trước đó là:

1. Gài mìn tại Long sơn, nơi bếp lửa chúng hay nấu ăn khi càn ra và giết tên thiếu úy Tơ là tên ác ôn có nợ máu với cách mạng, thường xuyên dẫn quân càn quét tại khu vực Dốc Dài – Long Sơn. Đồng thời đó là lời cảnh báo đối với những tên ác ôn khác.

Khi thực hiện thành công nhiệm vụ này, nhân dân vô cùng hả hê vì đã trừ diệt tên ác ôn nhất. Sau việc này, địch giảm rõ các đợt càn quét vì mất đi tên khát máu.

2. Giải phóng nhân dân tại ấp Long Nghĩa mà trước đây địch đã gom về.

Sau thời gian chuẩn bị, khoảng 10 giờ 30 đêm tháng 10 năm 1962, với lực lượng của Đội công tác Thanh Thủy và lực lượng xã Hồng Chính, đã đột nhập vào ấp Long Nghĩa. Ông Ba Thắm Ấp trưởng là cơ sở của ta được giao nhiệm vụ từ trước, đã nhanh chóng tập hợp nhân dân tổ chức míttinh để thông báo cho mọi người chuẩn bị trở ra rừng. Nhân dân vui mừng và chuẩn bị nhanh chóng. Đến 2 giờ sáng, toàn bộ dân đã rời khỏi ấp về căn cứ bằng 2 ngã.

- Đường biển: Dùng thuyền đưa người già và trẻ em cùng 28 con bò cùng dụng cụ gia đình khác.

- Đường bộ: Cho thanh niên có sức khỏe và lực lượng dẫn khoảng 360 người bị địch gom trước đây đã ra đi có trật tự, im lặng nên mặc dù sát đồn địch

quận Hải Long mà chúng không hay biết gì cả. 8 giờ sáng ngày hôm sau, toàn bộ về đến căn cứ an toàn, đầy đủ.

Mới thành lập được 6 tháng nhưng với quyết tâm phá thế gọng kềm của địch, Đội công tác đã có chủ trương táo bạo nhờ nắm chắc được cơ sở địch hậu, làm tốt việc giáo dục quần chúng và biết kết hợp chặt chẽ các lực lượng với nhau đã là đòn cân não làm cho địch bất ngờ, hoang mang. Chỉ trong một đêm đã đưa dân về vùng tự do mà địch đã tốn không biết bao nhiêu công sức càn quét để gom dân về, và đây là đòn phá thế ấp chiến lược do địch lập ra. Từ thành tích này, xã Hồng Chính được Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tặng Huân chương giải phóng hạng 3.

Sau thắng lợi đó, chi bộ và Đội công tác không ngừng tăng cường củng cố, xây dựng cơ sở hơn nữa. Đến tháng 3/1963, Đội công tác đã lên đến 15 người và đến ngày 31/7/1963, Đội công tác Thanh Thủy có sự thay đổi do đồng chí Nguyễn Thanh Hùng làm đội trưởng, đồng chí Hồ Xuân Bột làm Bí thư Chi bộ kiêm đội phó của Đội công tác và các đội viên gồm: Dũng, Cường, Tám Dư, chị Nhành, anh Nhành... (trong đó có 5 nữ). Các cơ sở tiếp tục hoạt động đưa 3 thanh niên thoát ly ra rừng tham gia vào đội Thanh Thủy; Tổ chức đưa người ra rừng thăm thân nhân thường

xuyên, đồng thời nhận, chuyển tin về người thân đi tập kết; Vận chuyển, tiếp tế hàng hóa lương thực đều đặn. Cung cấp tình hình bố phòng tại quận Hải Long và sự tăng cường các lực lượng của chúng.

Đặc biệt trong năm 1963, ta đã xây dựng được 4 cơ sở hoạt động đơn tuyến và tháng 3/1963 đã thành lập Ban Cán sự Mũi Né với số lượng lên đến 11 người đó là: Thái Văn Biên (Mười Đắc), Huỳnh Đối, Bùi Thành Lập (Bùi Mão), Hồ Lâu, Nguyễn Văn Định, Hồ Đắc Dược, Nguyễn Hậu, Phan Suy, Phan Thanh, Nguyễn Văn Xưa, Nguyễn Văn Mới (bí danh chị Mười). Với sự giúp sức đặc biệt của anh Nguyễn Hữu Dung (Trưởng phòng kinh tế quận Hải Long), nhiều tin tức quý được chuyển ra vùng giải phóng, phục vụ cho việc nghiên cứu đánh địch sau này.

Do am hiểu tình hình và khuyến trương các thắng lợi vừa qua, Đội công tác đã thường xuyên ra vào tại khu vực Long Sơn, lấy đây làm khu vực giáp ranh để đánh địch và gặp gỡ bà con để nắm tình hình của địch. Trận đánh đầu tiên của đội trực diện với địch vào tháng 3/1963 tại Nháp Long Sơn địch bỏ chạy, ta thu được một số quân trang, quân dụng.

Kể từ khi tên thiếu úy Tơ bị giết, những cuộc hành quân ra vùng ven thưa dần và trận đánh này đã làm địch không ngờ vì không nắm được sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng tại chỗ.

Để hiểu được nội tình công tác của Đội, nhiều lần địch cài người và mua chuộc người tại chiến khu để làm nội ứng phục vụ cho các trận đánh ra chiến khu. Tháng 4/1963, do cảnh giác cao ta đã phá vỡ 2 âm mưu là:

- Do cơ sở báo ra, ta bắt được 2 thám báo giả câm, giả điếc xâm nhập để nắm địa hình.

- Tại căn cứ, bắt được bà Quang treo 2 bong bóng tại 2 nơi (do Đội lập chòi quan sát nên phát hiện kịp thời) là nơi Đội đóng quân và nơi dân sinh sống để làm ám hiệu cho địch càn và đánh bom. Khi điều tra, được biết bà có nhận lương hàng tháng do địch trả.

Lần đầu tiên âm mưu của địch đánh úp ta tại chiến khu bị bẻ gãy.

Những tháng cuối năm 1963, Đội thường xuyên đóng quân tại Long Sơn Dốc Dài để tiếp xúc, tuyên truyền giáo dục quần chúng và nhận tin tức từ vùng địch chuyển lên. Tháng 7/1963, tại Cây Thẻ Hồ Mẻ, Đội đánh trận thứ nhì, chỉ thu được một số quân dụng.

Đến năm 1964, lực lượng của Đội mạnh rất rõ, trong hàng ngũ binh lính và thanh niên tại Mũi Né. Ban cán sự Đảng gồm 4 người do đồng chí Thái Văn Biên làm Trưởng Ban đã có nhiều hoạt động tuyên truyền cùng với việc tiến hành vẽ sơ đồ quận Hải

Long, sơ đồ xã Khánh Thiện chuyển ra để chờ phối hợp giải phóng Mũi Né vào năm 1965.

Song song với công tác này, cơ sở ở Mũi Né thường xuyên rải truyền đơn để uy hiếp địch. Gặp gỡ cả người dân đi đánh bắt lẫn người làm rẫy để tuyên truyền và vận động bà con nhiều lần rải truyền đơn. Đặc biệt là các bản lên án tội ác từng tên từ cấp ấp đến cấp quận được bố trí bỏ tại nơi làm việc, tại nhà và bỏ vào túi áo của địch. Trong áo gối của Quận trưởng Trung có bản cảnh cáo kèm theo 3 viên đạn. Phần lớn những tên hung hăng đều được nhận các loại giấy này mà không phát hiện được ai, làm cho địch đã lo sợ lại càng hoang mang hơn.

Về phía Đội công tác, cả khu vực rộng lớn từ Long Sơn – Cà Thá – Núi Xóm Mới đều có mặt để thực hiện hành động theo phương châm: 2 chân (chính trị, quân sự), 3 mũi (chính trị, quân sự, binh vận) qua tiếp xúc quần chúng, nắm tình hình

Năm 1964, đồng chí Tiến đã bắn hạ 1 máy bay của địch tại Cóc Chua bằng vũ khí thô sơ càng gây sự chấn động trong hàng ngũ của địch.

Những năm 1963, 1964 là thời điểm mạnh nhất của Đội công tác, các cơ sở cung cấp địch tình liên tục, cán bộ Đội hoạt động liên tục ở vùng ven rất có khí thế. Yêu cầu nắm chắc tình hình địch, để lực

lượng chính quy đánh vào đầu não, được Đội và cơ sở Ban cán sự Mũi Né triển khai khẩn trương. Tuy nhiên, đến cuối năm 1964, giao liên bị lộ. Toàn bộ tài liệu và bản đồ của Quận Hải Long gởi ra cho Đội công tác đã bị phát hiện.

Đây là thời điểm mạnh nhất của Đội công tác, hoạt động ở vùng ven càng áp sát, hoạt động của cơ sở vùng địch càng trưởng thành làm cho sự phối hợp trong ngoài đồng bộ, có khí thế. Đã giữ chân địch trong vành đai chiến lược, do đó yêu cầu phối hợp với lực lượng chính quy để giải phóng Mũi Né là mục tiêu thôi thúc cán bộ và nhân dân ta trên thực tế hoàn toàn có đủ cơ sở đảm bảo.

Sau thất bại trong việc dồn dân và buộc bị co cụm ở những năm 1963, 1964 ở Mũi Né địch bắt đầu tăng cường quân nhiều hơn. Đến năm 1965, ngoài lực lượng chi viện của trên thì lực lượng tại chỗ có 1 đại đội, 5 trung đội dân vệ, 1 đoàn dân ý vụ, công an, mật vụ.

Mở màn cho các đợt phản công, tháng 10/1964, chúng sử dụng 20 máy bay Dakota rải thuốc khai hoang cả vùng căn cứ để hủy diệt mùa màng và làm trống địa hình để dễ quan sát, thâm nhập.

Từ năm 1965 trở đi, các hoạt động quân sự của quận Hải Long đều được tăng cường lực lượng không quân yểm trợ. Trong các đợt hành quân dùng máy

bay đánh phá tại khu vực vùng ven và chiến khu một cách ồ ạt.

Về phía ta, các lực lượng bộ đội cũng tăng cường đánh địch để tạo thế phá ấp, phá kèm, tạo lòng tin cho nhân dân. Các tiểu đoàn 482, 489 của Tỉnh và khu 6 phối hợp cùng các đội công tác của Rạng, Thiện nghiệp, Mũi Né liên tục tấn công: đánh giải phóng Giồng Thầy Ba và phục kích tại Dốc Trắc (Mũi Né) đón đánh đại đội 290 của Quận. Khi đồn Rạng bị đánh, lo sợ Mũi Né bị tấn công, lực lượng địch bỏ phiên tuần tra thường kỳ nên ý định đánh Đại đội 290 không thành. Ta pháo kích vào đồn quận Hải Long làm gãy cột cờ của Quận và 01 lính địch bị chết.

Tuy không gây thiệt hại lớn cho địch, nhưng loạt pháo kích đã gây hoang mang rất lớn trong binh sĩ nguỵ. Tâm lý sợ hãi lan tràn trước sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng.

Ngoài ra, cuối tháng 2/1965 một trận đánh rất lớn cũng được chuẩn bị tiến công Mũi Né. Một tiểu đội của đơn vị 200C, đặc công QK5 đến đóng quân tại Hố Tre để tìm hiểu và nghiên cứu tình hình quận Hải Long. Qua 20 ngày chuẩn bị và đột nhập, 3 mũi hướng Miếu Bà Vàng (Đông Nam), hướng Tây(Đài Liệt sỹ Mũi Né hiện nay) vào đến vách tường Quận. Riêng hướng cổng chính vào đến các bậc cấp của Quận.

Các bước chuẩn bị rất tốt, các tiểu đoàn 200C, 486, 482, 29 tập kết làm lễ xuất quân tại rừng Ô Rô (có khoảng 100 dân công). Đúng 15 giờ chiều hành quân, đến Bàu Điền, đồng chí Phúc (Chất ởThiện Nghiệp) dẫn đường để đơn vị hành quân phía đông Rẫy Mới, tiến về Hồ Mẽ để bắt liên lạc với Đội công tác Mũi Né và tiểu đội đặc công (của đơn vị 200C).

Tuy nhiên, đ/c Chất bị mất phương hướng, cả 4 tiểu đoàn cùng 100 dân công cứ loay hoay ở phía Bắc đồi 115 đến 2 giờ sáng, nên đành rút lui, bỏ lỡ 1 trận đánh lớn vào sào huyệt quận Hải Long.

Trong năm 1965, tại căn cứ Đội công tác 6 lần đánh địch đột nhập, trong đó có 2 lần do nội gián dẫn vào đánh phá gây cho ta một số tổn thất và căn cứ nhiều lần phải dời từ Hồ Mẻ - Dẽo - Cối Giả. Hoạt động của Đội tuy rất khó khăn, nhưng vẫn giữ được địa bàn và gần dân. Có lần tên Quận trưởng đích thân chỉ huy bị phục kích suýt chết nên từ đó về sau không dám dẫn quân tăng phái nữa mà chỉ giao cho cấp thuộc quyền đã nói lên sự trưởng thành vượt bậc của Đội công tác và cơ sở ở Mũi Né.

Thời kỳ 1962 – 1965, ta đã giành nhiều thắng lợi cả về chính trị, binh vận lẫn quân sự, mặc dù trước đó địch đã khống chế, đánh phá, giành được nhiều ưu thế hơn hẳn ta, nhất là qua các đợt tố cộng triền miên

đã làm thiệt hại to lớn cho cách mạng địa phương. Trong vòng 4 năm, ta đã giành và giữ được địa bàn, góp phần phá vỡ hệ thống rào ấp chiến lược, mở ra thời kỳ mới cho phong trào cách mạng Mũi Né tiến lên. Sự vươn lên ở thời kỳ này đã đánh dấu một bước thắng lợi về cung cách lãnh đạo của cơ sở Đảng Mũi Né và sự giác ngộ của quần chúng.

III - CHỦ ĐỘNG TIẾN CÔNG ĐỊCH

Khi cách mạng giành thế chủ động, địch sau thời gian yếu thế đã tăng cường lực lượng và có âm mưu mới nhằm ứng phó tình hình: Đánh mạnh ngoài căn cứ bằng những lực lượng lớn, triệt phá cơ sở bên trong một cách toàn diện nhằm triệt hạ cách mạng. Mở đầu, vào cuối năm 1965, cơ sở ta bị bắt 8 người và sau đó không lâu, vào ngày 13/3/1966, do sơ suất của cơ sở, địch lần ra đầu mối, đã phá vỡ và bắt toàn bộ cơ sở trực thuộc Ban cán sự và 12 cộng tác viên của Ban. Đây là cơ sở lớn nhất bị thiệt hại tại vùng địch của Chi bộ và Đội công tác. Lần lượt trong năm này có đến 26 người bị bắt do đường dây liên lạc bị phản bội. Những năm 1967 – 1968, giữa căn cứ và vùng địch không nối được với nhau, thỉnh thoảng mốc nối liên lạc được chuyển hướng ra tận Hồng Sơn, Bàu Sẻ. Chỉ trong vòng 1 năm, toàn bộ cơ sở đều bị phá vỡ, do đó hoạt động cách mạng lúc bấy giờ bị thu hẹp trong phạm vi tại căn cứ là chính. Đến tháng 6/1966, đồng

Đ/c NGUYỄN THANH KHẢI
Đội trưởng Đội công tác Mũi Né
(1966-1970); (1972-1974).

chí Hùng chuyển công tác, đồng chí Nguyễn Thanh Khải về làm đội trưởng.

Cùng với những khó khăn đó, thời gian này lực lượng Mỹ cùng phối hợp với các lực lượng liên tục càn quét ra rừng. Qui mô các cuộc hành quân của địch lúc bấy giờ đánh ra ngoài do sự phối của cấp tỉnh mà không thuộc sự điều phối của quận Hải Long như trước. Địa bàn hoạt động của ta đã hẹp, nay phải dùng chiến thuật đi thụt lùi để tránh địch, càng thu hẹp vùng ven đã giành được. Căn cứ của Đội phải dời từ Dẽo, Lu Bể vào rừng lớn, có lúc ác liệt Huyện phải cấp lương thực hàng tháng và không năm nào ăn tết yên ổn. Lực lượng của Đội lúc bấy giờ không đủ mạnh nên phải phối hợp với du kích các xã khu Lê Hồng Phong để chống lại những cuộc càn quét của địch.

Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất của những năm này mà Đội gặp phải là 1 số cơ sở đơn tuyến bị dao động, trong khi Ban cán sự đã bị bắt, nguồn cung cấp tin tức bị hạn chế và các cuộc hành quân liên tục của các trung đội nghĩa quân tại quận Hải Long đã quá quen thuộc với địa bàn ta trú quân.

Riêng các cuộc hành quân nhỏ lẻ, đi êm, bí mật của các Trung đội nghĩa quân cũng gây cho ta một số thiết hại đáng kể. Trước đây ta chủ động đánh từ xa do có cơ sở đưa tin, nay việc cảnh giới để phát hiện

địch tốn nhiều công phu, lực lượng bị xé mỏng và hoạt động liên tục ngày đêm. Địch thường xâm nhập vào sáng sớm và ban đêm dẫn ta đến thế bị động ngay ở tại chiến khu.

Không thể thụ động kéo dài tình hình này, địch càn quét càng nhiều, thì quyết tâm xây dựng lại cơ sở vùng địch càng cao. Đội tăng cường hoạt động vũ trang tại vùng địch gây uy thế mạnh mẽ cho cách mạng và qua đó áp sát, tiếp cận, bám dân để xây dựng lại cơ sở và phong trào quần chúng là quyết tâm ngày đêm của Đội. Qua nhiều lần thăm dò, áp sát, Đội quyết định sống ngay tại lòng địch để xây dựng cơ sở. Những tháng cuối năm 1967 và đầu năm 1968 Đội đã# xây dựng được cơ sở chính và 5,6 cơ sở khác tại Thạch Long do đồng chí Nguyễn Thanh Khải làm Đội Trưởng thực hiện, thông qua việc tuyên truyền giáo dục cho các đối tượng ra vùng ven làm ăn. Dần dần Đội đã hình dung được tình hình địch, sau khoảng 2 năm đứt liên lạc.

Hoạt động vũ trang mở đầu bằng việc tề gian diệt ác để địch chùng tay. Cuối năm 1967, lực lượng Đội về tại Rẫy Sắn để bắt sống tên Công ác ôn nhưng không thành, dùng lựu đạn đánh làm bị thương 2 tên. Ngã chính để đội nhiều lần đột nhập vào vùng địch là Rẫy Sắn vì các ngã khác địch bố phòng chặt. Nhiều người dân tại Rẫy Sắn bị địch bắt tra tấn dã man vì

biết Đội đột nhập nhưng không khai báo. Trước đó, vào tháng 6/1967 Đội đã phối hợp cùng Đội công tác Bà La, Rạng (người đặt chất nổ là anh Ôn đen) đánh sập cầu Rạng và thường xuyên phá hoại đường giao thông, vừa chi phối lực lượng địch, vừa gây sự phấn khởi cho quần chúng tin tưởng vào cách mạng, do đó các hoạt động vũ trang của đội sau này được quần chúng đồng tình giúp đỡ, kể cả việc diệt ác.

Đến cuối năm 1967, do lực lượng các đội công tác mỏng nên Huyện chỉ đạo cho 3 mũi công tác Mũi Né, Rạng, Bà La phối hợp hoạt động.

Bắt đầu năm 1968, các mũi công tác tại Mũi Né - Bà La - Rạng đã phối hợp hỗ trợ cho nhau ngày càng chặt chẽ hơn để đẩy mạnh hoạt động vũ trang và bám trụ. Trong tổng tấn công Tết Mậu Thân, do lực lượng mỏng và không có sự chi viện của trên, nên mũi công tác này không có hoạt động gì.

Sau tết Mậu Thân, việc bảo vệ vành đai Mũi Né của địch được tăng cường nhiều lực lượng hơn, thường xuyên hơn, nhưng các đợt hành quân càn quét thưa hơn và tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng chủ động đánh địch.

Khởi đầu là trận đánh Đồi 115, nơi án ngữ về phía Bắc để bảo vệ một vùng khá rộng cho mặt chính diện của chi khu Hải Long.

Do có cơ sở trong trung đội địch ém quân tại đây, đêm 26/4/1968 (đêm 29/3 âm lịch), ta đã đón lõng đánh khi trời vừa sáng. Bị đánh bất ngờ, địch không có công sự trú ẩn nên tháo chạy. Trận này, địch chết 7 tên (có 1 trung đội trưởng và 2 tiểu đội trưởng), ta thu được một số súng. Về phía ta hy sinh 1, là đồng chí Nguyễn Văn Dậu người con của xã Hàm Tiến công tác ở quân khu 5 về thăm gia đình và được động viên nhận nhiệm vụ Trung đội Trưởng Trung đội 451 của Huyện do thiếu cán bộ chỉ huy. Do bảo đảm được yếu tố bất ngờ cả về lực lượng lẫn tâm lý, trận đánh này đã thu được kết quả khá tốt.

Sau 2 năm bị dồn ép, với chiến thuật đi thụt lùi tránh địch để bảo toàn lực lượng thì đây là trận đánh gây hoang mang rất lớn và đạt được kết quả về mặt tâm lý, gây hoang mang cho địch. Đêm về địch không dám nằm tại nơi được chỉ định nữa mà thường bí mật rút quân về nằm sát nhà dân, không cho bộ phận điều phối quân ở Chi khu Hải Long biết. Đây cũng là thuận lợi lớn cho ta trên đường ra vào Mũi Né.

Từ đây về sau ta chủ trương đánh tập kích với sự chi viện của bộ đội để gây hoảng sợ, trên cơ sở đánh liên tiếp mà không chủ trương đánh quy mô lớn nữa.

Với ý đồ đó, bằng tinh thần tiến công táo bạo để

đánh thối động cơ quan đầu não, chỉ 10 ngày sau, vào ngày 4/5/1968 (mùng 8/4 âm lịch) mục tiêu đánh tiêu diệt Cuộc cảnh sát và trung đội nghĩa quân xã Khánh Thiện được thực hiện. Trên đường di chuyển khi áp sát mục tiêu, bất ngờ có nhà đám tang thắp đèn sáng tại vị trí tiến đánh nên lực lượng của Tiểu đội 01- C2 trinh sát đặc công huyện gồm 7 người (trang bị B40 và thủ pháo) phải đổi lộ trình đánh từ phía khác không bảo đảm được yếu tố thuận lợi khi đánh chính diện nên kết quả hạn chế. Tuy nhiên ngay từ đầu, 2 lực lượng này của địch đã bỏ vị trí chạy tán loạn, không xác định được mục tiêu của lực lượng đội công tác. Khoảng nửa giờ sau khi ta rút lui, quân chi viện của quận Hải Long mới đến (dù khoảng cách gần) và không dám tổ chức truy kích. Trận này ta diệt 1 tên địch thu được 5 súng và một số đạn dược.

Chính từ trận đánh ngay tại khu vực trung tâm Mũi Né đã làm cho binh lính càng hoang mang, lo sợ. Lệnh cấm trại 100/100 được thiết lập trong hàng ngũ địch để cảnh giác trước sự táo bạo của lực lượng cách mạng. Chưa dừng lại ở đó, sự lo sợ của địch càng tăng cao hơn nữa khi đêm 31/5/1968 (mùng 5/5 âm lịch), tại khu vực cổng Khánh Phước (dân phố 01) trung đội nghĩa quân án ngữ tại đây bị tiến công dữ dội. Vừa ỷ lại quân đóng trong dân không có đồn bót

và Mũi Né mới bị tấn công cách đây không lâu nên lực lượng địch hoàn toàn không canh phòng. Trận đánh của trung đội 451 huyện Thuận Phong (di chuyển từ phía Nam Đồi 115 về Dốc Bà Banh dọc theo đường lộ để xuống) diễn ra trong chớp nhoáng, địch chết 2, ta thu 4 súng (có 1 trung liên) Ta chỉ bị thương 1 chiến sĩ.

Sau 2 trận này, việc đóng quân hàng đêm tại địa điểm cố định của chi khu Hải Long không còn tác dụng đối với các trung đội nghĩa quân nữa vì lo sợ bị tiến công. Do đó quân địch thường đóng nơi khác và đa số đóng trong dân mà không còn nằm tại các vành đai nữa. Vì vậy, việc tiến đánh của ta là khá khó khăn vì địa điểm bị thay đổi luôn.

Từ khi các cơ sở trong dân bị vỡ, phong trào cách mạng của nhân dân Mũi Né tưởng chừng như bế tắc vì không nắm và trực tiếp cùng dân. Nhưng nhờ làm tốt công tác vận động quần chúng, đặc biệt là công tác binh vận, đội công tác Mũi Né nắm khá vững tình hình địch, nên hạn chế được thiệt hại khi địch càn và có cơ sở để chủ động tấn công. Đặc biệt trong thời kỳ này lực lượng địch đã có một số bỏ ngũ, đào ngũ hoặc về với cách mạng qua ngã Hồng sơn.

Những tháng cuối năm 1968 địch bắt đầu phản

công bằng những cuộc hành quân quy mô lớn ra chiến khu. Do lực lượng quá chênh lệch, Đội công tác đánh trả bằng hoạt động gài mìn là chính, song hiệu quả khá cao, gây thương vong cho hầu hết các cuộc hành quân của địch.

Tiêu biểu cho hoạt động này là trận gài mìn đánh đại đội 290 tại Dốc Bù vào tháng 9/1968, địch bị chết hàng chục tên. Hoặc như trận phục kích tại đồi 150, cách Bàu Đế khoảng 05 km là nơi địch thường đóng quân, ta bắn chết 1 tên tại đây, địch rút về Dốc Bù lại bị mìn đánh chết thêm 3 tên nữa. Những trái mìn này hoàn toàn do ta tự tạo tận dụng thuốc súng đại bác của địch bắn vào bị hư không nổ.

Cuối năm 1968 01 trận càn khá lớn gồm: Các trung đội nghĩa quân quận Hải Long, đại đội 290 và lực lượng tăng phái của tiểu khu Bình Thuận. Sau vài ngày nằm chốt tại Rừng Lớn, địch cho 14 trực thăng liên tục bốc quân về hậu cứ nhưng thực chất vẫn còn 1 đại đội ém quân lại để ta tưởng địch rút quân hết, sinh ra chủ quan, nhằm tiêu diệt lực lượng du kích. Do phán đoán đúng tình huống và địa điểm ém quân, Đội công tác Mũi Né và lực lượng du kích 2 xã Hồng Thanh, Hồng Chính phối hợp đã tổ chức gài trái và nhử địch, làm chúng bị chết 10 tên (trong đó có 1 tên

Mỹ). Trực thăng phải trở lại bốc xác, bị ta bắn cháy 1 chiếc nên không làm nhiệm vụ được, mãi ngày sau mới hoàn tất việc này.

Vừa giành được thể chủ động những năm 1964, 1965 thì cơ sở bị đánh phá toàn bộ nên mọi hoạt động của ta gặp rất nhiều gian khổ, nhưng do có chủ trương đúng, tinh thần vững vàng, quyết tâm cao, biết vận dụng tình thế cụ thể của địa phương mình. Phải di chuyển liên tục, nhận định hướng tiến quân và thu quân của địch để vừa bảo toàn lực lượng vừa tìm cách gây thương vong cho chúng, các chiến sĩ du kích Mũi Né đã phối hợp giúp bộ đội chủ lực tiến công địch liên tục giành được nhiều thắng lợi lớn ở một nơi là vùng trắng hoàn toàn do địch kiểm soát với lực lượng quân sự khá mạnh.

Thế trận 1965 – 1968 rất ác liệt do những phương tiện chiến tranh hiện đại của địch, hy sinh và gian khổ nhiều hơn trước đây, nhưng cách mạng vẫn chủ động tiến công với lực lượng chênh nhau có lúc lên đến 1/50 đã thể hiện tinh thần rất cao, dù lực lượng hạn chế, hoạt động trong điều kiện bị cô lập và cơ sở nội ứng không nhiều.

IV - KÌM CHÂN ĐỊCH, GIẢI PHÓNG MŨI NÉ

Bắt đầu từ năm 1969 trở đi, chi khu Hải Long liên tục tăng cường lực lượng để ứng phó với tình hình vì

đây là nơi đầu não của địch. Trong khi đó, để nắm được tình hình, đội công tác chỉ còn 1 địa điểm liên lạc duy nhất tại khu vực cây Cám (Bà Hoà-Gò tre) vì hộp thư liên lạc với ngư dân tại khu vực Long Sơn không còn nữa, làm cho việc tiếp cận quần chúng để nắm tình hình ngày càng khó khăn hơn. Trong khi đó, năm 1969 chúng lập 2 đoàn Bình định nông thôn và các năm 1970, 1971 địch tiếp tục củng cố các đồn đồi 115 và 113 (quy mô nhỏ hơn đồi 115), hoàn thiện việc lập mỗi xã 1 trung đội nghĩa quân, lập 2 phân chi khu tại 2 xã. Địch đã đông, nay mang lưới càng thêm dày đặc. Lực lượng Bình định khá đông (khoảng 80 người) thường xuyên thâm nhập vào địa bàn dân cư theo dõi nắm tình hình, làm cho việc liên lạc với cơ sở và việc tiếp xúc với dân tại rừng của ta khó khăn hơn. Các cơ sở lần lượt bị theo dõi. Đến cuối năm 1969, chỉ còn 1 cơ sở đơn tuyến duy nhất (tại khu phố 1)

Tình thế có phần ác liệt hơn khi có một số tên không chịu nổi gian khổ đã ra hồi chánh và hướng dẫn các hoạt động đánh phá ra căn cứ. Điển hình nhất là tên Bình (Cá) do nắm rất vững địa bàn, nơi đi lại, trú ẩn của lực lượng Đội cũng như địa bàn tiếp cận với quần chúng, nên đã gây cho cách mạng nhiều thiệt hại đáng kể. Và cũng chính xuất phát từ việc địch xây dựng thêm lực lượng, cơ sở ở từng xã

ấp khá mạnh nên từ cuối năm 1969 trở đi, chúng yên tâm để mở rộng những đợt hành quân lớn, liên tiếp ra căn cứ.

Gây thiệt hại khá lớn cho lực lượng Đội và chiến khu là trận càn ngày 29 tháng 12 năm 1969. Ngoài lực lượng bộ binh dày đặc, địch dùng xe tăng và trực thăng liên tục chà đi xát lại phá vỡ hầu hết các hầm trú ẩn, đốt phá lương thực phá hoại mùa màng và bắt đi 26 người. Như vậy, ngoài những cuộc hành quân khác trước đó, năm 1969 phong trào cách mạng Mũi Né ở vào thế bất lợi trước áp lực quân sự ngày càng tăng của địch đối với vùng rừng núi của ta.

Sau thắng lợi của năm 1968, để phòng thủ và áp sát địch, Đội công tác Mũi Né xây dựng hệ thống hầm trú ẩn kéo dài từ Trâm Dẻo đến Hồ Mẻ có hơn 30 cái, mỗi cái cách nhau từ 50-100m đã góp phần không nhỏ trong việc hạn chế các thiệt hại do dịch gây ra và cũng chính nhờ hệ thống hầm này đã giúp đội có 1 số hoạt động áp sát địch, bắn tỉa nhằm khủng bố tinh thần địch.

Trước quy mô mở rộng vùng chiếm đóng của địch, về mặt tổ chức 3 đội công tác Mũi Né - Bà La - Rạng đã chính thức phối hợp chung, thành lập Ban cán sự mảng 3 do đồng chí Nguyễn Thanh Khải Đội

trưởng đội công tác Mũi Né làm Bí thư mảng[1] vừa để bổ sung lực lượng lẫn nhau vừa để bảo vệ một vùng địa bàn khá lớn cần có sự trao đổi thông tin để đối phó với tình hình ngày càng diễn ra phức tạp hơn.

Năm 1970, đồng chí Nguyễn Thanh Khải về công tác tại Huyện ủy, đồng chí Trần Thị Liễu về làm Đội trưởng Đội công tác Mũi Né, quân số Đội lúc này chỉ còn 4 người[2] (do một số hy sinh và thoát ly). Tuy vậy, đồi 115 và đồi 113 vẫn thường xuyên bị Đội uy hiếp kể cả bằng hình thức phục kích bắn lẻ, nhất là hình thức đi dẫm nát quanh đồn để ngụy trang gây uy hiếp về tâm lý đối với địch. Ngoài ra đồi Ớt (cách đồi 115 01km về phía Bắc), là địa điểm đội thường về ban ngày để gặp dân, quan sát quy luật hoạt động của 2 đơn vị địch tại đồi 113 và 115. Dù không có trận đánh lớn nào diễn ra, nhưng việc thường xuyên vào ra, quấy phá liên tục của Đội, nên sau hơn 1 năm chốt giữ, địch phải bỏ trống đồi 113, nhờ đó đường đi về cơ sở của lực lượng đội thêm thuận lợi.

Năm 1971, khi đồng chí Tài và Đạo hy sinh cùng

---

(1) Ông Trần Năm thì ông Lê Đình Nguyên (thường vụ Huyện uỷ) là Bí thư mảng.

(2) Đội có 4 người là: Đ/c Liễu, Tài, Đạo và Sáu.

vài đồng chí khác thì lực lượng đội còn lại chỉ có 2 người. Hệ thống hầm bám trụ ở Trâm Dẻo - Dốc Dài không còn thường xuyên sử dụng nữa mà phải rút về khu vực Rừng Lớn gần đồi 150 để bảo đảm an toàn cho Đội.

Từ cuối năm 1970 – 1972, ngoài việc đối phó với việc truy lùng và mật phục của địch thì tình thế càng liên tiếp xấu đi. Cơ sở trong dân bị mua chuộc[1] Số cơ sở trong quân đội nguỵ nằm im không dám hoạt động. Lực lượng đội bị giảm quân số đáng kể, hoạt động chủ yếu là tìm cách xây dựng cơ sở nội gián và tìm cách đưa truyền đơn về rải là chính. Hoạt động võ trang không đáng kể vì không được sự hỗ trợ của bộ đội chính quy.

Tuy khó khăn vô vàn, nhưng tinh thần không nao núng, vẫn tìm cách gây khó khăn cho địch bằng hoạt động nhỏ lẻ, tự lực. Đêm 20 tháng 8 năm 1971 địch lên nằm tại các ranh rẫy (đây là chiến thuật chúng thường áp dụng) để đón đánh và bắt người, đã bị ta đánh trái làm chết 5 tên, trong đó có 1 tên chỉ điểm quan trọng là tên Quang người Hồng Sơn. Và thường

---

(1) Địch đưa 20.000 (lúc bấy giờ) để cơ sở ám hại đ/c Liễu nhưng bị phát hiện

xuyên gây thương vong nhỏ cho địch cũng chủ yếu bằng đánh trái. Nhưng đến những tháng đầu năm 1972, lực lượng đội lúc bấy giờ chỉ còn mình đồng chí Liễu, có lúc phải về căn cứ xã Hồng Thanh ăn, ở nên không hoạt động gì được. Và trong 1 cuộc hành quân của địch ngày 28/7/1972, đồng chí Liễu từ Lu Bể trở về Hồng Thạnh để đi tiếp thu Nghị quyết thì bị địch phát hiện bắn chết. Lực lượng đội công tác Mũi né không còn ai.

Ngày 8/4/1972 (AL) được sự chi viện của Trung đội 451 Huyện đã đánh vào Hợp tác xã ngư nghiệp của địch (nay là cây xăng dầu của công ty Vật tư) nơi trung đội nghĩa quân 42 trú quân. Do địa hình phức tạp và trời tối nên dù lực lượng khá đông ta chỉ diệt được 2 tên làm bị thương 3 tên. Đây là địa điểm địch dùng làm cơ sở phát triển kinh tế để chuẩn bị lấn đất giành dân theo hiệp định Pari.

Sau đó thì khó khăn chồng chất, do không còn cơ sở để móc nối, mãi đến gần cuối năm 1972, khi đồng chí Nguyễn Thanh Khải[1] trở lại làm đội trưởng Đội công tác Mũi Né[2] thì phải tổ chức xây dựng cơ sở và

---

(1), (2) Đ/c Nguyễn Thanh Khải là Huyện ủy viên huyện Thuận Phong khóa I (1966 – 1972); khóa II (1972 – 1974), khóa III (1974 – 1975)

lực lượng lại. Đến những tháng đầu năm 1973 Đội đã xây dựng được vài cơ sở đơn tuyến, trong đó có 1 cơ sở dự kiến phát triển Đảng tại Khu phố 01 (ông Sơn Dỉ) để thành lập Chi bộ Đội công tác nhằm đưa lực lượng về bám trụ trong lòng địch để hoạt động, nhưng sau đó đối tượng dao động do bị theo dõi sát, nên không thực hiện được.

Trong các năm 1972 – 1973, các hoạt động quân sự của Đội không đáng kể, nhưng một số nhiệm vụ khác cũng được triển khai khá tốt, trong đó có 2 lần cờ giải phóng tung bay tại gần nơi địch đóng quân mà mãi ngày hôm sau chúng mới phát hiện. Hoặc có lần trên đường về công tác, lực lượng ta đột nhập lấy súng mà địch cũng không phát hiện. Nhưng sôi nổi nhất là các hoạt động vận động quần chúng, từ khu vực Long sơn - Dốc Dài đến Cây Me, Bà Hoà, quần chúng được tổ chức metting hàng chục lần với hơn 100 lượt người tham gia để nghe phổ biến những thắng lợi của cách mạng trên chiến trường và trên bàn Hội nghị hiệp định Pari. Để chuẩn bị cho các đợt metting này, có lúc lực lượng ta phải kiếm sẵn củi có lúc phải gánh hom mì từ khu Lê về để khi quần chúng ra về không làm địch nghi ngờ.

Mộ của đ/c TRẦN THỊ LIỄU
Đội trưởng Đội công tác Mũi Né
(1970 – 28/7/1972).

Đồi 150 – cách núi Bàu Đế khoảng 5 km
nơi đội công tác quan sát và gài mìn đánh địch.

Cây xăng Mũi Né hiện nay là HTX ngư nghiệp
của địch năm 1972 và là nơi ém quân
của trung đội nghĩa quân.

Du kích xã Hồng Thanh tổ chức đánh cá
phục vụ Đại hội đại biểu Đảng bộ
huyện Thuận Phong lần thứ II (năm 1972).

Học sinh Trường Phổ thông cấp I Hồng Thanh
do thầy giáo Hứng dạy (từ năm1966 - 1975).

Đặc biệt trong năm 1973, Đội và lực lượng Mảng 3 tổ chức đưa đội văn nghệ của trên về hát phục vụ ban ngày tại Bàu Me cho số đồng bào làm vườn đất từ khu Bà Hoà – Bàu Me xem.

Ngoài ra công tác binh vận cũng đạt được kết quả khá. Hàng chục binh sĩ bỏ ngũ về. Một số binh sĩ giảm hành động phá phách ở chiến khu.

Cuối năm 1972 địch chủ trương đưa dân ra sản xuất ở các vùng đệm nhằm giành quyền kiểm soát địa bàn khi Hiệp định Pari có hiệu lực, ta đã có điều kiện tiếp xúc với quần chúng nhiều hơn để tuyên truyền giáo dục, tác động gia đình có con em đi lính cho địch nên bỏ ngũ, ra ngũ.

Ngày 26/01/1973, chi bộ Mảng và lực lượng 3 đội công tác thực hiện việc treo cờ giải phóng ở các vùng đất giáp ranh chạy từ Mũi Đá-Bàu Me-Xóm Mới, thì địch cũng tập trung quân để treo cờ ở các khu vực này. Tối 26/01, lực lượng Đội công tác lần lượt tháo gỡ cờ địch và đến sáng ngày 27/01 ngày Hiệp định có hiệu lực, toàn bộ cờ giải phóng đã tung bay khắp các nơi này.

Những tháng cuối năm 1973 là giai đoạn quân dân Mũi Né quyết liệt đánh bại việc chiếm đất của

địch. Dưới danh nghĩa mở rộng sản xuất, địch đưa máy cày hàng trăm ha đất ở Hòn Một, Giồng Thầy Ba (thực chất là mở rộng vùng chiếm đóng) nhằm tránh sự tập kích của cách mạng (vì là khu phi quân sự). Nhận rõ âm mưu này của địch lực lượng Mảng 3 đã liên tục đánh phá, cản trở không cho thực hiện và đến cuối năm khi 2 máy cày bị đánh huỷ, địch mới từ bỏ ý định mở rộng ra khu vực này. Đây là thắng lợi có ý nghĩa của lực lượng Mảng 3 trong những ngày đầu thực hiện Hiệp định Pari ở Mũi Né.

Tuy nhiên, khi Tỉnh quyết định xã Hồng Thanh mở về hướng Cối Giả để áp sát vùng địch hơn, nhưng không thực hiện được, vì địch đã tập trung lực lượng tại đây rất mạnh, chúng thường xuyên huy động hàng trăm tên để duy trì các cuộc hành quân, án ngữ.

Trận hành quân lớn cuối cùng của địch là vào giữa năm 1974. Ngoài lực lượng bộ binh còn có tàu thuỷ yểm trợ áp sát khu vực Suối Nước – Hòn Nghề, bị lực lượng ta bắn trả nên cả tàu và lực lượng bộ binh địch không phát huy được tác dụng. Và đây cũng là trận đánh trực diện cuối cùng giữa ta và địch ở Mũi Né cho đến khi giải phóng.

Trong thời gian này, cán bộ Mảng được học tập,

quán triệt nhiệm vụ mới. Chi bộ và lực lượng Đội công tác tích cực liên lạc với cơ sở nắm tình hình, chuẩn bị các mặt để áp sát Mũi Né chờ phối hợp tiến công để giải phóng quê nhà. Trong những năm 1975, toàn Đội được lệnh điều động đi phục vụ cho việc đánh địch ở vùng Sa Ra, Tuỳ Hoà, còn vùng Mũi Né, Hàm Tiến bỏ trống.

Từ cuối tháng 3 đến 10 ngày đầu tháng 4/1975, một số cơ sở và cán bộ kháng chiến cũ tại Mũi Né đã chủ động gởi thư tận nhà kêu gọi một số chức sắc của địch bỏ ngũ, rã ngũ và rời xa Mũi Né để thuận lợi cho việc giải phóng đã tác động đến tâm lý của lực lượng địch. Trong khi đó, lực lượng địch từ các nơi tháo chạy tập trung về Mũi Né làm cho tình hình càng thêm nhốn nháo. Chúng ra lệnh tăng cường đánh phá các cơ sở của ta, nhưng lệnh này không thi hành được vì bọn binh lính ai nấy đang lo cho việc thoát thân cho mình và gia đình.

Tình trạng mua ghe, cướp ghe để rời khỏi Mũi Né càng rầm rộ làm cho binh lính địch thực sự suy sụp tinh thần ngay cả khi cách mạng chưa vào ngưỡng cửa Phan Thiết. Khi Phú Long được giải phóng thì tất cả các nơi trên bãi biển Mũi Né đều chật như nêm với người là người để tìm cách tháo

chạy. Khi biết tên quận trưởng Hàng Phong Cao ra tàu trước đó vài ngày nhưng vẫn chỉ huy hoạt động thường nhật như đang ở tại sở chỉ huy Quận làm cho lực lượng địch thêm hỗn loạn.

Ngày 18/4/1975, lực lượng địch tự tê liệt hoàn toàn mặc dù không có một sự tấn công nào của cách mạng.

Khi Phan Thiết được giải phóng ngày 19/4, một số cơ sở chủ động may cờ phân phát và cử người để đón lực lượng ra tiếp quản Mũi Né. Trong 3 ngày 19 đến 21/4 tình hình trật tự ổn định, quần chúng nhiệt liệt hoan nghênh cách mạng.

Ngày 22/4/1975, chính quyền quân quản chính thức hoạt động đưa Mũi Né sống lại khí thế hào hùng vang dội những bài ca cách mạng hùng tráng ngẩng cao đầu thoát khỏi sự đàn áp của địch tại một vùng trắng mấy mươi năm.

Với lực lượng đội công tác, lúc đông không đến 15 người, lúc ít chỉ còn 1 người phải chống chọi với lực lượng địch gấp 2 – 30 lần, được sự đùm bọc của nhân dân, sự gan dạ dũng cảm của những người vì áp bức mà đấu tranh đã làm địch dù đông nhưng không thắng, dù mạnh nhưng không khuất phục được. Từ

năm 1966 – 1974, ngoài hàng trăm trận đánh lớn nhỏ và hoạt động đánh trái, gài mìn đã làm tử vong gần 100 tên địch đã nói lên sự sáng tạo của lực lượng đội Mũi Né với sự hỗ trợ đắc lực của quần chúng và chi viện của bộ đội làm nên thành tích này.

Địch gây cho Mũi Né nhiều tổn thất, hy sinh mất mát lớn. Đó là điều rõ rang. Nhưng mong muốn của nhân dân ta thoát khỏi sự áp bức của địch càng sớm càng đỡ khổ đau để giúp nhau xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc không bao giờ nguôi.

Nguyện vọng cao cả đó đã hoàn thành, sau 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trường kỳ gian khổ. Ngày 19/4/1975 Mũi Né đã trở thành mảnh đất độc lập tự do của Tổ Quốc Việt Nam ngàn đời yêu dấu.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ HỘI THẢO LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ PHƯỜNG MŨI NÉ

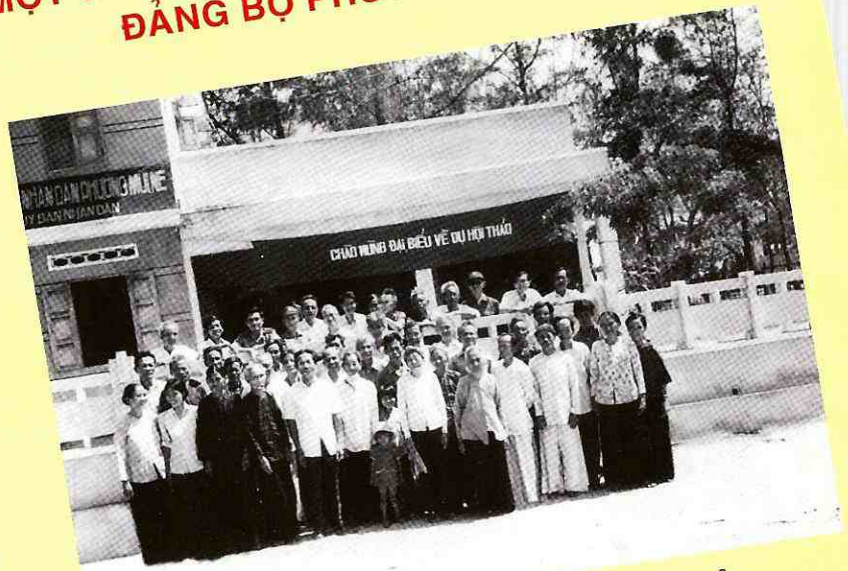

Các đại biểu về dự Hội thảo lịch sử Đảng bộ phường lần thứ I, năm 1987.

Các đại biểu thảo luận góp ý trong buổi Hội thảo lịch sử Đảng lần thứ 1, năm 1987.

Hội thảo xuất bản tập lịch sử Đảng bộ phường Mũi Né giai đoạn 1930-1975, ngày 29/10/2013.

NHỮNG THẮNG CẢNH ĐẸP CỦA MŨI NÉ

Bãi biển Hòn Rơm Mũi Né.

Suối tre Mũi Né.

Làng chài Mũi Né.

Làng chài Mũi Né buổi Hoàng hôn.

Bình minh trên biển Hòn Rơm Mũi Né.

KẾT LUẬN

Mũi Né! Quê hương đất nước muôn vàn thân yêu, nơi đất lành chim đậu, từ một nhóm người Ngũ Quãng hội tụ chuyên sống về nghề biển dần dần phát triển thành thôn ấp, xóm làng cả Gành Trước lẫn Gành Sau. Số dân ngày càng đông làm cho Mũi Né ngày càng trở nên sầm uất, cùng nhau đem sức lao động làm ra manh áo, hạt cơm.

Gần 80 năm, đất nước bị bọn thực dân Pháp cấu kết với phong kiến dìm nhân dân trong vũng bùn nô lệ. Người dân Mũi Né lúc bấy giờ nghèo khổ cùng cực, luôn bị đè đầu, cởi cổ, sưu cao, thuế nặng, ăn đói mặc rách, lao động quá sức. Cứ tưởng đâu số phận người dân Mũi Né như vậy là mãi mãi âm thầm chịu đựng khổ đau. Nhưng nhờ có Đảng đem đến ánh sáng mở đường chỉ lối, để rồi từ một vài cán bộ cốt cán của Đảng đã kiên trì vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, ra sức tuyên truyền, giáo dục, xây dựng cơ sở, làm cho người dân lao động ở Mũi Né hiểu rõ rằng: trước áp bức bóc lột vô nhân đạo của Đế quốc thực dân phong kiến, chỉ có con đường đi theo cách mạng thì sống, không cách mạng thì chết.

Với ảnh hưởng của cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh (1930 – 1931) lan rộng ra cả nước, cờ đỏ búa liềm

xuất hiện khắp nơi, truyền đơn biểu ngữ kêu gọi mọi người đứng lên đấu tranh giành độc lập cho nước nhà. Tiếp theo đó, nhân dân Mũi Né, bắt gặp sự chỉ dẫn của các chiến sĩ cộng sản từ những nơi khác đến tuyên truyền giải thích: Người dân nô lệ phải đứng lên đấu tranh giành độc lập, tự do. Muốn đấu tranh phải tập hợp lực lượng của những người bị áp bức bóc lột, những người vô sản, những người lao động, đoàn kết lại dưới lá cờ đỏ búa liềm với sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Đông Dương. Ở đâu có áp bức, ở đó có đấu tranh. Người dân Mũi Né, từ khi có Đảng chỉ lối đưa đường ngày càng vững vàng hơn, không còn cam chịu để cho bọn thực dân phong kiến tiếp tục đè đầu, cởi cổ. Mọi người từ tập sự đấu tranh đến tự động đấu tranh chống áp bức, bóc lột. Giành lại những quyền lợi thiết thực cho cuộc sống hàng ngày. Qua nhiều lần đấu tranh giành thắng lợi, họ đã kính phục cán bộ cách mạng và họ đã tin tưởng vào Đảng ngày càng sâu sắc.

Rồi đến ngày cách mạng tháng 8.1945 thành công, nhân dân Mũi Né, trẻ già, trai gái, thanh thiếu niên nức lòng hồ hởi, phấn khởi tham gia cuộc metting đầu tiên và đông đảo nhất trong toàn tỉnh do UBND cách mạng lâm thời và ban Việt Minh tỉnh tổ chức, nghe công bố nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, đập tan xiềng xích nô lệ, xoá bỏ áp bức bốc lột...

Đồng bào Mũi Né vô cùng xúc động nghẹn ngào nhủ thầm: Người dân Mũi Né phải làm gì đây?

Với tình thương yêu quê hương đất nước nồng nàn, với lòng căm thù tột độ đối với bọn Đế quốc thực dân phong kiến, người dân Mũi Né đã tự nguyện đứng vào hàng ngũ cách mạng, trên mọi hình thức tổ chức: Đoàn thể, chính quyền, chính trị, quân sự, kinh tế.. tuỳ theo trình độ, khả năng của từng lứa tuổi, chấp nhận mọi thử thách gian lao, dù có phải hy sinh cả tài sản, cả tính mạng với lý tưởng cao cả: " Ngã xuống cho đất nước đứng lên". Và đã thể hiện bằng hành động cụ thể: Nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, toàn dân Mũi Né tham gia mạnh mẽ phong trào diệt giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm với tấm lòng tự nguyện, tích cực tham gia đóng góp cho tuần lễ vàng của tỉnh phát động. Đồng bào Mũi Né đã nổ lực tăng gia sản xuất, thi đua tham gia bắt thật nhiều hải sản, thực hành tiết kiệm, tổ chức hủ gạo cứu quốc, hủ gạo nuôi quân.

Mặt trận Việt Minh và chính quyền nhân dân thành lập chưa được bao lâu thì ngày 24/5/1956 giặc Pháp đem quân ra chiếm đóng Mũi Né, biến Mũi Né thành vùng địch tạm chiếm. Lực lượng của ta buộc phải kéo ra vùng kháng chiến, thành lập khu căn cứ, củng cố lực lượng, tổ chức bàn đạp để tấn công địch. Được sự lãnh đạo của Huyện uỷ Hàm Thuận, dựa trên

cơ sở sẵn có gồm các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh, nhân dân Mũi Né đã tạo dựng một Đội ngũ cán bộ tận tụy, trung kiên, bám dân, bám đất, bám chiến trường, luôn gắn bó với sự nghiệp kháng chiến. Toàn quân dân Mũi Né, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết một lòng, sẵn sàng ngã xuống trên mảnh đất quê hương, quyết tâm tiêu diệt bọn xâm lược Pháp và tay sai, mang lại độc lập, tự do thật sự cho dân tộc, trong đó có quê hương Mũi Né thân yêu của mình.

Mặt giáp mặt với kẻ thù giữ vững ý chí kiên cường, bất khuất, thà chết không hề khai báo làm hại đến cơ sở cách mạng. Cụ thể như: anh Được bị trói sau đuôi ngựa phóng nước đại, anh Trần Đình Nghi bị cắt cổ, em liên lạc Thông bị đóng đinh trên hai bàn tay, mổ bụng ném xuống biển, anh Nguyễn Văn The bị tra tấn bằng 6 phát súng lục, má Năm 4 lần bị nhốt hầm tra tấn vẫn không hề khai báo, làm mất cơ sở của cách mạng. Và còn nhiều gương hy sinh cao cả nữa không làm sao nêu lên hết được.

Đánh thắng giặc Pháp xong, chưa kịp nghỉ ngơi lấy sức, nhân dân Mũi Né đã cùng Miền Nam và cả nước chuyển sang kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Giặc Mỹ hết sức tàn bạo, nhưng chúng không thể nào huỷ diệt được lòng yêu nước, ý chí kiên cường bất khuất của nhân dân Mũi Né, vì Đảng đã khai thông

trí óc cho họ, mở đường chỉ lối cho họ vùng dậy đứng lên, không để cho bọn Đế quốc đè đầu cởi cổ, chịu cảnh áp bức bóc lột. Do vậy mà toàn thể nhân dân Mũi Né đã tự nguyện tham gia vào cuộc chiến đầu quyết liệt đầy hy sinh gian khổ, phát huy cao độ bản chất anh hùng cách mạng của dân tộc. Dù có lúc chỉ còn có 1 cán bộ, vẫn hoạt động can trường. Hàng trăm thanh niên đã trực tiếp cầm súng tham gia chiến đấu, gia nhập đại đội chủ lực, bộ đội địa phương, tự vệ chiến đấu, dân quân du kích, võ trang tuyên truyền, du kích bí mật.

Toàn dân Mũi Né từ vùng kháng chiến đến vùng tạm chiếm, người Việt cũng như người Hoa, không phân biệt tôn giáo, thành phần đều đóng góp tiền của, công sức vào 2 cuộc kháng chiến cứu nước. Luôn luôn hết lòng che giấu, nuôi dưỡng, chăm sóc, cán bộ chiến sĩ thương bệnh binh như là con cháu của mình. Các em thanh thiếu niên từ 8 đến 15 tuổi can đảm, lanh lợi lúc nào cũng nắm vững tình hình địch hàng ngày, hàng giờ kịp thời báo động cho cán bộ, canh đường, chỉ lối, che dấu cán bộ, bảo vệ cán bộ, chiến sĩ mỗi khi về địch hậu công tác. Và cũng là một lực lượng hùng hậu sẵn sàng thay thế cho lớp chiến sĩ đàn anh đi trước. Chị em phụ nữ, ngoài việc gánh gồng thu gom lương thực thực phẩm vào rừng sâu nuôi quân, còn lo cả tấm áo mùa đông và cả những chiếc khăn tay cho chiến sỹ. Những cụ già làm tròn nghĩa

vụ hậu phương: tiếp tế, nuôi quân, mọi lứa tuổi đều cống hiến xứng đáng công sức của mình, hầu mong được góp phần cho cuộc kháng chiến thành công. Đồng bào còn tự phá những ngôi nhà thân yêu của mình để tản cư ra vùng kháng chiến, thực hiện khẩu hiệu "Vườn không - Nhà trống", bất hợp tác với giặc. Và cũng không biết bao nhiêu người dân Mũi Né không may bị sa vào tay giặc đã chịu đựng nhiều cực hình tra tấn dã man, tàn bạo của kẻ thù nhưng vẫn một mực trung thành với Đảng, với cách mạng, chết đi sống lại vẫn một mực không cung khai nửa lời, nhất quyết không đầu hàng địch, nhiều người trước khi ngã xuống vẫn còn hô khẩu hiệu:

Việt Nam độc lập thống nhất muôn năm!

Hồ Chí Minh muôn năm!

Vì vậy, kẻ thù dù hung hăng, tán ác đến đâu, cũng phải cúi đầu kính nể, khâm phục.

Sau 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, ngày 19/4/1975, lịch sử Mũi Né đã sang trang mới. Truyền thống đấu tranh anh dũng của người dân Mũi Né sáng ngời trên từng trang sử. Từ đây đã giúp cho Đảng bộ và nhân dân phường nhà rút ra 04 bài học kinh nghiệm như sau:

1. Truyền thống yêu nước và lòng căm thù giặc sâu sắc cùng với ý thức độc lập tự do và sự đồng thuận,

hưởng ứng của nhân dân đã trở thành sức mạnh vững chắc để chiến thắng kẻ thù.

2. Sự lãnh đạo của Đảng giữ vai trò quyết định đến thành công hay thất bại trong các cuộc cách mạng.

3. Xây dựng và phát triển thực lực cách mạng là nhân tố quan trọng.

4. Kiên định lý tưởng cách mạng, không ngại hy sinh gian khổ, gan dạ, mưu trí đã góp phần to lớn vào thắng lợi của cách mạng.

Đảng bộ và nhân dân Mũi Né xin tri ân:

- Các mẹ và các chị chiến sĩ, Bà mẹ Việt nam anh hùng đã có công lao to lớn trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và toàn thể nhân dân Mũi Né đã chịu nhiều hy sinh, tổn thất.

- Các liệt sỹ, thương binh (có 107 liệt sĩ, 15 thương binh) và toàn thể cán bộ chiến sĩ, những con em gan dạ, trung thành của Mũi Né đã hy sinh qua 2 cuộc kháng chiến.

Những người đi trước đã kiên trung anh dũng vì quê hương Mũi Né hy sinh chắc chắn sẽ được mãn nguyện và tự hào về thế hệ trẻ của Mũi Né hôm nay đang nối tiếp bước đi vẻ vang của mình trong giai đoạn cách mạng mới, tiếp tục làm hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng quê hương Mũi Né phát triển phồn vinh.

PHỤ LỤC

Danh sách Ban Việt Minh đầu tiên-xã Khánh Long (1947)

01. Đ/c Võ Trưng	Chủ nhiệm
02. Đ/c Nguyễn Tấn Thời	P.Chủ nhiệm
03. Đ/c Trần Đình Yên	Ủy viên
04. Đ/c Nguyễn Thị Tý	Ủy viên
05. Đ/c Võ Quý	Ủy viên
06. Đ/c Nguyễn Đằng	Ủy viên
07. Đ/c Nguyễn Bài	Ủy viên
08. Đ/c Hồng Sơn	Ủy viên
09. Đ/c Nguyễn Muộn	Ủy viên
10. Đ/c Hồ Đắc Dược	Ủy viên
11. Đ/c Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phụ nữ cứu quốc
12. Đ/c Từ Lâm	Phụ nữ cứu quốc
13. Đ/c Từ Thu Ha	Phụ nữ cứu quốc
14. Đ/c Bạch Đằng Giang	Thanh niên cứu quốc

15. Đ/c Phan Thất	Thanh niên cứu quốc
16. Đ/c Trần Thị Dĩa	Thanh niên cứu quốc
17. Đ/c Đỗ Trân	Công nhân lao động
18. Đ/c Trần Văn Chuyên	Công nhân lao động
19. Đ/c Đỗ Kế	Công nhân lao động
20. Đ/c Nguyễn Thị Thơ (Má Năm)	Hội Mẹ chiến sỹ
21. Đ/c Trần Thị Thích (Má Dĩ)	Hội Mẹ chiến sỹ
22. Bà má Nơ	Hội Mẹ chiến sỹ
23. Cô mụ Tròn	Hội Chị chiến sỹ
24. Đ/c Lương Chuẩn Thá	Hội Hoa liên
25. Đ/c Phan Tiến Mỹ	Hội Hoa liên
26. Đ/c Lương Sanh	Hội Hoa liên
27. Đ/c Tùng (Ngầu)	Hội Hoa liên
28. Đ/c Từ Cẩn	Hội Hoa liên

Danh sách Chi bộ Đảng đầu tiên của xã Khánh Long (1947)

1. Đ/c Võ Trưng - Bí thư
2. Đ/c Nguyễn Viết Thiện
3. Đ/c Trần Quang Môn
4. Đ/c Lý Kim Quang
5. Đ/c Trần Đôn

Danh sách Đội vũ trang tuyên truyền đầu tiên xã Khánh Long

01. Đ/c Nguyễn Thiện Thuật
02. Đ/c Xí
03. Đ/c Trương Minh Xương
04. Đ/c Trần Quang Môn
05. Đ/c Lê Tứ Thời
06. Đ/c Viễn Chinh (Trương Tấn Mão)
07. Đ/c Lập
08. Đ/c Trần Tự Nhu
09. Đ/c Nguyễn Khải (Xe)
10. Đ/c Hồ Ngọc Điệp (Mười Muộn)

11. Đ/c Lê Văn Mĩn

12. Đ/c Nguyễn Hồng (Nhung)

13. Đ/c Nguyễn Quế

14. Đ/c Lý Hùng Kiệt (Tích)

15. Đ/c Nguyễn Bé

16. Đ/c Đỗ Trân

17. Đ/c Quá

18. Đ/c Đua

19. Đ/c Ý

20. Đ/c Lâm

21. Ông Trần Hộ: (sau này chạy theo địch)

22. Ông Nguyễn Hữu Dậy : (sau này chạy theo địch)

23. Ông Bạch Đằng Giang : (sau này chạy theo địch)

24. Đ/c Đặng Minh Châu

25. Đ/c Nguyễn Văn Long

Danh sách bà mẹ Việt Nam anh hùng

1 Trần Thị Lịch (1918-2013). Có 03 con là liệt sỹ

2 Lê Thị Mạnh (1912-1962). Có 01 con độc nhất là liệt sỹ

Danh sách các Liệt sỹ giai đoạn 1930-1945

THỜI KỲ CHỐNG PHÁP

1. Huỳnh Hóa
2. Lê Liễu
3. Nguyễn Trí
4. Võ Đủ
5. Đinh Văn Quý
6. Lê Ất
7. Lê Thị Bé
8. Trần Thanh Hải
9. Phạm Mạnh
10. Đinh Khắc Minh
11. Huỳnh La Lý
12. Lê Đình Đức
13. Võ Bá Thiệu
14. Nguyễn Ghe
15. Nguyễn Long
16. Nguyễn Mạnh Tường
17. Nguyễn Văn Rớt
18. Nguyễn Văn Thà
19. Trần Mộng Điệp
20. Vương Hùng Hổ

21. Trần Đình Ngô
22. Trần Trí Thức
23. Nguyễn Dừa
24. Đặng Nhỏ
25. Nguyễn Đàm
26. Phan Ngọc Thanh
27. Phạm Xích
28. Cao Minh
29. Trần Sửu
30. Nguyễn Văn Thành
31. Trương Văn Tỷ
32. Nguyễn Viết Kỷ
33. Nguyễn Viết Tỵ
34. Nguyễn Minh Thơ
35. Nguyễn Thị Chính
36. Phạm Thiện Tích
37. Nguyễn Tý
38. Đinh Công Phú
39. Huỳnh Văn Xuyến
40. Trần Trọng Sĩ
41. Nguyễn Viết Thiện
42. Lê Công
43. Nguyễn Ôi
44. Trần Ái Nhân

45. Nguyễn Văn Thành
46. Nguyễn Hoa Đào
47. Lê Văn Thơ
48. Trần Dần
49. Võ Văn Kỷ
50. Nguyễn Văn Thắng
51. Lê Văn Tạo
52. Trần Nha
53. Lê Thành Long
54. Nguyễn Văn Hiệp
55. Nguyễn Đậu

THỜI KỲ CHỐNG MỸ

1. Nguyễn Minh Hiếu
2. Nguyễn Văn Lô
3. Trần Văn Thanh
4. Nguyễn Văn Thạnh
5. Nguyễn Luân
6. Nguyễn Văn Hớn
7. NguyễnThanh Hùng
8. Nguyễn Văn Cây
9. Nguyễn Quỳnh

10. Nguyễn Văn Điệp
11. Lê Trọng Hy
12. Nguyễn Văn Thái
13. Nguyễn Văn Hòa
14. Nguyễn Lựu
15. Văn Hữu Minh
16. Nguyễn Văn Luyện
17. Nguyễn Tuấn
18. Nguyễn Văn Hoa
19. Nguyễn Thanh Lộc
20. Trần Lợi
21. Nguyễn Tiến Dũng
22. Nguyễn Dương
23. Võ Văn Lợi
24. Võ Văn Hùng
25. Võ Đức Thắng
26. Phạm Văn Tiến
27. Nguyễn Nhất Linh
28. Nguyễn Thanh Trung
29. Nguyễn Văn Mạo
30. Võ Trung Thành

31. Trần Văn Thắng
32. Trần Văn Quang
33. Trần Liễu
34. Võ Khắc Điển
35. Nguyễn Văn Tuấn
36. Nguyễn Hữu Tâm
37. Nguyễn Văn Thấu
38. Nguyễn Ngọc Sơn
39. Lâm Văn Hải
40. Nguyễn Minh Lương
41. Đồng Quốc Thiện
42. Nguyễn Văn Lô
43. Nguyễn Thanh Tài
44. Nguyễn Văn Thân
45. Nguyễn Tấn Phát
46. Trần Văn Năm
47. Nguyễn Văn Hà
48. Nguyễn Văn Thọ
49. Huỳnh Văn Phước
50. Phạm Dưỡng
51. Huỳnh Còn
52. Nguyễn Văn Bút

Danh sách thương binh giai đoạn 1930-1975

1 Trần Đình Nghị

2 Trần Đình Phương

3 Trần Minh Quang

4 Nguyễn Ngọc Biểu

5 Nguyễn Thị Lài

6 Nguyễn Văn Muộn

7 Lê Thị Quốc

8 Hồ Thanh Tâm

9 Trần Thị Lánh

10 Đoàn Ngọc Thuận

11 Nguyễn Đức Sanh

12 Huỳnh Thị Cúc

13 Phan Thanh

14 Nguyễn Văn Xã

15 Bùi Thị Tư

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 3

CHƯƠNG I: **TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC TỪ 1930 ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG 8/1945**

I/ Một số nét về vùng đất, con người xưa và nay. 5

II/ Phong trào cách mạng từ 1930 đến tháng 8/1945 11

CHƯƠNG II: **9 NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 – 1954)**

I/ Thử thách ban đầu 30

II/ Lập căn cứ Rừng Ngang 39

III/ Chi bộ Đảng đầu tiên ra đời 44

IV/ Thành lập Đội Vũ trang Tuyên truyền 48

V/ Công tác địch vận đạt kết quả tốt 60

VI/ Các đoàn thể được củng cố và những đóng góp to lớn của các mẹ chiến sỹ 67

VII/ Kho lương kháng chiến 75

VIII/ Thử thách và thắng lợi (1951-1953) 79

IX/ Tiêu diệt Tiểu khu Mũi Né 86

CHƯƠNG III: **KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954 – 1975)**

I/ Những ngày đầu gian khổ 101

II/ Củng cố lực lượng, giành dân phá ấp chiến lược 111

III/ Chủ động tiến công địch 124

IV/ Kìm chân địch, giải phóng Mũi Né 132

KẾT LUẬN 145

PHỤ LỤC 152

MŨI NÉ
TUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG
(1930 - 1975)

** Chịu trách nhiệm nội dung :*
Ban chấp hành Đảng bộ phường Mũi Né, khóa XIII

** Chịu trách nhiệm xuất bản :*
NGUYỄN NAM LONG
TUV – Bí thư Đảng ủy phường Mũi Né, khoá XIII

** Chịu trách nhiệm biên soạn :*
Ban Thường vụ Đảng ủy phường Mũi Né, khoá XIII

** Sưu tầm và biên soạn :*
NGUYỄN VĂN HỮU (Chủ biên)
TRẦN KIỆN - NGUYỄN HỮU DƯ
NGUYỄN VIỆT ĐIỂU - ĐỖ TRÂN
LƯƠNG CHUẨN THÁI

** Biên tập :*
DOÃN HỒ LƯU

** Trình bày và hình ảnh :*
DOÃN HỒ LƯU - NGUYỄN VĂN HỮU

In 200 cuốn, khổ 13 x 19 cm tại Công ty cổ phần In và Bao bì Bình Thuận *(77 Võ Thị Sáu - Phan Thiết - Bình Thuận)*. Giấy phép xuất bản số: 24/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông Bình Thuận cấp ngày 23 tháng 4 năm 2015. In xong và nộp lưu chiểu tháng 5/2015.